

mai thảo

A stylized illustration of a boat on a river with mountains in the background. The boat is dark and has several figures on board. The river is a vibrant pinkish-red color. In the background, there are dark, jagged mountains under a blue sky with a few white clouds.

Chuyến tàu trên
sông Hồng

tập truyện ngắn

**chuyến tàu trên
sông Hồng**

mai thảo

chuyến tàu trên sông Hồng

mai thảo

bìa: *Internet*

trình bày: *Muon Phuong*

nguồn: *Tieulun*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

**chuyến tàu trên
sông Hồng**

MAI THẢO

MỤC LỤC

Chuyến tàu trên sông hồng	9
Vầng trăng thơ ấu	23
Chấp một tay	43
Người cha và người con	55
Lên mười	91
Người thầy học cũ	103
Người điên dưới	
chân sườn Tam Đảo	119
Những tấm hình của chị Thời	151
Những vì sao thứ nhất	189

CHUYẾN TÀU TRÊN SÔNG HỒNG

Hình dung thấy một cái bến tỉnh lẻ. Buổi chiều mùa đông. Những trụ xi măng ướt sương. Ánh đèn dầu le lói hắt ra từ những quán lá thấp. Đám người ngồi chen vai trên những hàng ghế nối liền, xây lưng ra mặt bến. Những đứa con gái mặc quần đen, áo cánh trắng, ngoài khoác áo bông đột chỉ như bàn cờ tướng, áo len xanh đỏ đan hình quả trám, hình tổ ong, hình dây thừng, thoăn thoắt mức đồ ăn từ những chậu sành da hươu vàng đậm ra những cái đĩa quả đào. Thịt ba chỉ kho, nước thịt nâu đậm nhếch nhoáng, sao mỡ nổi dày trên mặt, đậu nhồi lốm đốm những cuộn hành xanh non, món giả ba ba có ốc ang chuối chát

và giềng mẻ quyền quyết lớn nhỏ, cá chép kho sắt từng khoanh mỏng, mỗi khoanh còn nguyên một thỏi trứng vàng. Mưa lất phất ngoài trời. Người mại bản Trung Hoa cỡi trần ngồi trong một túp lều dựng ở đầu cầu đi xuống con tàu phì phà thở khói.

Và thằng nhỏ đứng đó. Nó đội mũ trắng, quai mũ kéo căng xuống cằm. Quần trúc bầu sột soạt. Cái áo an-ba-ga quá khổ may dài đón tuổi thùng thình tới mắt cá chân, tay áo phải bện lên đến hai vòng, thả hết sẽ chum kín ngón. Bữa cơm đầu ghế trong những quán lá thấp kia sao mà vui ấm ồ ào, sao mà ngon miệng ngon mắt đến thế. Đứa nhỏ muốn vào ngồi đó, gọi đồ ăn, cầm đũa cầm bát như người lớn. Nhưng mẹ nó đã gói sẵn cho nó một bữa ăn đêm đến trên tàu rồi. Một gói muối vừng rang mặn, mẹ ngồi xồm rang vừng trên cái bếp kiềng ba chân, trong căn nhà bếp sát vách chuồng trâu khói rơm kết đóng thành bồ hóng phủ kín như một lớp rêu đen nhảy trên các đầu kèo, mẹ già

vùng trên cái nia tre nhỏ, rồi gói vào lá chuối tươi cùng với khoai cơm nắm nhuyễn như bột mẹ nấu trong cái niêu đất nhỏ bằng gạo tám thơm để dành trong hũ sành đặt dưới gầm bàn thờ, bằng nước mưa mùa hè chảy xuống cái bể rêu có ống máng cau dẫn nước từ đầu trái xuống.

Và đứa nhỏ ngoan ngoãn nuốt nước miếng quay đi, nghĩ rằng chuyến đi đầu tiên trong đời nó phải có cái bữa ăn dọc đường thanh đạm ấy. Nó đi thần thơ chờ giờ khởi hành. Ra khỏi bờ ao có bè rau muống thả dài dưới bóng cây sung, cây mít, có luống khoai ngứa lá to bản đỏ tía bờ ao bên kia, có cá chuối dưới chân cầu ao, cá bống mít vươn cái bụng trắng phau phau những buổi trưa nắng êm ả điểm từng tiếng động lộp bộp của trái rụng trong vườn, ra khỏi cái ngõ ruối những tinh sương xanh, nó cầm cái nỏ cao su gác ổi chờ rình con chim chào mào sáng nào cũng đến đậu trên ngọn cây soan, ra khỏi căn nhà lá ba gian hai chái có bàn thờ ông

bà ông vãi kê chính giữa đằng sau bộ trường kỷ trên để một khay chén tổng chén quân và một bình trà Ninh Thái chữ tàu đỏ chói, buổi chiều tuổi nhỏ ấy, đứa nhỏ đã vượt qua con đường tàu chìm khuất dưới đám cỏ bông, đi qua vùng ngoại ô là xóm cô đầu ngày trước, tới chân bức tường thành cổ ngập ngụa lá sấu lá bàng, rồi là những con đường đầy than và những chuyến xe goòng, rồi là những ống khói của nhà máy dệt sau những bức tường màu xám cao ngất, và nó đã đứng đó, chờ đợi chuyến tàu thứ nhất trong đời ngược dòng chở nó vào cái thế giới hiện lên trong tưởng tượng ấu thơ như một chân trời cách trở nghìn trùng là Hà Nội.

o O o

Hình dung thấy một con tàu nằm sát kề mặt bến. Cái ống khói đen chũi, lăm lè thả ra những đợt khói trắng vọt vờ trên miệng. Một con tàu già nua, ọp ẹp, nước sông rỉ rề lênh lảng suốt ba khoang hầm tàu, bọn phu cửi trần đêm ngày thay phiên nhau múc nước đổ òm

ọp ra sông, tát ra tới đâu nước vào tới đó. Một cái cầu mong mảnh vắt chênh vênh từ kè đá bến xuống cửa khoang tàu ướn nhẩy. Đứa nhỏ hoàn hồn thở ra khi đi hết cái cầu dập dình nguy hiểm, nó run chân, nó lạnh người, chỉ sợ bước hụt lộn nhào xuống lòng sông. Đám người xuôi ngược nằm ngồi ngổn ngang giữa đám hàng hóa chất đống. Muối bể đựng trong bao tải ướn nhẹp, mặt bao đánh dấu từng tên của hàng. Bao muối quật mạnh xuống sàn tàu vỡ toang, muối nhỏ hạt hồng hồng phù sa chảy ứa từng đống lớn. Gạo cám và ngô khoai toát ra mùi ẩm mốc ngai ngái. Trứng vịt trứng gà xếp đầy trong những cái dảnh đặt ở những xó góc riêng tránh xa những lối đi. Đòn gánh, quang thúng, vỉ buồm, tay nải thoi lòi từ những gậm ghế chạy dài suốt khắp hai mạn. Ánh đèn sáng trưng. Cái ống khói vượt khỏi hầm tàu chiếm một khoảng rộng chính giữa con tàu thở phì phà. Hơi nóng rùng rục choáng váng phả lên từ cái lò than vĩ đại dưới hầm. Đứa nhỏ lần bước về mũi tàu, chọn được một chỗ ngồi trên

đồng hàng hóa, len lén ngồi xuống. Gió sông ném mưa vào mặt nó, làm tỉnh táo hẳn cái trạng thái lạc lõng kỳ thú của cuộc phiêu lưu đầu đời. Cặp mắt con chim ra ràng mở thao láo, ngó nghiêng nghiêng, dựng đầy hình ảnh. Đồng dây xích sắt quất nhiều vòng quanh cái trụ bóng loáng. Những cabin đánh số chiếm một khoảng riêng, người chủ tàu ngậm tẩu bệ vệ đi đi lại lại trên khoảng hành lang cách ngăn bằng một cánh cửa thấp. Rồi mặt sông mà bóng tối đã phủ xuống cùng mưa bay bổng vang động những tiếng còi hú dài lạnh lạnh. Tiếng lạt sạt của cái cầu gỗ được kéo lên. Dây thừng, cây cầu, được kéo lên. Dây cáp rời trụ buộc trên bến buông thả lồm bồm xuống mặt nước. Bốn người phu cỡi trần gò mình chạy quanh trục neo, cái neo rút lên từ từ lẫn vào mũi tàu. Đứa nhỏ nghển cổ nhìn lại. Mặt bến xa dần, hẵng đi trong khoảng cách biệt bắt đầu. Những ngọn đèn vàng ệch. Những bóng người nhá nhem chuyển dịch trên cái bến trống thoáng chợt rộng hẳn vì con tàu đã thôi

án ngữ. Tiếng nước chảy ngược gào réo hai mạn. Nghiêng đầu ngó ra mặt sông tối om thoang thoáng vệt nước trắng xóa. Con tàu ngược dòng sông Hồng, ra khỏi tỉnh và những bờ bãi hoang vu, những làng xóm im lìm bắt đầu.

o O o

Hình dung thấy đứa nhỏ ngồi đó và nó nghĩ. Nghĩ đến cái thôn xóm hẻo lánh bên đường xe lửa nó vừa già từ, đến cái tuổi nhỏ như một bông hoa đồng, một ngọn cỏ nội nó vừa bỏ lại. Những ngày mưa bão ở quê cũ, nước dềnh mặt ao, mấp mé đầu thềm, nó đầu đội mưa bắt cá lạch, nhặt trái rụng, cái mặt tái mét, quần áo dán chặt vào thân thể nhợt nhạt run rẩy nhưng tâm hồn mừng vui như mở hội. Đứa nhỏ yêu những ngày nước lụt, những ngày mưa bão như thế. Ban đêm nó tỉnh dậy khi nhạc mưa rào rào trên mái, khi gió quật đập dữ dội làm những kèo nhà cốt kết lay chuyển, khi những

hàng xóm những tiếng í ới hò nhau chống nhà vang động trong mưa. Buổi sáng, nó nhẩy cẫng xuống đất, chạy vội ra đầu chái nhìn lên. Mây hoang hoang đầy trời bão động. Mẹ nó kéo lết vào bắt mặc áo bắt đi guốc. Nó thoát khỏi tay mẹ, chạy ra lấy thau đồng hứng nước mưa từ đầu gianh trút xuống, ngồi thu lu. Nước chảy tràn lan khắp cùng ngõ trước sâu sau. Nước băng băng dồn đổ, đâu đâu cũng là nước, cái cảnh tượng ngập lụt của tuổi nhỏ ấy là sự mê thích sáng khoái rất tạo vật rất thiên nhiên mà đứa nhỏ đang hồi tưởng từ một chuyến tàu đang ngược dòng về thành phố lớn.

o O o

Hình dung thấy con tàu đó trên con sông đó. Con sông Hồng. Như dòng máu đỏ tươi chảy băng băng khắp vùng trí nhớ băng khuân. Con sông như một đời sống vĩ đại. Bên này bãi lở. Bên kia bãi bồi. Tiếng sóng giữa dòng

trùng trùng ca hát. Tiếng sóng đập cái tiếng đập menh mông đầu ghềnh nơi tả ngạn bị hút xoáy mãi miết, nước xôn xao róc rách đẩy lùi mãi những bãi dâu và những nương khoai vào những chân tre cũ. Nơi tả ngạn, ngọn sóng hiền lành mùa lũ này qua mùa lũ khác. Đứa nhỏ trôi theo con tàu trên dòng trường giang hùng vĩ chợt nhớ tới những con sông làng thôn mềm dải lụa có trâu đầm từng đàn dưới bóng đa nghiêng, có những chiếc cầu đá dẫn tới một phiên chợ sớm đầu đình, có những cầu gạch mở vào những cái ngõ lang thang mất hút, có cỏ gà trên gò đồng, cỏ ống trên mồ mả, có những cầu tre tay vịn chòng chành, đêm đêm có ánh đom đóm lập lờ, có ánh trăng lướt chở tới những khoảng sân gạch Bát Tràng nồng ấm hương lúa đầu mùa. Tiếng quạt thóc, tiếng đập thóc rào rào. Màu lúa vàng diệp dưới ánh trăng nhể nhại. Tiếng cười tiếng đùa ròn rã là âm thanh đầm ấm của những năm tháng được mùa thỏa thuê trong hạnh phúc quê mùa và yên vui đơn giản. Đứa nhỏ nhớ

mãi cái cảm giác lạo xạo dưới lòng chân khi nó dang tay đi rê rê, miệng ngậm một cọng rơm tươi giữa đám thợ gặt từ những phương trời khác đeo hái tới làng, lại đeo hái lên đường tới những cánh đồng chưa gặt hái khác. Nó thấy người ta nói chuyện tiếu lâm, người ta tự tình, người ta yêu nhau. Và khi đám con trai lạ bỏ làng đi, nó cũng đứng tần ngần dưới chân đê nhìn theo cái hàng một dài tấp kéo dài trong ánh bình minh rồi nhỏ dần, nhỏ dần như một sợi chỉ và mất hút. Nhớ tiếng trống làng thùng thùng. Tiếng chuông chiều buổi tối. Tiếng mõ niệm buổi trưa. Tiếng gà gáy sớm. Tiếng chó sủa đêm. Nhớ những âm thanh mộc mạc nghìn đời của đất của đồng của hoa của cỏ. Nhớ tiếng ếch tiếng nhái ảo uộp dưới ao bèo Nhật Bản, tiếng ve ran ran, tiếng sáo diều vi vu bất tận trên nền trời rộng, tiếng đòn gánh kéo kẹt rập rình, tiếng chân đi nặng nặng của đám tuần vác mõ canh đêm, là những tiếng động cũ kỹ, thuần túy của xóm làng có ao sen đầu đình giếng đá đầu quán, có những chuyến xe buýt

cà rịch cà tang thở khói khét lẹt trên mặt đê cao. Đứa nhỏ sống trong thứ thời gian rất thơ và rất xanh, của bốn mùa, thứ không gian tình cờ của mưa mưa nắng nắng, nó sống trong cái thế giới của chuồng trâu bếp lửa, của khói rạ lượn lờ trên mái tranh, của hương hoàng lan thoang thoảng trong cây, của hương bồ kết cay cay trong tóc. Nó nhớ lại tuổi nhỏ như một con chuồn chuồn ngất ngư trong biển nắng, cái tuổi nhỏ như say rượu, cái tuổi nhỏ nằm tròn thành một giọt sương mai giữa đất trời, cái tuổi nhỏ ru nó bằng nhịp võng đưa, cái tuổi nhỏ thật nhỏ, cũng thật hiền, thật non và cũng thật xanh, cái tuổi nhỏ của cái mũ trắng nó đang đội, của cái quần trúc bầu sột soạt nó đang mặc, của tóc mới đâm cứng như rễ tre, của da mới vỡ đầy vết lang ben, của tiếng nói khao khao như tiếng gà trống, cái tuổi nhỏ thật là tuổi hồng, cái tuổi nhỏ ở đồng chưa từng biết thế nào là ánh điện, là đường nhựa, là ngã tư, là phố phường.

Hình dung thấy chuyển đi đó, trên con tàu, trên Hồng Hà. Đêm trên sông lớn trải khắp bốn hướng mênh mông. Đứa nhỏ riu mắt gục xuống cái mũ trắng trên đầu gối, thiếp đi. Bỗng nó bàng hoàng thức dậy. Con tàu ngược dòng như lãng đãng trườn đi trong khói sương và chiêm bao mơ hồ. Rồi là một hồi còi. Từ cái đỉnh ống khói, tiếng còi được ném lên vòm trời khởi sự là một thứ âm thanh đặc quánh hơn nước, tiếng còi vụt lên thật cao, còi rừng mình rồi phóng về hai phía, vẽ lên, bằng cái âm thanh ngân ngân vang vang kỳ lạ của nó tất cả những bờ bãi, những cuối mỏm, những đầu ghềnh, những khúc quanh, những ngã ba nhật nhòa trong bóng tối. Tiếng còi vang động một vùng làng xóm ngủ thiếp, lọt vào những cánh cổng đóng kín, lan tới những khoảng sân vắng, những cái bếp tro than nguội lạnh, những bờ ao kín đặc trong sương, tự lòng sông chuyển cả không gian mịt mù, chuyển cả thời gian

thăm thẳm, chuyển những vì sao lạc, những ánh trăng sông, cái điệp điệp trùng trùng của trường giang, cái mênh mông ngút mắt của bãi bờ, của cửa biển, của khơi xa, của núi rừng vào những làng xóm, làng xóm trùm kín lấy, và lắng đọng bồi hồi mãi mãi. Con tàu đi vào một khúc sông khác. Nhưng tiếng còi đêm còn lại, vĩnh viễn, với Hồng Hà. Đứa nhỏ nghe tiếng còi và tiếng còi bao nhiêu tháng năm sau này, còn ám ảnh thần trí nó, kết tinh thành cái âm thanh của tuổi nhỏ mất dần từ một đêm bỏ làng ra phường phố. Lớn lên, đi qua một con sông nào, dừng lại ở một bến tàu nào, đứng ngắm một dòng nước nào, trong đầu óc đứa nhỏ lại nổi dậy cái âm thanh nào nùng lê thê của tiếng còi trên dòng sông Hồng của một chuyến đi tuổi nhỏ. Cúi đầu xuống và nhắm mắt lại mà theo dõi cái âm thanh không bao giờ mất ấy trong dòng hồi tưởng, nó lại như thấy vẽ ra trước mắt con tàu cũ, cái bến xưa, và tất cả những hình ảnh của một tuổi nhỏ chơi với như một cánh bướm ma ẩn ẩn hiện hiện trong sương

mù quá khứ. Đó là đợt gió lùa vào tiềm thức. Tiếng nức nở của tuổi thơ. Tiếng thở dài của quá khứ khi hình hài và tâm hồn nó bây giờ đã đổi khác. Đó là âm thanh khởi đầu cho một trình tự hồi tưởng xa thẳm, khi nó muốn nhỏ lại như tuổi nào, để được ngậm một cọng rơm tươi, chạy miết trên những con đường đồng dẫn đưa vào thiên đường cũ.

Hồi tưởng lại một buổi sáng nhợt nhạt. Con tàu ghé bến Hà Nội rồi. Phường phố lớn chập chùng. Đứa nhỏ bàng hoàng đi lên. Và con sông Hồng, và tiếng còi và chuyến tàu đã bỏ lại sau lưng cùng tuổi nhỏ.

VÀNG TRĂNG THƠ ẤU

Chu đi xuống mặt đường, một mình. Một lần nữa cuộc đi chơi tay đôi đêm nay lại không thành. Hiền kêu mệt, xin lỗi, nhưng Chu biết Hiền nói dối. Mệt mỗi chỉ là một cớ để thoái thác của người đàn bà.

Buồng riêng của Hiền ở tầng lầu thứ ba, giữa trung tâm thành phố. Cửa sổ trông xuống đại lộ. Căn nhà nhiều tầng, vào bằng hành lang riêng, có thang máy đưa lên, cả một tầng dưới ngăn chia thành những khu cửa hàng. Ban ngày màu sắc lộng lẫy trong những ô kính chạy dọc theo những hình đèn neon. Ban đêm, bóng tối âm u lọt qua mấy tấm cửa sắt cứ đúng sáu giờ chiều là người gác cửa đã buông xuống. Chu đến giữa lúc tiếng sắt kêu trong im

lặng. Người gác cửa mở cửa ngó ra. Y mệt mỏi nhìn Chu đang trả tiền xe.

“Tôi muốn lên thăm cô Hiền”.

“Giờ này cô ấy làm gì có nhà”.

Chu đi ra ngoài hè đường ngược mắt nhìn lên. Chàng mỉm cười nói với người gác già:

“Cửa sổ còn sáng đèn. Ông cứ để tôi lên”.

Gian buồng nhỏ của gia đình người gác cửa chìm thấp hơn mặt đường. Chiếc bình tích và những cái chén lẫn lóc. Vợ người gác ngồi tựa lưng vào thành giường, yên lặng không biết thức hay ngủ. Dưới nền đá hoa, một đứa trẻ ngủ rất say trên chiếc chiếu cũ. Chu mỉm cười nhìn lại đứa trẻ đoạn đi vào hành lang tối. Manh chiếu và đứa trẻ nhỏ vừa gọi lại cho chàng hình ảnh một đầu mái hiên của một căn nhà cổ, ba gian hai chái. Ngày nhỏ, Chu nhớ có một đêm chàng đã đứng lại rất lâu ở cái đầu mái hiên ấy, ngắm Hiền ngủ bần bật dưới ánh

trăng. Bây giờ, cuộc đời đổi thay với những khúc những nếp rối rắm, có rất nhiều khoảng ngỗ cụt đứng chắn lối trở về dĩ vãng, Chu chỉ nhớ lại được vồn vẹn có thể. Cái hành lang tối chàng đang đi vào không gọi nhớ. Người ta không nhớ nhung nhiều, giữa thành phố. Tình cảm chứa nén trong giới hạn nhất định của những bờ tường những mái nhà, khô lại như những bông hoa giấy. Đoạn đường ngắn dẫn đến trước thang máy không đủ không khí cần thiết cho những hình ảnh cũ được trở về. Hình như chúng ở đâu. Ngoài ngoài ô. Trong ngày xưa. Nhưng chúng đến được ở đây. Chu bấm nút điện mở cửa vào thang với một hình ảnh duy nhất: Hiền nằm ngủ êm đềm dưới ánh trăng. Hình ảnh cô đơn trải đi, lênh đèn, giống như một hòn đảo hoang giữa màu vàng rời rọi không bờ bến. Tự nhiên Chu thấy buồn lạ lùng. Chàng cúi đầu xuống. Khung thang hẹp như một cái hộp vùn vụt đưa chàng lên.

Buồng Hiền ở, Chu đi đi lại lại mấy lần mới

tìm thấy số. Đến đây đã một vài lần, tuy vậy những căn buồng giống nhau vẫn làm chàng nhàm lẫn. Cửa sơn màu trắng sữa. Số buồng bằng đồng nổi. Chu đưa tay nắn lại cái nút cà vạt cũ.

Có tiếng chân bên trong, rồi Hiền mở cửa, hiện ra trên một nền ánh sáng xanh dịu. Nàng nhìn Chu ngạc nhiên:

“Kìa anh Chu, em lại tưởng ai. Anh đi đâu thế?”

Còn đi đâu nữa. Chu vừa nghĩ thầm vừa đi vào. Tấm gương lớn ở phía tủ áo hắt trả lại bóng Chu đứng ngơ ngàng trước một căn phòng trang trí cũng lộng lẫy như sắc đẹp của người thiếu nữ. Bộ mặt thành phố chỉ thu nhỏ lại ở đây. Đại lộ chói sáng. Những đoàn xe nhiều màu trườn đi như những con rắn. Những bông hoa lớn bọc trên những thành ghế thấp. Đường lông mày của Hiền với những cái đuôi kẻ nhọn và dài vút như một lưỡi dao.

Theo lời Hiền mời, Chu ngồi xuống một thành ghế. Chàng tự cảm thấy khó chịu vì chợt thấy mất hẳn bình tĩnh. Vì cần phải có một phút định thần. Vậy mà người đàn bà trước mặt chỉ là Hiền. Chỉ là người bạn thuở nhỏ đã ngủ thiếp dưới ánh trăng thôn quê. Chu nhớ được thêm: đêm ấy chàng đã đánh thức Hiền dậy. Trăng sáng xanh cắt vạch trên mặt sân gạch. Hai đứa trẻ dắt tay nhau trở về nhà Chu. Cũng lại một khoảng sân gạch thật rộng nữa. Những người tá điền đứng quây vào nhau đập lúa. Đêm mùa vui hơn ngày. Sớm mai lại là cánh đồng ướm sương với những thửa ruộng lúa chín mẩy hạt, điệu hò tiếng hát cất lên, bay đi, đập xuống những thân lúa. Tiếng đập thóc rào rào. Đến lúc Chu đưa Hiền về, trăng vẫn sáng lắm. Những người tá điền vẫn đập lúa.

Chu nghĩ rằng giữa hai người tuy vậy vẫn chẳng có gì thay đổi và không ai cấm chàng có một câu nói một cử chỉ thân mật như ngày trước. Nhưng đến lúc chàng quay trở lại nhìn

Hiền thì chàng lại biết ngay, hết sức rõ rệt, là cử chỉ ấy sẽ không được biểu tỏ, câu nói ấy sẽ không được nói ra. Gặp lại nhau, cuộc sống đã làm họ thành những người lớn. Với những vấn đề những tâm trạng của người lớn. Họ cùng ở giữa thành phố. Nhà Hiền gần đại lộ quá.

Còn mặc quần ngắn, nhưng Hiền đã trang điểm xong trước khi Chu đến. Hai gò má hồng đỏ, cặp mắt sâu hơn giữa những lông mi đã được đánh thắm lại, Chu nhìn vào đã thấy thấp thoáng cái bóng dáng tung bừng của những buổi dạ hội. Cuộc sống ở đây, khi đêm xuống. Bữa tiệc tiếp đón một nữ tài tử điện ảnh đến từ Hương Cảng, một nữ danh ca từ Phi Luật Tân, từ Đông Kinh vừa ghé xuống phi trường thành phố. Những dãy ghế kê thành hàng. Bữa tiệc ồn ồn ào ào với những nghi lễ phiên toái những lời chúc tụng kênh kiệu. Ánh lửa lò sáng rồi lại mờ tối của một tiệm khiêu vũ. Sàn nhảy loang loáng, âm nhạc líu ríu. Không khí ngà ngà mê mê. Chu nghĩ đến tất cả những thứ

đó. Một ánh trăng lạnh đọng lại trong óc. Chu đi lại về phía bàn phấn chống tay nhìn xuống. Chàng bắt đầu thấy hối hận về việc đã đến tìm Hiền mà nguyên nhân chỉ vì đêm nay thành phố có trăng thôi. Như thế một lúc lâu. Quay lại Hiền vẫn đứng ở chỗ cũ. Giọng nàng ngượng ngừng:

“Anh ngồi chơi chứ đứng đây ư? Lạ quá đi mất”.

“Hiền bận gì không?”

“Không anh ạ. Anh định rủ em đi đâu bây giờ”.

“Không, Chu trả lời”.

Chàng thấy mình không có gì hết. Không có một tí gì hết. Đêm trăng trên kia vô nghĩa và cách biệt với nơi này. Chàng đi ra cửa sổ nhìn xuống. Càng cảm thấy tất cả sự vô nghĩa đó. Những mảnh trăng mờ mờ gãy vỡ giữa những bóng lá. Ánh sáng vàng yếu tầm thường của

nó chỉ có thể đoán thấy mà không nhìn thấy trên mặt đường. Bốn phía xung quanh, ngang từng cao của rừng cửa sổ, những ánh đèn trập trùng xa xa gần gần làm cho đêm thành phố có chiều sâu và những tầm cao thấp chông chênh hỗn loạn lên nhau. Chu khép cửa quay trở vào:

“Lúc đến đây anh định rủ Hiền xuống phố đi bộ một lát. Nhưng thôi để lúc khác vậy. Chắc em bận, anh đi về”.

Giọng nói của Hiền vui mừng không giấu được:

“Bận thì không bận, nhưng em mệt đang muốn nằm nghỉ một lát thì anh đến”.

Chu gật đầu:

“Thôi anh về”.

Những buổi dạ hội sáng chói. Những bữa tiệc ồn ào. Sàn nhảy của một tiệm khiêu vũ sóng sánh âm nhạc và những bước chân người đàn chen quần quít phía sau lưng:

“Ở ngoài trăng sáng lắm phải không anh Chu?”

Bàn tay Chu nằm nguyên trên thành cửa đã mở hé”.

“Em mở cửa sổ mà xem”.

Sau đó chàng tỏ dấu chào Hiền rồi đi khỏi. Hiền vẫn đứng nguyên ở chỗ cũ. Tiếng thang máy ầm ầm chuyển động, khung thang đổ xuống như lao rồi đứng sững lại trước hành lang. Một lát sau Chu đã ở ngoài đường, như lúc chàng vào, một mình.

o O o

Chu bỏ đi khá lâu rồi Hiền vẫn đứng nguyên không cử động. Căn buồng rộng hẳn ra. Sự có mặt của Chu dù chỉ là chốc lát đã thay đổi cái không khí của nó. Đôi mắt anh ấy buồn lạ. Hiền nghĩ thầm như vậy và đi lại phía bàn phấn. Nàng ngồi xuống im lặng, tự ngắm mình

một lúc lâu. Tắm gương hắt trả một đường môi đỏ. Hiền khẽ nhếch mép. Vết son động đây, ánh ánh. Hiền thoa phấn lại một lần nữa, đứng dậy đi về phía tủ áo. Chiếc áo nàng đã chọn cho đêm nay, màu nó đỏ sẫm với những bông hoa thật lớn. Hiền mở sắc tay lấy ra tấm danh thiếp của Đoàn gửi đến từ chiều, đọc lại. Đoàn là một người bạn mới, nhà giàu, đã sang Pháp nhưng chỉ để đến những hộp đêm và phơi nắng ở những miền duyên hải, năm này qua năm khác tụ hội những đoàn du lịch đến nghỉ mát từ khắp các ngả thành phố lớn của thế giới. Đoàn về nước được sáu tháng. Danh thiếp ghi mấy hàng chữ viết vội:

“Mười một giờ anh sẽ đưa xe đến đón Hiền. Nhớ chú, buổi họp mặt có khiêu vũ ở khách thính của Liễu? Chúng mình sẽ đến đó rồi liệu sau”.

Rồi liệu sau. Tất cả lối sống của Đoàn, của những người bạn mới Hiền vẫn gặp, vẫn đi chơi với họ, cái lối sống tự hủy hoại không suy

nghĩ và chẳng có một vấn đề nào đặt ra là thế. Rồi liệu sau. Hiền đã ngã vào, ngã thật sâu vào lối sống đó. Rồi liệu sau. Nghĩa là rồi lại đến khách thỉnh khác, đi xuống những sàn nhảy, tới những buổi dạ hội những bữa tiệc, nhập vào những cuộc du lịch, tất cả cuộc sống vo tròn lại, ném vào cái không khí ồn ào những chuỗi cười lớn, lộng lẫy màu sắc nhức mắt.

Theo lời khuyên của Đoàn, Hiền đã bán căn nhà ở ngoại ô và thuê căn gác này ở giữa thành phố. Cũng đã được 4, 5 tháng. Cuộc sống mới đầy nàng đi xa nếp sống cũ cùng những kỷ niệm với những người bạn cũ. Trong số những người này có Chu. Chưa một lần nào Chu nói hoặc có những cử chỉ nói Chu yêu nàng. Nhưng Hiền đã cảm thấy, nhờ linh khiếu đặc biệt của người đàn bà về vấn đề này, tình cảm Chu đối với nàng không đứng lại trong giới hạn cũ nữa. Hiền cũng không hỏi. Đúng hơn không muốn hỏi. Nếp sống xa hoa thay đổi tâm tính, đến cả những nhận xét quan niệm chung của người

đàn bà về tương lai và cuộc đời. Hiền sợ tình yêu, thứ tình yêu trang nghiêm, đứng đắn của Chu. Nàng tránh nghĩ đến bất cứ những cái gì bền chặt, có tính chất quyết định. Thấy là mình đã trở nên tầm thường. Thích có một cái buồng ngủ thật đẹp chẳng hạn. Thích có một cái tủ đựng tất cả các thứ hàng áo mới nhập cảng. Thích được sống lộng lẫy. Và thực hiện bằng được tất cả những ý thích đó. Điều này chính là một trong rất nhiều nguyên nhân khiến Hiền tự ý xa Chu tuy tâm tâm vẫn không xa hẳn. Những người như Chu có thể khuất bóng hàng năm, xa cách hàng nghìn cây số, đi trên một con đường khác, nhưng Hiền vẫn không quên được. Một tâm trạng trái ngược mâu thuẫn: nhiều khi thử so sánh với những người bạn mới, Hiền thấy Chu thua kém họ nhiều thứ nhưng Chu đứng riêng một phía. Không thể so sánh được Chu với bất cứ một người nào. Chu đứng một mình, cái hình ảnh cô đơn ấy thật lạnh và thật đẹp. Sự kiêu hãnh của Hiền lại chính là nguyên nhân làm hổ thẹn

mỗi khi chợt nghĩ đến Chu. Như bây giờ. Chu đi rồi. Câu nói cuối cùng của Chu vẫn còn lại:

“Hiền mở cửa mà xem”.

Hiền mở cửa. Đêm xuống lâu, những đợt lạnh dần dần dâng lên trong không khí. Trăng đậu thật xa, phía bên kia, trên một ngọn cây. Khuôn trăng thành phố tròn và phúc hậu từ khuôn mặt của người nhà quê mới ra tỉnh. Hiền mỉm cười về sự so sánh ngộ nghĩnh. Nàng nghĩ lại giọng nói khuôn mặt Chu ban nãy lúc Chu trang nghiêm bỏ đi.

Nhưng rồi nghĩ đến mình, buồn lại đến. Những đêm thật lộng lẫy vậy mà mấy mươi thứ ánh sáng cộng lại vẫn không sáng hết được tâm hồn. Hoang tối nhiều khoảng vẫn còn như những ngã phố vắng không có ai đi qua. Trước đây mấy năm, nhớ là thời kỳ cuối cùng hai người vẫn gặp nhau. Chu vẫn nói thành thật, Chu bao giờ cũng thành thật trong lời nói – tâm hồn Hiền sáng như một đêm trăng sáng. Tự soi

ngắm lại, nhận xét ấy không còn đúng nữa. Nó đã đổi khác. Tâm hồn chỉ còn sáng cái ánh sáng lúc vụt tắt của một ngọn điện treo ngang cột đèn. Chao đèn hướng ánh sáng xuống những khoảng thấp ở dưới. Chẳng có gì đáng nhìn. Hiền ngược mắt. Cái nhìn đi từ những ngọn cây lên cao hơn, tới những đám mây màu trắng và sau cùng nó bắt gặp một vầng trăng thật tròn. Vẫn vầng trăng ban nãy, của chiều hôm trước, nhưng Hiền đã thấy nó khác hẳn. Giống như khuôn mặt người đi đường nhìn thờ ơ không chú ý đến lúc ngó kỹ lại mới chợt nhận ra một người thân. Ánh trăng Chu đến với nàng từ trên ấy, vẫn từ trên ấy. Nhưng Hiền đã không lên được tới đó, không lên được tới đó.

o O o

Đoàn vào mà Hiền vẫn không biết. Đoàn để tay lên vai làm Hiền giật mình quay lại.

“Cô bé áo đỏ”.

Đoàn cười rồi lùi lại châm thuốc lá hút.

Đoàn nói kiểu cách:

“Anh nghĩ rằng Liễu đã làm một việc rất đại đột khi nhắc anh chiều nay thế nào cũng phải đưa em tới. Chắc Liễu sẽ hối hận, nhưng bọn đàn ông thì bằng lòng. Anh không biết anh có nên đưa Hiền đến cái chỗ có trăm mắt đổ dồn vào đó không. Chắc anh sẽ phải chống đỡ trên hàng trăm mặt trận một lúc.

“Em không đi đâu”.

Đoàn mở to mắt rồi cười phá lên.

“Nói đùa đấy, thôi đi. Đến giờ rồi. Chúng mình không nên làm cho thiên hạ đợi.

Tiếng Hiền nhắc lại:

“Anh Đoàn, em không đi thật mà”.

Bấy giờ Đoàn mới ngạc nhiên thật. Điều thuốc lá đưa gần tới môi, sự ngạc nhiên làm Đoàn quên là phải hút hoặc phải hạ tay xuống.

Hiền thông thả đi lại trước mặt Đoàn.

“Anh xin lỗi chị Liễu và các anh ấy hộ em. Và nói hộ để hôm khác em sẽ đến cùng với anh”.

“Tại sao như vậy”, Đoàn hỏi bực tức. “Đến phút cuối cùng mới thay đổi ý kiến, đàn bà các em lạ thật”.

Hiền buồn cười:

“Đàn bà chẳng có gì lạ lùng cả đâu, anh cũng đừng hỏi em tại sao. Chính em cũng không hiểu. Có lẽ tại trong em vẫn còn một người con gái quê mùa. Người con gái quê mùa ấy anh không nên biết thì hơn. Anh vẫn tốt với em lắm xin anh đừng hỏi gì nữa và đi đi kéo muộn. Em ở nhà một mình được rồi. Anh xem em đã mặc áo hoa đỏ này vì biết trước sẽ rất nổi bên cạnh màu tím của anh. Em vẫn định đi với anh đấy chứ. Tự nhiên không muốn đi nữa, có thể thôi anh Đoàn ạ”.

Người đàn ông nhún vai lắc đầu đi ra phía trước.

“Anh Đoàn”.

Y quay trở lại. Giọng Hiền mơ màng. Hiền nói một câu mà Đoàn không hiểu được riêng chỉ có nàng hiểu:

“Đừng giận em nhé, để hôm khác em sẽ lại đi chơi với anh. Nhưng anh đừng đến đón vào những đêm có trăng. Anh nhớ đừng đến đón vào những đêm có trăng”.

o O o

Tiếng cửa sập mạnh, người đàn ông bỏ đi rồi, Hiền quay trở lại phía trước tủ áo yên lặng ngắm bóng mình trong gương. Rồi nàng từ từ tháo hết hàng khuy áo, tháo khỏi tay chiếc áo màu đỏ chói để mặc nó rớt xuống mặt đất. Nàng với tay mở tủ. Dây áo nhiều màu xếp sát nhau trong khoang tủ rộng hiện

ra. Hiền với tay chọn một chiếc áo khác. Mắt nhìn mơ màng. Cuối cùng nàng chọn tấm áo lụa trơn màu xanh nhạt từ từ mặc vào. Trở lại bàn phấn, lấy khăn lau hết sáp môi, cất cái sắc tay vào ngăn kéo. Hiền đi tay không ra cửa, tắt đèn, đóng cửa lại, đi về phía thang máy. Thang máy đưa nàng xuống tầng dưới. Hiền lần theo hành lang tối đi ra phía cửa. Người gác già còn thức. Y vừa hạ cái lưới sắt xuống.

“Kìa cô Hiền. Ông Đoàn vừa đến đón, cô không đi với ông ấy sao? Ông ấy vừa ở đây ra thôi”.

Hiền mỉm cười trước đôi mắt ngạc nhiên của người gác già. Nàng nói dịu dàng:

“Không, tôi không đi với ông Đoàn. Nhưng bây giờ nhờ ông mở hộ cửa cho tôi ra ngoài”.

Tấm lưới sắt lại kéo lên.

“Thế cô có về ngay không để tôi chờ, người gác hỏi”.

Hiền nhìn ra ngoài. Đã khuya lắm nhưng trăng đêm nay sẽ sáng trọn đêm. Nàng lắc đầu:

“Ông cứ đi ngủ. Chưa biết lúc nào tôi về, có lẽ còn lâu lắm. Tôi về tôi sẽ gọi ông dậy, không sao đâu”.

Ra đến ngoài đường, Hiền đứng lại nhìn lên. Đôi mắt nhìn trăng không phải để tìm một ánh sáng đẹp, còn như muốn dò hỏi một lối đi. Đoạn nàng tiến bước. Vừa đi Hiền vừa nghĩ: Phải rồi anh ấy chỉ có thể ở những nơi đó. Thành phố cả thảy có bốn vườn hoa. Bốn khoảng rộng với những chiếc ghế đá những con đường lát sỏi trắng, ánh trăng đang chiếu xuống đó, mênh mông và đầy. Hiền bước nhanh nhưng cũng không thấy vội vã lắm. Trăng sáng bây giờ trên thành phố, nó tròn nó cao thế kia, nó còn đậu ở đỉnh trời thật lâu. Đi trên bờ hè dưới bóng cây những mái hiên, mà Hiền có cảm tưởng như đang đi về một khoảng sân gạch nào, tới một đầu thềm một ngôi nhà cổ nào. Chỗ nằm ngủ cũ. Khoảng sân rộng, trắng

xóa. Tiếng đập lúa đêm đầu mùa. Bóng những người tá điền đổ xuống. Trăng trải chan hòa trên những bờ vai bờ lưng, những cánh tay để trần.

Tấm áo lụa của Hiền mỏng nhẹ một vạt dài bay múa trên đường khuya. Hiền bắt đầu đi về lối vườn hoa thứ nhất. Chắc Chu đang nằm ngửa trên một tấm ghế đá, nhìn lên. Hiền sẽ đứng lại ở đầu lối vào vườn hoa. Nàng sẽ đi thông thả lại bên Chu. Gần chàng, như hồi nhỏ. Nàng sẽ nói với chàng dịu dàng:

“Anh Chu, anh ngồi dậy. Em sẽ nằm gối đầu lên cánh tay anh và em sẽ ngủ thiếp đi như ngày nào dưới ánh trăng kia cho anh xem”.

CHẤP MỘT TAY

Bấy giờ tôi còn ở đường Ký Con gần khu Cầu Ông Lãnh. Căn nhà tôi ở là một cái ngõ hẻm. Trong đáy cùng của cái ngõ bần thũ mọc lên như một cây nấm đại tiểu tụy, hèn mọn, ở ngoài vùng tráng lệ của thành phố, có một túp lều. Túp lều ấy chỉ vừa đủ chỗ cho một cái ghế bố gầy chân nằm chổng chơ.

Trong túp lều có một người đàn bà tàn tật: chị Năm Chùng. Và chị Năm Chùng có một đứa con trai trên là thằng Tám Cục Đất.

Chị Năm Chùng trước kia làm phụ ở một xưởng máy bên vùng Khánh Hội. Một buổi, chị Năm đứng lơ ngơ thế nào để cho máy tiện cán đứt lìa một cánh tay. Từ đó, thất nghiệp, rơi ngã xuống đến tận đáy của khốn cùng, chị Năm Chùng chỉ còn là một thứ người-vật, nửa

sống nửa chết trong cái ngõ hẻm hằng đêm chỉ có lũ chó mèo hoang lai vãng.

Ngày tôi dọn đến Ký Con, chị Năm Chùng dắt thằng nhỏ đen nhẻm, trán dô như bưởi, mắt thao láo, sang nhà tôi ngỏ ý xin cho chị quét dọn nhà cửa mỗi buổi sáng sau khi tôi thức dậy. Nhớ buổi sáng hôm đó, nhìn thằng nhỏ dĩnh ngộ, cái dĩnh ngộ dữ dằn và ngỗ ngược của bầy trẻ lấy hè đường, cống rãnh và những gốc cây làm thế giới tuổi nhỏ, tôi xoa đầu Tám Cục Đất và hỏi nó:

“Mày thích gì, Tám?”

Nó lúi bặt về đằng sau, đứng dạng hai chân chắc nịch, hai bàn tay chặt thành hai trái phật thủ khuỳnh khuỳnh, đáp như dao chém đá:

“Đánh nhau”.

Chị Năm Chùng cau mặt nhìn con, cười hiền hòa:

“Cháu nó hư lắm ạ! Đánh nhau tối ngày”.

Tôi mỉm cười nhìn Tám, nghĩ đến cái luật

yếu mạnh tàn nhẫn của lẽ đường, và cho rằng Tám Cục Đất đánh nhau chỉ là để biểu tỏ sự có mặt của nó và dành một chỗ đứng dưới mặt trời. Tôi vẫn yêu những đứa nhỏ ngỗ ngược. Uốn nắn chúng cho khéo, để trở thành những người lớn khá lắm đấy nhé!

Thế là từ đó, chị Năm Chùng sáng sáng cầm chổi, một mảnh bao bố, theo sau là Tám Cục Đất lễ mễ bung một thùng nước, hai mẹ con lúi húi lau chùi nền đá hoa căn buồng ngủ của tôi cho đến khi nhẵn như gương.

Tôi rất có cảm tình với Tám Cục Đất. Nó giúp mẹ nó như một người lớn vậy. Đôi khi lại còn ra cái điều dạy mẹ, khiến chị Năm Chùng lại cau mặt nhìn tôi cười và nói: “Cháu nó hư lắm!”. Nhưng tôi biết Tám Cục Đất thương mẹ nó lạ thường. Nó thương cái lối thương đặc biệt của nó. Trợn mắt lên. Lầm lằm lì lì chẳng thừa chẳng gửi. Nhưng mà thương.

Từ ngày gặp nhau, chị Năm đau yếu luôn. Chị ho thúng thảng, đầu tóc lúc nào cũng trùm kín dưới một tấm khăn bông lớn. Mỗi tháng

đầu, sáng nào cũng đủ mặt hai mẹ con. Rồi mấy tháng sau, tôi mở cửa không thấy chị Năm bước vào nữa, mà chỉ còn một mình Tám Cục Đất sang làm thay cho mẹ.

Càng ngày, biết nó rõ hơn, tôi càng thấy phát hiện ở Tám Cục Đất một đức tính quý và hiếm như vàng trong cái xã hội nghèo khổ đầu đường xó chợ. Đó là sự thật thà. Tiền tôi để trên mặt bàn viết, trong túi quần vắt trên thành ghế, những lúc mở cửa cho Tám vào rồi bỏ nhà sang ngã tư bên kia đường ăn sáng, trở về tiền để đâu vẫn còn nguyên đó, không mất một đồng nào.

Tám đã không ăn cắp, tôi còn nhớ Tám không đến nỗi bị mất cắp một mẻ lớn nữa. Chả là một đêm đi chơi uống rượu say về quên khóa cửa, tôi ngã vật xuống giường ngủ thiếp đi, nửa đêm bỗng giật mình thức dậy vì một tiếng kêu vỡ tai, tiếng kêu của Tám Cục Đất ở ngoài đường:

“Ăn cắp! Ông ơi! Nó ăn cắp của ông”.

Bóng đen chạy từ giường tôi chạy vụt ra, hốt hoảng ném trả lại cái quần. Trong túi quần, có hai chục ngàn đồng buổi chiều tôi vừa lấy ở nhà phát hành Thống Nhất về. May quá, Tám vừa đi qua cửa đúng lúc nó nhìn thấy thằng trộm lén vào. Trộm chạy rồi, Tám còn rượt theo như một mũi tên, vừa đuổi về la đến tận đầu phố. Sáng hôm sau, tôi gọi Tám sang cảm ơn nó và thưởng cho nó năm trăm. Nó nhận nhưng không tiêu một đồng nào mà đưa hết cho mẹ. Cử chỉ đó của trẻ con tưởng người lớn nào cũng phải ngạc nhiên và mến phục.

Tám Cục Đất chỉ có một cái tội: nó hiếu chiến vô tả. Tôi không trông thấy nó gây sự với một đứa nhỏ nào bao giờ, nhưng lạ thay, Tám đến đâu là có võ đài lộ thiên dựng ngay tại đó. Đứa nào trêu, nó đánh liền không oong đơ gì. Máu nóng, máu anh hùng tứ chiếng chảy thao thao và chảy thật đầy trong cái thân thể chuột nhắt và đen cháy của Tám Cục Đất.

Tôi chính mắt thấy nó sập trận nhiều lần. Nhanh như cắt vậy. Và đã lao vào kẻ thù là lao vào bằng những đòn chí tử. Cho nên lần nào nó cũng đánh thắng.

Kẻ thù nguy hiểm và ghê gớm nhất của Tám là bọn ba anh em thằng Tàu lai ở cuối phố. Ba anh em này, đứa nhỏ nhất thấp hơn Tám một đầu, đứa lớn nhất lại cao hơn Tám cũng đúng một đầu. Cuộc tử thí chừng đã diễn ra nhiều lần lắm. Đánh với từng đứa một, Tám thắng dễ dàng không khó nhọc. Nó chỉ cần bình tĩnh vung một quả đấm thôi sơn tay phải của nó là kẻ thù đã lăn cù ra. Nhưng phải xem Tám Cục Đất đơn thương độc mã đấu với cả ba như một chàng Triệu Tử Long tí hon, mới thật sừng sững. Mới thấy sự gan dạ liều lĩnh của nó, so với những đứa nhỏ cùng tuổi, ghê gớm đến thế nào. Có phải dân tay chơi gọi đó là đòn ất giáp, thứ đòn hội chợ phải không? Sáp trận, khi phải đương đầu với ba anh em kẻ thù hợp lại thành một thế tam giác gườm gườm, tôi nhận thấy, lần nào cũng vậy, Tám gan dạ xông pha vút ngang vào giữa. Nó tả xung hữu đột, tay này thoi, chân kia đá, quay tròn như cơn lốc, quyền cước phát ra liên chỉ hồi điệp, và chỉ một loáng mắt ba anh em kẻ thù kia đã sững sờ thất kinh và kéo nhau chạy tan tác về nhiều ngã phố.

Một buổi sáng, chờ cho Tám Cục Đất lau nhà xong, tôi giữ nó lại:

“Cháu đánh nhau như thế không sợ mẹ buồn ư?”

“Chúng nó trêu tức cháu. Chúng nó gọi mẹ cháu là con mẹ què”.

“Nhìn đi có được không?”

Tám Cục Đất mở lớn đôi mắt thao láo nhìn tôi, hình như cái đầu óc trẻ thơ của nó từ phút ra đời không hề hiểu chữ “nhìn” là cái lý cố gì. Nó đứng lên, lẳng lặng xách thùng ra đi, không thèm nói chuyện với tôi nữa.

Bỗng một hôm, tôi xem xinê về đến xế cửa, lúc đó đêm đã khuya lắm, hè đường yên tĩnh và tôi lại trông thấy bốn cái bóng nhỏ thó huỳnh huých quần thảo dưới một gốc cây. Tám Cục Đất lại phải đương đầu với ba anh em kẻ thù của nó. Nhưng lần này, một điều chưa từng xảy ra bao giờ cho Tám đã xảy ra khiến tôi giật mình: Tám thua. Nó trúng đòn như mưa vào mặt mũi, ngã vật xuống một bờ tường.

Tôi thấy Tám vùng đứng dậy, lại loạng choạng lao vào vòng chiến để liền đó lại bị đánh văng vào một gốc cây. Lần ngã này xem chừng nặng lắm. Tám nằm lì không ngóc được đầu dậy nữa. Khi tôi chạy đến và cúi xuống đỡ nó lên cho tựa lưng vào thân cây, nỗi ngạc nhiên của tôi về sự bại trận khó hiểu của Tám Cục Đất mới được cắt nghĩa: cánh tay trái của Tam buộc chặt vào quần bằng một sợi dây. Thì ra nó chỉ sử dụng có độc một nắm đấm tay phải mà thôi. Nó đã chấp kẻ thù một tay và cột chặt cái tay đó lại.

Tôi nhăn mặt kêu lên:

“Sao cháu đại thế. Một đánh ba còn chấp một tay”.

Khuôn mặt Tám sừng húp. Nó mím môi nhìn đi chỗ khác, nín thinh. Tôi phải gắng hỏi mãi, nó mới chịu nói, tiếng nói còn hỗn hển vì đau đớn:

“Chúng nó nói tức, cháu chấp chúng nó”.

“Nói tức mà chấp liền? Chết thật. Lần sau thôi nhé!”

Tám nhổ một đồng nước miếng có lẫn máu xuống đất, rồi ngược nhìn lên cao, nó lắc đầu.

“Cháu đã hứa chấp chúng nó, chỉ đánh bằng một tay, cho đến khi nào được, chúng nó phải thôi không dám gọi mẹ cháu là con mẹ què nữa”.

Tôi ngao ngán lắc đầu thở dài, biết nó đã định là làm, nó anh hùng như thế đó và trời cũng không thay đổi được.

Mấy tuần sau, ngày nào Tám Cục Đất cũng giao chiến với những kẻ thù làm nhục mẹ bằng cách trối lại một cánh tay. Cố nhiên lần nào nó cũng thua. Tôi không được chứng kiến nhưng cứ nhìn thấy nó, buổi sáng sang lau nhà, môi vều lên, mắt sừng húp là đủ để đoán được rằng Tám lại thảm bại. Tôi khuyên nhủ thế nào nó cũng khăng khăng không chịu nghe theo. Khối óc trẻ thơ mà dũng cảm như Tám Cục Đất nếu đã không chịu hiểu nghĩa chữ “nhịn” là gì, giờ tôi còn biết thêm là không chịu hiểu nghĩa chữ “lùi” là gì nữa.

Tám còn chấp một tay thì còn thua nữa, thua mãi. Làm thế nào? Tôi cố moi óc tìm cách giúp nó, như giúp anh chàng tiểu Vô Kỵ liều lĩnh và bướng bỉnh của cái hạt ngọc nơi trang trọng là truyện Cô gái đồ long vậy. Nhưng nghĩ mãi mà diệu kế không chịu nẩy ra.

Mãi đến một hôm, đi ngang qua rạp chớp bóng Casino, nhìn lên một tấm áp phích có tên tài tử cao bồi Randolph Scott, một tia sáng vụt lóe trong đầu tôi. Phải rồi, diệu kế đã tìm thấy bởi tôi vừa nhớ lại một bộ phim của của Scott. Đó là một phim đấm đá và trả thù rất dã man. Trong lúc ngất đi, Scott bị kẻ thù kéo lết đến một bờ suối, đặt tay lên một tảng đá và dùng giấy đinh giẫm nát.

Nhưng rồi, tỉnh dậy Scott đã đánh ngã gục kẻ thù sau đó. Không bằng tay vì hai bàn tay đã nát như. Mà bằng cách liều lĩnh lao đầu như một con tê giác điên cuồng xung phong vào đối thủ.

Về đến nhà, tôi liền gọi Tám Cục Đất sang và mách cho nó cái thế đánh chí mạng của Scott.

Tôi cắt nghĩa cho nó về cái tác dụng tâm lý của cú đánh chí mạng:

“Cháu trói một tay lại, nhưng vẫn phải đánh bằng tay kia nên vẫn chưa đủ làm chúng khiếp sợ. Cháu thử liều chấp chúng hơn nữa, bằng cách cho chúng trói cả hai tay xem sao. Húc bằng đầu. Húc một cái thôi. Và chọn húc chính thẳng lớn nhất”.

Tám Cục Đất nhìn tôi dăm dăm. Nó ngẫm nghĩ, nín thinh không nói gì và bỏ đi.

Sáng hôm sau, nó xách thùng nước sang lau nhà. Tôi vùng dậy.

“Sao Tám?”

Nó mím miệng cười gật đầu, hai tay thu cả về sau lưng làm hiệu như bị trói. Đoạn nó cúi xuống thản nhiên lau nhà. Tám đã nghe lời tôi và nó đã thắng. Từ hôm đó, tôi không còn thấy ba anh em thằng Tàu lai láng vảng đến con phố này của Tám Cục Đất nữa. Tám đã sử dụng cái đòn chí mạng của Randolph Scott. Và nó đã làm khiếp vía kẻ thù, không còn đứa trẻ nào dám riếu mẹ nó là con mụ què nữa.

Từ hồi tôi bỏ Ký Con đi ở phố khác đến nay đã ba năm. Năm ngoái đi qua phố cũ chơi, nhớ đến mẹ con Tám Cục Đất, tôi vào thăm chị Năm Chùng. Người trong ngõ cho biết chị Năm đã chết ở nhà thương thí, và Tám Cục Đất cũng đã bỏ khu Cầu Ông Lãnh đi đâu mất tích.

Tôi nghĩ: Tám Cục Đất chỉ còn một thân một mình, nhưng nó ở đâu đó chứ không mất tích đâu. Nó có mặt ở trong đời sống gai lửa, nhưng ở đâu thì nó cũng không sợ, nó cũng san bằng trở lực và đánh thắng kẻ thù. Đánh thắng, vì lòng ngay thẳng và sự dũng cảm của nó, mà tôi đã nhìn thấy những bằng chứng chói lòa, ngay từ tuổi thơ.

NGƯỜI CHA VÀ NGƯỜI CON

Tùng đưa một – cả thầy năm đưa – từ buồng ngủ nối đuôi nhau lừ đừ tiến sang phòng khách. Tôi đang đọc báo. Tới giữa phòng, chúng tản ra. Thằng lớn đeo lưng lẳng ở về đùi một khẩu súng lục gỗ, bóng súng bọc giấy kim tuyến vàng óng ánh, ngực nó, ở phía tay trái, đính một ngôi sao năm cánh lớn, bằng giấy bạc. Thằng nhỏ nhất cũng vậy. Dáng đi, điệu bộ chúng, như những đồ trang bị trên người chúng, cũng giống nhau như đúc. Nhìn những khuôn mặt non choẹt ấy thoát sắc lạnh lại, những đôi mắt gườm gườm, sáng quắc, tóe lửa – những đôi mắt khi đã đoán thấy sự hiện hữu của kẻ thù – nhìn những thân hình chuột nhắt ấy di động chậm chạp, thận trọng trên nền đá hoa, trong những bước chân khuyên

khuỳnh, dệnh dặng, trong cái phong thái ngang tàng của những đấng anh hùng tí hon bắn nhanh và bắn giỏi nhất thế giới, những đấng anh hùng đó đang nín thở, chờ rình, nghe ngóng, rón rén, rồi bất thành lình quay vụt lại, bàn tay lăm lăm trên bóng súng sẵn sàng nhả đạn, nửa mình tạ rạp xuống, đôi mắt trừng trừng xuyên thủng cái màn đầy đặc bóng tối của một xó góc tường tượng – khi kẻ thù đã xuất hiện, đã đối diện – tôi không thể nhịn cười được trước cái cảnh tượng ngộ nghĩnh, nhưng tôi không dám cười. Đi thật sâu thật xa vào cái thế giới thiên đường ảo tưởng thần thánh, những thượng đế nhỏ thó là những đứa cháu tôi đang sống rất thực, rất mê đắm cái trò chơi kỳ thú của chúng, căn phòng khách hiền lành đã biến thành một vùng đất địch núi non trùng điệp, một thứ thung lũng của tử thần, bàn ghế, đồ đạc đã hóa thân thành con ngựa, quây rượu, mái nhà, tảng đá, chúng nó đang truy nã, đang thanh toán kẻ thù, tiếng cười giễu cợt lúc này là một tội ác, tôi biết thế, tôi không dám cười. Một tiếng thét lạnh giá: “Giờ

tay lên". Tôi giật mình trước một nòng súng đen ngòm chĩa thẳng vào mặt. Thằng nhỏ nhất đã tìm thấy kẻ thù, kẻ thù đó chính là tôi, tôi đành buông tờ báo giơ cả hai tay lên. Nhưng kẻ giết người phải đền tội. Pàm, pàm. Tôi ngã xuống, tôi chết rồi và bỏ mặc cái tử thi kẻ thù khốn kiếp nằm đó, những đứa cháu tôi lại dăm chiêu, lừ đừ, khuynh khuynh, dệnh dạng, thằng lớn dẫn đầu, thằng nhỏ tập hậu, vượt biên giới trở lại phòng ngủ.

Trò chơi đó tái diễn đã hơn một tuần nay, ngày nào cũng dăm bảy bận và tôi bị bắn chết đã hàng trăm lần, kể từ cái buổi sáng chủ nhật tôi đưa chúng nó đi xem xinê cuốn phim Tráng sĩ với khẩu súng bá vàng của Henry Fonda. Chúng nó mê Henry Fonda và cái biệt thự nhỏ, yên tĩnh của anh tôi, dưới bếp, ngoài hành lang, trong buồng khách, buồng ngủ, ngoài vườn, trong buồng chứa đồ, đã xuất hiện đầy chật những Henry Fonda với khẩu súng bá vàng và ngôi sao bạc của người tráng sĩ mã thượng dũng cảm. Trò chơi đó tạo thành một

thích thú vô song và toàn thể ở những đứa cháu con người anh ruột tôi, không trừ một đứa nào, trò chơi không hề một lần – tuy nó cũng đi xem phim – có mặt Khôi, Khôi không hề một lần nhập cuộc, Khôi không hề một lần tham dự.

Nó ngồi đó, thật sâu, trong lòng ghế, hai cánh tay bụ bẫm duỗi thẳng song song trên đùi gối, mái tóc húi ngắn lỏm chớm trên vùng trán rộng, đôi mắt nhìn thẳng dửng dưng, cái miệng mím chặt, khuôn mặt trang nghiêm, lững lờ, bất động và im lặng như một pho tượng. Không một thái độ, một phản ứng. Nhặt tờ báo lên, tôi cúi xuống hỏi nó:

“Cháu không chơi với các em sao?”

Nó nhìn tôi, đoạn lại nhìn thẳng trước mặt, không lắc cũng không gật đầu. Phút đó, tôi có cảm tưởng câu hỏi của tôi như tiếng gõ cửa một căn nhà đóng kín, nó đã thu mình vào một thế thủ như con ốc cuộn tròn trong vỏ, bao bọc toàn khắp cái thân thể và cái tâm hồn thơ

trẻ của nó bằng một tấm giáp sắt. Tôi rút túi lấy năm đồng chừa cho nó: “Cho cháu”. Nó thò tay cầm lấy nhưng vẫn ngồi yên. Tôi vỗ vai nó, thân mật: “Ra ngã tư tìm hàng bò viên, mau lên”. Lúc đó Khôi mới rời khỏi lòng ghế, khuôn mặt trang nghiêm lững lờ vẫn không biểu lộ một trạng thái mừng vui nào, nó từ từ đứng dậy và mở cửa đi ra.

o O o

Một buổi sáng, tôi nhớ cách đây đã sáu tháng, Đường, anh cả tôi, nhận được lá thư của một người cô ngoại từ Biên Hòa gửi về. Đọc thư xong, Đường ngẫm nghĩ một lát, rồi ngừng lên hỏi tôi:

“Chú bận gì không?”

Tôi ngạc nhiên trả lời:

“Không”.

Đường gõ gõ ngón tay xuống lá thư:

“Đây là thư cô Linh viết nói về anh Quảng. Và thằng Khôi, đứa con của Quảng. Tôi muốn nhờ chú đi đón nó về đây cho ăn học cùng với các cháu. Chú còn nhớ anh Quảng không?”

“Quảng con cô Cả?” Tôi hỏi.

“Đúng, Quảng con cô Cả”. Đường cau mặt nói tiếp: “Lạ thật, cô Linh nói nó là đứa con độc nhất của Quảng, Quảng đã đến nỗi nào mà phải nhờ cô Linh nói với chúng mình nuôi dưỡng hộ? Thôi được, hãy cứ đón nó về đây đã. Chú đi ngay hộ tôi bây giờ mới kịp trở về chiều nay. Đường đứng dậy trao lá thư cho tôi: “Quảng hiện ở Trảng Bom, địa chỉ của Quảng đây”.

o O o

Trên chuyến xe hàng cũ kỹ lăn ọc ạch trên con quốc lộ số Một, cuộc hành trình, nhìn sang những cánh rừng cao su bát ngát, hàng nghìn gốc cây kéo hút tầm mắt vào những đường

dài thẳng tắp, với những khung ánh sáng hiện lên thật xa dưới vòm lá xanh đặc tối thẫm như những cửa hầm, tôi đã nghĩ đến Quảng, nhớ lại Quảng.

Quảng là con đầu lòng của một người cô – cô Cả Đoàn – chị ruột cha tôi. Trong số những cô, thím, dì, mợ, nội, ngoại, xa gần của chúng tôi, có thể nói cô Cả là người đàn bà xấu số, hẩm phận, bất hạnh và đáng thương nhất của cái thành phần mà mẹ tôi thường có thói quen gọi chung là những con gái của dòng họ Nguyễn. Mẹ tôi nói: “Con gái họ Nguyễn vất vả, nhưng không ai vất vả bằng cô Cả Đoàn”. Và điều đó thật đúng. Nói về cô Cả, mẹ tôi thở dài: “Cô Cả Đoàn thì vất vả cả đời”. Cô Cả vất vả thật và sự vất vả đó hiện hình ra bề ngoài, từ cái tiếng nói lúc nào cũng vội vàng, từ cái dáng đi lúc nào cũng hấp tấp, nửa thân trên đâm chúi về đằng trước, như chạy. Cái hình ảnh mà mẹ tôi thường dùng để diễn tả cái thân phận của những người đàn bà về làm dâu họ Nguyễn, cũng như những người đàn bà họ

Nguyễn xuất giá – như trường hợp cô Cả – là cái hình ảnh rất tục ngữ đó của một hạt mưa sa. Hạt vào ruộng móc. Hạt ra vườn đào. Đó là hình ảnh một định mệnh tùy thuộc vào may rủi, vào hồng phúc, vào thiên số. Của một đời sống thiếu vắng hoàn toàn mọi điều kiện chủ động. Và cô Cả tôi đã là cái hạt mưa xấu số rơi vào ruộng móc đó là cái hoàn cảnh, cái đời sống tối tăm cùng khổ của người chồng cô, đời sống tối tăm cùng khổ của những người đàn ông sinh trưởng, lớn lên và chết đi trên những thước đất cằn cỗi của một xóm nghèo, mà mọi đổi thay tốt đẹp chỉ có thể thực hiện bằng bỏ đi, bằng xuất ngoại, bằng ly hương, bằng lập nghiệp ở những địa phương khác, dưới những vùng trời khác.

Được may mắn vào gia đình một người đàn ông họ Nguyễn đủ can đảm xuất ngoại và tạo dựng được một địa vị, một cơ nghiệp – là cha tôi – những kẻ xa làng là chúng tôi chỉ họa hoằn, thường là vào mỗi mùa xuân, mới trở về quê cũ một lần. Nhưng những lần hồi hương

hiếm hoi cũng đủ để tôi không thể nào xóa bỏ được trong trí tưởng, ấn tượng về đời sống trần trụi, nếp sinh hoạt cùng cực của cái thôn xóm nằm dưới chân đê Hồng Hà kia.

Những vũng nước tù, những ao bèo, những con đường sống trâu lầy lội, những mái tranh xiêu đổ, những bụi tre xơ xác gió lộng, và những bóng người lấm than, lủi thủi, vất vưởng, lay lút trên cái bối cảnh tối xám đến độ choáng váng. Người làng không có ruộng đất, cũng không có một nghề nghiệp đáng kể, đủ để trở thành một sinh kế nuôi thân. Lợi tức độc nhất hàng năm trông hoàn toàn vào số lượng ngô bắp ít ỏi mong manh của mấy thước bãi nổi bên kia bờ đê, lợi tức đó chỉ cần một đêm nước lớn dâng lên phủ kín khắp bãi là tiêu tán. Và mất mùa, và đói, thì người làng, từ cụ tiên chỉ đến thằng mõ, lại quay vào cái nghề thủ công lỗi thời và cùng khổ nhất: làm vàng. Chồng cô tôi chính là một điển hình của những bóng người lủi thủi lấm than đó vì thiếu điều kiện, thiếu tham vọng, bạc nhược,

an phận, nên đã sống rất già và chết rất trẻ bên đồng vàng giấy rẻ tiền. Cho tới Quảng, Quảng cũng lớn lên và cũng sống cái tuổi ấu thơ của Quảng trong cái cảnh ngộ tối tăm, kín đặc, không một lối thoát này. Quảng hơn tôi mười hai tuổi. Hình ảnh mà tôi giữ được của Quảng ở những ngày tháng trẻ dại của mình, cái vóc dáng xanh yếu, khuôn mặt nhẵn nhục của một người anh họ ngồi xổm bên những chồng nứa chẻ nhỏ, những thếp giấy bồi, chậu hồ bột nếp, lúng túng ngượng thẹn đứng dậy khi chúng tôi ầm ĩ kéo tới, và cái ngược mắt buồn rầu chứa đầy của Quảng buổi chiều từ cổng làng nhìn lên mặt đê cao, khi chúng tôi lên xe trở lại với ánh sáng và đời sống rực rỡ của thành phố.

Cha tôi thấy Quảng thông minh, khuyên cô tôi cố gắng cho Quảng ăn học đến nơi đến chốn, điều mà cô tôi nghe theo. Nhưng tới được ban Thành Chung, Quảng cũng phải bỏ học. Ít lâu sau đó, Quảng đã hai mươi tuổi – trong ý định chia sẻ một gánh nặng gia đình

chồng chất đã quá lâu trên đôi vai gầy yếu và đơn độc của người chị xấu số, cha tôi đã về tận làng đón Quảng xuống ở cùng với gia đình tôi, trả lương tháng cho Quảng để gửi về giúp cô tôi, bằng cách giao cho Quảng trông nom sổ sách kế toán, và buổi tối, kèm thêm chúng tôi học. Sống dưới mái gia đình tôi, Quảng đã làm mọi công việc được giao phó một cách chu đáo và có lương tâm, điều khiến cho cha tôi rất đổi hài lòng, và đã khiến mẹ tôi – lúc nào cũng nhìn đời như “đũa có đôi” – tính đến chuyện thay quyền cô tôi gây dựng cho Quảng. Đã trưởng thành, nhưng bản chất không đổi thay, giữa chúng tôi, Quảng vẫn là kẻ xa lạ đó, lầm lì, tư lự, ít nói, những xúc động và ý tưởng thầm kín bị đánh chìm xuống tận đáy cùng một nội giới u uẩn, sự biểu tỏ ra bề ngoài, chỉ là sự cách biệt và cái thái độ im lặng, cái thái độ hư vô, mơ màng những phút Quảng cúi đầu đi đi lại lại hàng giờ ở khoảng sân vắng sau nhà, những đêm tôi chợt thức giấc, nhìn thấy bóng Quảng trên khung cửa sổ nhìn đăm đăm trên nền trời sao, những buổi chiều Quảng một mình đi qua

chiếc cầu nhỏ sang con đê bên kia sông, cái bóng nổi lên vòm trời như một tháp chuông cô độc.

Tuy vậy, ở cái con người lằm lì trầm mặc đó, đôi khi đã bất chợt nổi dậy những phút cáu kỉnh, những cơn giận dữ khủng khiếp. Và khi giận dữ, Quảng biến đổi hoàn toàn đến độ mất tự chủ. Đôi mắt Quảng đỏ ngầu. Tay chân Quảng run bần, miệng Quảng sùi bọt mép, mặt Quảng tái nhợt. Như một người điên.

Đó là những lúc mà, đang đắm chìm ngây ngất trong cái thế giới ảo tưởng của mình, Quảng bị chúng tôi tới phá quấy, làm rộn, hoặc chế giễu, Quảng ưa mơ mộng và có thói quen vừa mơ mộng vừa đi đi lại lại. Những lúc đó Quảng ở trên mây, khuôn mặt đờ đẫn như bị mê hoặc bởi chính sự mơ mộng của mình, những lúc đó, Quảng hoặc vừa đi đi lại lại, hoặc vừa khe khẽ ngâm thơ. Và chỉ cần chạy đến ôm chầm lấy Quảng, hoặc đùa nghịch âm ỉ quanh người Quảng, làm thức tỉnh Quảng khỏi dòng mơ mộng triền miên liên tục của Quảng,

là đủ để Quảng cúi lên như một người điên, và chắc chắn là kẻ đó sẽ ăn những cái tát nện thân. Một trong những câu thơ tôi nhớ Quảng thường ngâm ngợi là câu này, mà chỉ rất lâu về sau tôi mới biết là thơ của Lưu Trọng Lư:

Ước gì thuyền đậu ngoài muôn bến.

Tôi nhớ có một lần đã hỏi Quảng về câu thơ đó: “Ngoài muôn bến là cái gì, anh Quảng?”, “Ngoài muôn bến là là... hừm, hừm...”. Quảng có vẻ muốn cắt nghĩa cho tôi hiểu, nhưng liền đó Quảng đã cau mặt gắt lớn mắng tôi là trẻ con biết gì mà hỏi và đuổi tôi đi học bài. Bây giờ, nghĩ lại về Quảng, tôi mới biết cái hình ảnh “ngoài muôn bến” của câu thơ cũ chính là hình ảnh nổi mơ ước trù tượng, niềm ám ảnh siêu hình của Quảng, và câu thơ đã cắt nghĩa ở một khía cạnh nào đó cho cái quyết định lìa bỏ gia đình tôi của Quảng, lúc bấy giờ.

Sống với chúng tôi được ngót hai năm, bỗng nhiên một hôm Quảng xin cha tôi cho phép được nghỉ việc, lấy cớ là về làng thăm

mẹ và lũ em nhỏ. Cha tôi bằng lòng nhưng dặn Quảng phải trở lại. Nhất là mẹ tôi, mẹ tôi bắt Quảng hứa phải trở lại, bởi đã dấm sẵn được một chỗ cho Quảng và muốn hỏi cái “chỗ ấy” cho Quảng. Quảng vâng dạ. Nhưng Quảng về mà không trở lại. Cô tôi mếu máo, khóc lóc báo tin cho cha mẹ tôi biết, Quảng đã xuống một chiếc tàu biển, đi theo đoàn mộ phu đồn điền cao su vào Nam kỳ.

o O o

Chiếc xe hàng tắt máy đậu lại trước một túp lều dựng sát mặt lộ, đầu một lối đi vào. Một dãy nhà lá lợp xúp gối lên nhau chạy dọc theo lối đó, đối diện với cánh rừng cao su phía nhà máy bên kia với những mái ngói đỏ chói nổi bật trên nền lá xanh đậm. Bà cụ hàng nước bảo tôi “thầy Quảng” ở căn nhà cuối dãy. Tôi đi vào, những chiếc xe ben vừa chở gỗ qua đây, những vết bánh chở nặng lún xuống còn in hằn trên mặt đất ẩm ướt. Suốt lối đi, những

đưa trẻ con trần truồng ngồi chầu hẫu trên những chiếc vỏ xe cũ vắt ngổn ngang từng đồng lớn. Nắng bùng dữ dội. Không khí chập chờn choáng váng. Đến trước một tấm phen nửa mà nước mưa đã làm thành những tảng rêu loang lổ khắp bốn góc, tôi đứng lại. Tôi cất tiếng gọi lớn: “Anh Quảng, anh Quảng”. Tiếng chân người lệt xệt kéo lết trên nền đất bên trong, một bàn tay thò ra đẩy tấm phen, tấm phen nhích đi để lộ một khoảng trống hẹp, khoảng trống hẹp đó đã đủ cho tôi nhìn thấy người đứng trước mặt là Quảng.

Tôi còn nhớ, mãi mãi, cái cảm giác của tôi lúc bây giờ, là một nhói buốt kinh hoàng ở ngực, sự nhói buốt đau đớn đâm suốt vào tim như một chiếc gai. Qua bao nhiêu năm, tôi vẫn nhận được Quảng, nhận được ngay, tức khắc, sự đổi thay lạ lùng của Quảng, nó hiện hình ở khuôn mặt Quảng. Chưa từng ở một người nào, chưa bao giờ, tôi lại nhìn thấy, lại có một bằng chứng cụ thể về sức tàn phá hủy hoại ghê gớm, khủng khiếp của cái mà người ta vẫn gọi

tuổi tác và thời gian, nhưng không phải, không phải vậy, không phải tuổi tác và thời gian. Mà chính là sức tàn phá hủy hoại của chính sự sống, khi sự sống không còn là một nguồn nuôi dưỡng, khi sự sống chỉ còn là một sức tàn phá dã man, mọi rợ, cái sức tàn phá của cơn rần độc mỗ mỗ, mỗ mỗ không thôi vào mắt vào mũi, của những giọt cường toan cháy sèo, cháy sèo, mãi mãi, không thôi vào trán vào miệng và bây giờ là sức tàn phá đó đã để lại đầy đặc kín khắp những vết thẹo kinh khủng.

Trong ý tưởng gặp lại một người đứng tuổi tôi đã đứng trước mặt một ông già. Và sự già nua này cũng khác thường, rùng rợn. Nó tạo cho tôi cái cảm giác lạnh ớn, tôi đã xem một cuốn phim quái đản nào đó, của một khuôn mặt trước một phút thanh niên, trẻ trung, một phút sau đã biến hình, tất cả những nếp nhăn nhất loạt hiện ra, tất cả những đường máu đường gân đồng loạt rút mất, của một trái xanh thoát chột méo mó, nhăn nhúm, thối rữa và rụng xuống. Quảng mang trên mặt Quảng

cái khuôn mặt đó, cái khuôn mặt của một sự già nua thâm hiểm hình, cái khuôn mặt hãi hùng của cái chết thâm hiểm hình, cái khuôn mặt hãi hùng của cái chết phơi bày toàn vẹn nhất, đầy đủ nhất, kinh dị nhất trên khuôn mặt của một kẻ còn sống.

Tôi không gặp Quảng đã ba mươi năm. Nhưng điều đó chẳng chứng tỏ gì hết. Giá có là ba trăm năm sau, tôi vẫn không thể nào ngờ Quảng có thể đổi khác đến như vậy.

Cố gắng lắm, tôi mới tạo được một nụ cười và hỏi Quảng:

“Anh Quảng còn nhớ tôi không nào?”

Đôi mắt đục đỏ của khuôn mặt tàn phá nhìn tôi trong cái nhìn đờ đẫn, mệt nhọc, Quảng lắc đầu: “Không”, Quảng nói, giọng khàn khàn, rồi Quảng cúi gập xuống trong cơn ho rũ rượi. Tôi đành phải nói tên tôi và vẫn chưa đủ, phải nhắc đến tên thầy tôi, lúc đó Quảng mới biết. Quảng à à mấy tiếng, đoạn né sang một bên cho tôi bước vào. Căn buồng tối mờ mờ, hơi lạnh từ

mặt đất toát lên. Một cái tủ áo mất cả hai cánh, quần áo ném ngổn ngang trên những ngăn trống. Một chiếc chõng tre thấp và một chiếc giường còn buông màn kín mít, tấm mùng tối bản như căn buồng thiếu ánh sáng. Một cái bàn gỗ, hai cái ghế, trên mặt bàn để một ấm bình tích nước, mấy cái chén lồng chõng, một ngọn đèn dầu, ánh lửa trắng bệch.

Chúng tôi ngồi xuống chiếc chõng tre. Dọc đường, nhớ lại câu thơ mà Quảng vẫn ưa thích, “Ước gì thuyền đậu ngoài muôn bến”, tôi đã định bụng gặp lại Quảng sẽ nhắc lại để trêu Quảng, nhưng tôi không còn can đảm nữa. Người anh họ mơ mộng ngày trước đã lùi rất xa rất khuất sau cái ông già, kẻ lạ mặt đang ngồi trước mặt tôi, và thú thực, phút này, tôi đã muốn đứng dậy ra ngoài, tôi đã muốn bỏ đi thật mau, để may ra còn giữ được một phần nào cái ấn tượng muốn giữ về Quảng nếu không là muộn quá.

Tôi hỏi Quảng:

“Anh vẫn mạnh?”

“Dạ, tôi vẫn mạnh”. Quảng trả lời và lại im lặng ngó xuống bàn tay, bàn tay mà tôi đã nhìn thấy những ngón gầy quắt, run run của người mắc chứng động kinh. Đó là những ngón tay lấy bầy của kẻ nghiện rượu đến cái độ rượu đã hành hạ đã hủy hoại mãnh liệt cơ thể. Không muốn kéo dài sự im lặng bắt đầu trở nên nặng nề, tôi vào thẳng câu chuyện:

“Chúng tôi vừa nhận được thư cô Linh...”

“Chú nói lớn một chút”. Quảng đã ngắt lời tôi, và lấy tay chỉ vào tai: “Chú nói nhỏ tôi nghe không thấu chú à!”

Tôi ngẩn người. Thảm thật. Quảng già, Quảng còn điếc nữa. Tôi đành ngồi xích lại, và đằng hắng lấy giọng, tôi nói lớn vào tai Quảng là chúng tôi đã nhận được thư cô Linh, và Đường cho tôi lên đây đón thẳng Khôi về cho ăn học cùng với lũ con Đường. Lúc đó, Quảng mới nghe rõ. “À, vâng, thẳng Khôi”. Nhìn ra mảnh vườn cao su lúc đó đã im ắng trong

nặng đứng bóng như tìm kiếm, Quảng lẩm bẩm: “Quái, nó lại chạy đâu mất rồi”. Và quay lại tôi: “Vâng vâng, chính thế, chính thế, tôi muốn phiền các chú trông nom giúp tôi thằng cháu. Tôi muốn phiền các chú... tôi muốn phiền các chú...”

Thân hình Quảng cúi gập lại như có một sức nặng vô hình đè xuống và Quảng cứ lặp lặp nhắc đi nhắc lại: “Tôi muốn phiền các chú, tôi muốn phiền các chú...” cho đến khi Quảng ngừng lên, đôi mắt đục đỏ của Quảng đã giàn giụa. Trên những khóe mắt mệt nhọc, dòng lệ dềnh lên, tràn đầy, ứa ra, lăn chảy từ từ thành vệt xuống khuôn mặt tàn phá. Quảng khóc, và ngồi nhìn Quảng khóc, tôi thấy hiện lên dần dần như một sự đổi thay ở Quảng. Tôi thấy tôi lằm. Sức hủy hoại đời sống ghê khiếp thật, nhưng không toàn thể, tận cùng như tôi đã tưởng. Trên những nhà cửa đổ nát tan tành dưới trận giông bão cuồng nộ, tôi vừa nhìn thấy ở cuối đáy cái góc vườn tâm hồn của Quảng, một nhánh cây non, nhánh cây đó vẫn

sống, rất khỏe, và rất xanh. Nhánh cây đó, mọc dần theo dòng lệ chảy, đang làm tươi mát lại – như một trận mưa đầu mùa – cái khuôn mặt sa mạc héo hon của người anh họ tôi.

Nhắc đến thằng Khôi, đến đứa con độc nhất, Quảng đã chạm tới cái phím đàn chùng cuối cùng trong hệ thống những đường tơ cảm xúc đã tê liệt đã yên nghỉ của Quảng, thắp lên cái ngọn nến cuối cùng còn cháy sáng leo lét trong cái tâm linh, đen đặc của Quảng. Trước đối tượng của một niềm ăn năn, hối hận và thăm sâu vô cùng tận, người cha trong Quảng đã sống lại. Sự sống là một hồi sinh đau đớn. Nhưng Quảng đã sống trở lại, với nó.

Chắc đã lâu lắm, Quảng mới được khóc như vậy. Tôi nghĩ, tốt hơn là để mặc cho Quảng khóc. Những giọt nước mắt ấy tốt và cần cho Quảng. Nghĩ vậy, tôi đứng dậy đi ra cửa, nhìn ra ngoài. Cánh rừng cao su trước mặt ngút ngàn chạy dài, ánh nắng đứng lại trên những tàn lá dày như một cái mái chói lòa lấp lánh, không lọt được xuống dưới, thảm cỏ xanh nõn trái

qua những gốc cây cách quãng đều đặn. Cổng vào nhà máy vắng tanh. Một toán phu ngồi quây quần ăn cơm trưa trên một khoảng đất trống. Những cánh bướm bay lượn chập chờn cuối lối đi mở vào cánh rừng già. Yên lặng, bát ngát, buổi trưa lớn ngủ thiếp.

Tôi đảo mắt nhìn toàn thể khu đồn điền thâm tâm chợt nổi lên sự so sánh đời sống thoi thóp tàn lụi trong cái nắng chói chang thiêu hủy dần dần với sự thoi thóp tàn lụi của đời Quảng. Như một chôn vùi, một lãng quên nghẹn ngào. Còn thuyền ước muốn được “đậu ngoài muôn bến” đã bỏ dở cuộc hành trình mộng tưởng ở chốn này, những khoang thuyền mục nát đã nằm gổ đầu mà chết trên bãi khô của hòn đảo hoang vu, và những phiến gỗ thoi thóp thở dài thì vẫn không thôi nhớ thương những đại dương và những vùng trời sao không bao giờ biết đến.

Tôi còn đang băng khuâng với cái ý nghĩ buồn rầu đó về đời Quảng, bỗng hiện ra ở đầu đường một đứa nhỏ. Nó từ phía quán nước

chạy về, vừa chạy tới vừa thở. Thấy tôi, nó đứng sững lại. Đầu nó đội một cái mũ cối to vành đã rách, tay nó cầm một chai rượu và một gói lá chuối. Tôi tránh ra cho Khôi – bởi chính là nó – bước vào. “Cháu Khôi đấy”. Tiếng Quảng nói sau lưng tôi. Tôi lại gần mỉm cười xoa đầu nó, “Khôi bỏ mũ xuống. Chạy đâu mà dữ vậy?”. Trong cái không khí ngột ngạt, tiều tụy của căn nhà, sự có mặt của đứa nhỏ như một vết sáng rực rỡ chiếu vào và làm sáng lên. Trán nó lấm tấm mồ hôi. Khuôn mặt tròn hoay rám nắng đen cháy. Tay chân mập mạp trông thật thích mắt. “Chào chú đi thẳng này”, Quảng nói. Khôi nhìn bố, rồi nhìn tôi trân trân, nhưng không chào. Nó đặt chai rượu xuống, đi lại phía cái rổ ở góc nhà lấy hai cái đĩa mang để lên mặt bàn, đoạn tháo dây lạt buộc gói lá chuối, nó đổ những miếng thịt lợn ba chỉ thái mỏng lên chiếc đĩa lớn. Xong đâu đó, nó đi lại đầu giường. Cúi mọp xuống, nó lôi ở gầm giường ra một cái hũ sành. Bưng cái hũ lại bàn, nó nâng hũ lên ngang tầm ngực, đổ một ít lạc rang lên cái đĩa nhỏ, đoạn đẩy hũ lại và lại mang để vào chỗ cũ.

Trong suốt thời gian dọn bữa rượu hàng ngày cho bố, Khôi không nói một tiếng, cũng không hề nhìn tôi. Dọn xong, nó lại ngồi xuống ở một góc phản. Tôi nghĩ thầm: “Thật con nào bố nấy”, và mỉm cười bảo Quảng: “Thằng cháu lắm lì tệ”. Quảng nhếch mép, ngo con: “Tính nó vẫn thế đó”. Tôi hỏi nó: “Cháu đã ăn cơm chưa?”. Nó nhìn tôi nhưng vẫn không hé răng khiến Quảng phải đỡ lời con: “Chú mặc cháu, Nó ăn rồi. Thôi ra ngoài chơi để thầy và chú uống rượu”.

Khôi bỏ đi rồi, tôi ngồi vào bàn với Quảng. Quảng nhắc chai rượu, những ngón tay Quảng run lật bật khiến tôi phải đỡ vội lấy. Màu rượu trắng đục lờ lờ trong chiếc ly cáu bẩn. “Mời chú dùng tạm”. Quảng nói như xin lỗi và đưa ly lên môi. Tôi hỏi: “Anh uống nhiều lắm nhỉ?”. Quảng gật, và lại uống tiếp. Có rượu Quảng như sống lại, đôi mắt đỏ sọng những tia máu ngang dọc. “Chú không uống?”. Tôi lắc đầu. Một lát, Quảng đã ngà ngà:

“Tôi bị nó ” – Quảng chỉ vào chai rượu –

“đã mười mấy năm nay, bây giờ giá có muốn bỏ cũng không được nữa. Đòi tôi sớm muộn rồi cũng chết rụi ở cái xó rừng này, bỏ làm gì. Quảng như thì thầm với chính mình. Còn thằng nhỏ, còn thằng nhỏ...” Quảng ngừng lên nhìn tôi, mái tóc rũ rượi trên khuôn mặt mà men rượu càng làm nổi bật những dấu tích tàn phá thâm, Quảng nói tiếp như khóc:

“Nó cứ sống mãi với tôi rồi đòi nó cũng đến đốn mạt như đòi tôi mất thôi. Tôi nghiệp cho nó. Mẹ mất sớm, bố thì rượu chè bê tha thế này. Nhờ các chú làm ơn trông nom, nuôi dưỡng cho nó thành người, tôi đội ơn các chú. Nó cứng đầu cứng cổ lắm. Các chú phải dạy bảo nghiêm khắc sau này nó mới khá được”.

Tôi chỉ còn biết tìm lời an ủi Quảng. Người anh họ tôi, mà một điểm sáng le lói cuối cùng của lương tâm vừa chiếu sáng trong một thức tỉnh ngắn ngủi đau đớn, như những chiếc phao vừa dềnh lên đã lại đắm chìm tức khắc dưới mặt biển giông bão. Quảng gục đầu xuống, và men rượu nồng nặc, choáng váng lại lịm dần,

từng mảnh một, những mảnh vỡ vụn của một đời sống tàn tạ.

Một lát sau, Khôi trở về. Tiếng động làm Quảng ngừng lên. Quảng gọi con lại gần. “Con thu xếp quần áo về Sài Gòn với chú”. Tôi lo lắng nhìn thẳng nhỏ, chờ đợi sự kinh ngạc và sự giãy giụa khóc lóc của nó. Nhưng không. Khôi yên lặng đi nhặt nhanh quần áo xếp vào một chiếc bị cói. Thái độ nó bình tĩnh như một người lớn. Tôi đoán Quảng đã bảo cho con biết từ trước. Không muốn kéo dài những giây phút đối với Quảng khổ sở như một cực hình, thẳng nhỏ vừa xếp xong quần áo là tôi đứng dậy, xin phép Quảng được ra xe ngay. Quảng đứng tựa lưng vào tấm phen, nhìn chúng tôi đi. Tôi bắt tay Quảng và nắm lấy tay Khôi: “Đi cháu”. Nó đi theo tôi nhưng giằng tay ra. Cái mũ cói đội lệch trên đầu, Khôi đi giật lùi. Nó vừa đi giật lùi, vừa dăm dăm nhìn lại bố nó như thế, mắt ráo hoảnh, cho đến khi ra đến đường lớn. Suốt dọc đường, tôi thử gọi chuyện vài lần nhưng vô hiệu. Nó ngồi thẳng, hai tay ôm chặt lấy

chiếc bị để trên đui, mặt quay nghiêng, nó yên lặng ngó ra ngoài và giữ mãi dáng điệu đó cho tới khi chúng tôi về tới thành phố.

o O o

Khôi không về đã hai ngày. Buổi sáng thứ hai, ăn điểm tâm xong, nó lấy cặp, đội mũ đi học, với lũ con Đường như thường lệ, nhưng đến trưa, ngồi vào bàn ăn, chúng tôi nhận thấy ngay sự vắng mặt của nó. Hỏi, thằng con lớn của Đường nói nó thấy Khôi lần cuối cùng ở cổng trường, trước khi vào lớp – hai đứa học khác lớp nhau – lúc tan học nó có ý chờ Khôi cùng về nhưng không thấy, lại tưởng Khôi đã về nhà từ trước. Đến ba giờ trưa thì chúng tôi bắt đầu cảm thấy lo ngại thật sự. Tôi vội vàng mặc quần áo tới trường, ở đây tôi được người thầy học Khôi cho biết nó không hề tới lớp từ buổi sáng, ông lại tưởng nó đau và nghỉ học. Từ trường đi ra, tôi thuê xe đến thẳng nhà mấy người cô và chú họ chúng tôi, những nơi tôi và Đường thường hàng tuần lui tới và đã có một vài lần đem Khôi đi theo. Nhưng ở nơi nào mọi

người cũng đều lắc đầu nói không trông thấy bóng dáng thằng nhỏ.

Tôi nghĩ đi nghĩ lại, chỉ còn thấy có già Lâm, già Lâm là thân sinh người mẹ xấu số của Khôi, (sau này tôi mới biết mẹ Khôi đã chết vì một tai nạn khủng khiếp ở đồn điền cao su), và xuống đó. Nhưng ông lão miền Nam hiền lành chất phác này cũng không đem lại một tia sáng mới nào. Cái hy vọng cuối cùng tan biến, tôi đành trở về nhà thuật lại đầu đuôi cho Đường về những kiếm tìm vô hiệu quả trong suốt một ngày ròn rã. Và đến buổi tối, thì lo lắng nhìn nhau dưới ánh đèn, chúng tôi chỉ còn có thể đi đến một kết luận: Khôi đã đi lạc, hoặc nó đã gặp phải một tai nạn lưu thông nào đó.

Hết ngày hôm đó, sang buổi sáng và buổi chiều hôm sau, tôi dành tất cả thời giờ vào việc đến hỏi thăm tin tức về những người mới bị thương được chở đến các bệnh viện, các trạm cấp cứu công cộng ở đô thành và các miền phụ cận, một mặt khác, gặp ai quen biết tôi cũng lưu ý kiếm tìm giùm.

Nhưng rồi lại thêm một ngày nữa qua đi trong hoài công. Khôi vẫn biệt vô tăm tích.

Đến chín giờ tối, cảm thấy mệt mỏi, chán nản và bất lực hoàn toàn trước sự mất tích của đứa nhỏ, tôi nghĩ không có cách nào hơn là đến thẳng quận cảnh sát.

Sau khi đã cầm cúi ghi những đặc điểm về vóc dáng, mặt mũi, phục sức lên một mảnh giấy nhỏ, người cảnh sát đặt bút ngừng lên hỏi tôi:

“Ông nghĩ thằng nhỏ có thể đến một địa chỉ nào đó không? Một người bà con, một người bạn nó chẳng hạn?”

Tôi lắc đầu và vẫn tắt thuật lại hai ngày kiếm tìm vô hiệu quả của mình.

“Thằng nhỏ là con một người anh họ ở xa gửi về nhờ các ông nuôi giùm?”

Tôi gật đầu. Y nhìn tôi gật gù:

“Hừ, nuôi giùm. Ông cho tôi biết sự thật: nó có bị bạc đãi hắt hủi bao giờ không?”

Đang mệt mỏi, bức bối, ý nghĩa của câu hỏi làm tôi nổi nóng. Tôi quắc mắt:

“Ông nghĩ về gia đình tôi thế nào mà cho rằng nó bị bạc đãi hắt hủi”.

Thấy tôi nổi đóa, người cảnh sát mỉm cười đứng dậy:

“Câu hỏi này chỉ có tính cách nghề nghiệp, ông đừng vội hiểu lầm. Thôi được, ông cứ về. Chúng tôi sẽ loan báo cho các quận. Có tin tức gì mới lạ, sẽ liên lạc với gia đình ông ngay”.

Ở quận cảnh sát đi ra, tôi nhìn đồng hồ: đã mười giờ đêm. Tôi châm một điếu thuốc và cái đầu chậm chạp bước đi trên hè đường. Qua những rạp chớp bóng, những tiệm giải khát, những ngã tư nhộn nhịp xe cộ, nhìn những bầy trẻ nhỏ hớn hở ngồi giữa bố mẹ chúng, trước những cốc kem nhiều màu có ngọn, nhìn những gót chân lấm chấm băng qua đường trong sự dẫn dắt của những bàn tay người lớn, tôi nghĩ đến nó. Đến cái câu hỏi đầy mỉa mai của người cảnh sát. Đến sự có mặt của Khôi

trong gia đình tôi những ngày tháng vừa qua. Đến cái trách nhiệm của tôi đối với Đường. Đến cái trách nhiệm lớn lao của người lớn đối với đời sống và tâm hồn những đứa nhỏ.

Tôi nghĩ lại, có một điều chắc chắn là Khôi không bao giờ bị bạc đãi, hắt hủi. Vậy cái nguyên nhân nào đã khiến nó bỏ đi? Và đi đâu? Tôi loay hoay tự hỏi với mình như thế và tự hỏi, tôi đã dần dần trở lại trong tâm trí cái thái độ kỳ lạ của nó, cái thái độ ấy đã có từ lúc nó đi giật lùi khỏi nhà, từ lúc nó lên xe, hôm tôi lên Trảng Bom đón nó về, thái độ ấy, trong cái không khí đầm ấm yên vui của gia đình Đường vẫn không thay đổi, vẫn nguyên vẹn, mà chỉ đến bây giờ tôi mới chợt khám phá thấy. Đó là cái thái độ rùng rùng cách biệt, ở ngoài, của một kẻ lạ mặt. Cứ một điệu ngồi thu mình bất động. Của một đôi mắt mở lớn ngó thẳng nhưng không hề ánh lên cái ánh lửa ham thích mừng rỡ trước bất cứ một điều gì. Tóm lại, của một cái thần nhiên, im lặng, lững lờ, đi qua, không phản ứng, không gia nhập.

Phải rồi, Khôi đã đến với thành phố, với người khác, với gia đình chúng tôi như thế đó. Trong cái thái độ của một kẻ, bởi không có quyền lựa chọn và tự định đoạt, nên không thể phản đối. Nhưng không phản đối không có nghĩa là nó đã chấp thuận, hoặc nếu có đi nữa, thì cũng chỉ là chấp thuận trong một hoàn cảnh, một giây phút, một thời kỳ nào đó mà thôi. Chúng có là sau đó, là bây giờ, nó đã lặng lẽ bỏ đi. Thu nhặt dần trong tâm tưởng từng cử chỉ, từng nét mặt, để thấy tổng hợp thành từ những cái đó, cái tư thái đỉnh đạc, chủ động, đẹp một vẻ đẹp vừa thư thái vừa trầm tĩnh của đứa nhỏ, điều khiến tôi kinh ngạc là cái tư thái đó đã có thể có được ở một tuổi nhỏ như nó, cái thân hình bé bỏng ấy đã mang một tâm trí, một kích thích ít thấy ở cả những người lớn, một sự trưởng thành không đợi tuổi, một ý thức vượt bậc. Và sự trưởng thành và ý thức ấy đã soi sáng, đã điều động, đã tạo cho nó một con đường, một thế giới, một chủ định không đổi rời, không lay chuyển. Không, Khôi không gặp phải tai nạn nào đâu,

nó cũng không lạc đường, không mất tích. Nó chỉ trở về, như một con chim, một loài cây với cái vòm trời, cái mảnh đất của nó. Nó chỉ trở về với cái điểm xuất phát, với cái bản thể, với cái tiếng réo gọi của chính nó.

Và tôi đã đoán được, không, tôi đã biết chắc được Khôi hiện ở đâu. Tôi yên tâm trở về nhà.

o O o

Chiếc xe hàng, vẫn chiếc xe hàng ọc ạch, cũ kỹ, chở tôi tới địa phận Trảng Bom và đậu lại ở đầu lối đi vào con đường nhỏ, đúng chỗ tôi đã bước xuống sáu tháng trước đây. Cái quán lá dựng sát mặt con lộ, bà lão già móm mém, cánh rừng cao su ngút ngàn thêm thiếp trong nắng lớn vẫn còn đó. Tôi bước vào quán, tôi ngồi xuống chiếc chõng tre, tôi gọi một ly nước trà đường, và chỉ tay về phía cuối con đường nhỏ, tôi hỏi bà bán hàng:

“Thầy Quảng vẫn ở trong kia?”

“Dạ, phải”. Bà lão nhìn tôi và đáp.

“Đứa con giai của thầy Quảng đã về đây rồi chứ cụ?”

Chừng như lúc đó bà lão đã nhận ra tôi:

“Thầy là người mấy tháng trước đây lên đón nó về Sài Gòn đấy phỏng?”

Tôi gật và bà lão cũng gật theo:

“Thằng nhỏ đã về đây được hơn một tuần rồi. Bộ thầy lại muốn lên kiểm nó về nữa sao?”

Tôi mỉm cười lắc đầu trong khi bà cụ chép miệng:

“Con nít có khác, đại nghịch. Ở đây khổ chết chứ sung sướng gì. Chắc nó trốn về không cho thầy biết phải không?”

Tôi lại mỉm cười lắc đầu và tôi trả lời bà lão là Khôi không trốn, Khôi không trốn ai hết. Sau đó, bà lão thuật lại cho tôi nghe, hôm Khôi về,

xe chưa kịp ngừng nó đã nhảy xuống và chạy bay vào con đường nhỏ. Đến buổi chiều thì mọi người thấy Quảng và con đi ra. Người cha vừa cười vừa khóc, còn thằng nhỏ thì nghiêm trang dắt tay bố nó như một người lớn, rồi hai bố con dìu nhau đi dạo khắp khu vườn cao su.

Cũng từ hôm đó, theo lời bà lão, đã có một đổi thay lớn lao không ngờ đến cuộc đời tưởng như đã vĩnh viễn tàn lụi của Quảng – Quảng ôm lấy con, Quảng thề độc sẽ bỏ rượu, Quảng đã bỏ được rượu và Quảng đã xin được làm việc trở lại trong nhà máy cao su của đồn điền.

Tôi từ biệt bà lão và trước khi lên xe trở về, tôi đứng ở đầu con đường nhỏ nhìn vào. Con đường chạy dài dưới ánh nắng đứng bóng, bên những hàng cây ngút ngàn thẳng tắp như một đời sống, một trạng thái bình yên. Con đường đó như gắn liền với bóng nắng ấy, những hàng cây ấy, như một toàn thể hòa đối không thể tách lìa, không thể đối khác. Con đường phút đó như có hẳn một đời sống, một chủ định, một thái độ. Nó đẹp một vẻ đẹp bất khả xâm phạm.

Tôi quay gót lại, và tôi nghĩ, tôi nghĩ đến một người cha, tôi nghĩ đến một người con. Nghĩ rằng trên cái trang sách lớn của đời sống tôi đã nhận được rất nhiều bài học quý giá, nhưng đây là lần đầu tiên, cái con người lớn ở tôi đã nhận được một bài học thật quý giá viết bằng những ngón tay của một đứa trẻ nhỏ.

LÊN MƯỜI

Vừa ra khỏi nhà, Tuyến đã cắm đầu chạy. Mẹ trong nhà có thể đang cau mặt nhìn theo, cha trong nhà có thể lớn tiếng gọi lại – cha mẹ dạy Tuyến đi đứng phải chững chạc khoan thai ngay từ tuổi nhỏ, chạy nhảy chỉ có lũ mục đồng – nhưng một sức mạnh vô hình đã xô đẩy Tuyến từ sau lưng. Và ngay từ bước đầu, Tuyến đã muốn hóa thân thành gió. Phải cho Hậu biết ngay cái tin dữ. Cái tin dữ bàng hoàng, khủng khiếp. Tức khắc. Và Tuyến chạy. Tuyến chạy lao thành một mũi tên bay.

Con đường lớn, lát gạch đỏ chói, vòng về phía sau ngôi nhà hai tầng của gia đình Tuyến thì thu nhỏ hẳn lại, thân mật và mát dầm dưới cái bóng mát lao xao của hàng nghìn lá tre thon

nhỏ như những ngón tay người. Mầu đất nâu đậm, vẽ thành một đường chỉ lượn giữa hai bờ cỏ. Cái đường chỉ nâu ấy đang chạy theo Tuyến. Nó chạy bằng lùi ngược chóng mặt dưới đôi chân ra ràng của Tuyến bay đi.

Buổi sáng vừa dậy. Cha mẹ mới dậy đây thôi. Trâu vừa ra khỏi chuồng. Trên những đầu cỏ, sương ban mai còn chụp lên từng ngọn một cái mũ ngọc óng ánh. Chân trời bên kia để đã cháy hồng. Nhưng bên này đê, trên cái chiếu lá xanh lam, làng xóm mới thức còn là một vùng hiền hòa yên tĩnh vây bọc lấy cái bóng thoang thoáng của đũa nhỏ chạy miết. Tuyến nghe thoáng thấy một tiếng chim kêu trên đầu. Và sự va chạm lạt sạt của cỏ đường vào hai ống quần phần phật đập gió. Một con lạch thành linh chắn lối. Tuyến mím môi, lấy đà, nhảy băng qua. Một gò đất bất ngờ hiển hiện. Tuyến vấp, chúi về phía trước. Cái gò đất khốn nạn làm Tuyến ngã sóng soài. Nhưng Tuyến không còn biết đau là gì. Đứng phắt lên, quần

áo lấm lem, nhể nhại mồ hôi, Tuyến nhịn thở, lại bốc đi thành gió.

o O o

Hết con đường nhỏ, ra khỏi cái um tùm của lũy tre cũ, Tuyến đứng khựng lại trước một cây cầu gỗ. Cây cầu làm bằng hai phiến lim đen bóng, vắt qua một dòng sông con. Mặt nước phía dưới hiền lành, trong vắt. Bên kia cây cầu, là ngôi trường tiểu học của làng. Đã tháng Chín rồi. Đang giữa mùa hè rực rỡ. Nhưng ngày nhập học chưa tới. Và ngôi trường với những phiến ngói đã ngả màu trên mái cũ, với hành lang vắng lặng và những cánh cửa sổ đóng kín, nằm đó, im lặng, trong cảnh trí thiêm thiếp của một ngưng đọng lẫn lộn kéo dài. Một mùa thi đầy những lo âu hồi hộp đã qua đi. Những đêm khuya, trong giấc ngủ chũm còn nháy nhót. Những ngày học gấp, ngồi cả hai buổi sáng chiều trước bảng, nhìn đi đâu cũng một màu

bảng đen. Bây giờ Tuyền đã mười tuổi. Tuyền đứng đó, rung rung ngó nhìn ngôi trường sắp thành cũ của mình.

Vuốt lại mái tóc, nét mặt trang nghiêm, xúc động, Tuyền thở ra một hơi dài, bước lên cây cầu. Ngày khác, Tuyền đã nghiêng cái bóng học trò xuống dòng nước bạn. Dừng nó làm gương. Mây trên trời phản chiếu, soi đời ấu thơ. Sáng nay khác. Trầm trọng và căng thẳng. Tuyền thận trọng lần bước trên gỗ, đi vào cái địa hạt tịch mịch không một tiếng động. Khoảng sân đất ngập đầy lá rụng. Mặt đất nhằng nhịt những ô vuông ô tròn là những đường vẽ của những bàn bi bàn đá. Hết đánh đá rồi. Bi không lăn nữa. Đầu Tuyền còn nhỏ, chất sao hết được những kỷ niệm trái núi. Trí nhớ Tuyền yếu, một bài sử ký còn không nhớ nổi, nhớ hết làm sao đây những muôn vàn kia là hình ảnh tuổi hồng. Thăm trường cũ một lần cuối cùng đây. Sáng mai, trên mặt con đê cao, một chuyến xe đồ sẽ chờ đợi Tuyền. Bốn

cái bánh khúng khiếp hung dữ của xe sẽ lăn thay đường lăn hiền của những hòn bi. Xe lăn thật xa, đưa Tuyến xa trường. Xe lăn thật xa. Từ làng ra tỉnh. Và Tuyến muốn khóc. Khóc thật lớn. Với Hậu.

o O o

Tuyến nắm tay Hậu, kéo bạn ngồi xuống. Chung quanh, cỏ cao hơn tầm đầu. Chỗ ngồi này, ở phía sau căn nhà lá của ông già Tám, mõ trường là cha đẻ của Hậu, là nơi ẩn nấu kín khuất nhất của cả khu vực nhà trường chạy dài từ bờ sông tới hàng rào xương rồng nhà ông trưởng xóm. Tuyến khám phá ra nó trước Hậu, một buổi sáng cuối năm học, khi đôi bạn luôn cỏ đi tìm những con giun đất làm mồi cho một buổi câu những con cá rô đen nháy quẫy nẩy ồn ào ngổ ngược dưới chân cầu. Cái diện tích bé nhỏ giữ cỏ bằng vây bọc từ đó là của riêng Tuyến. Sở hữu này Tuyến chia cho Hậu,

bảo làm của chung, thứ của chung tuổi thơ quý báu muôn vàn chỉ có thể chia cho người bạn lòng thân thiết nhất. Người bạn thân thiết nhất của Tuyến là Hậu đó. Tuổi nhỏ khác người lớn. Cái thế giới tuổi hồng của Tuyến và Hậu chưa có những phân biệt khốn nạn như ở người lớn. Thành ra cái sợi dây nối kết đầm thắm nhất đã có được giữa cậu con trai ông chủ đất giàu có nhất làng với đứa con gái hèn mọn của ông già mỗ trường. Gặp cha Tuyến, ông già Tám cúi gập đầu xuống. Tránh sang một bên. Sợ hãi và kính cẩn. Tuyến nhìn chẳng thấy hơn Hậu ở điểm nào. Chúng mình bằng nhau. Như cao bằng đầu. Như cùng một tuổi. Như chung một lớp. Như cùng nắm tay. Phải không Hậu? Tuyến đã hỏi. Hậu đã gật. Như thế, đôi bạn đi song song từ đồng ấu tới sơ đẳng, sánh vai nhau hết một tuổi vàng. Bây giờ, cái tin ghê gớm ấy vừa nhận được. Như sét đánh. Và cái lẽ tự nhiên là Tuyến phải cho người bạn của Tuyến biết nó trước nhất.

Yên lặng một lát. Nắng đã dấy lên, làm nóng dần những thân cỏ lạnh. Một đàn chim sẻ từ đâu ào tới, hạ cánh xuống mái trường. Màu nâu của sẻ lẫn vào màu nâu của ngói cũ. Sân trường vắng tanh, không một bóng người qua.

“Quần áo may mắn hết rồi” - Hậu nói.

Tuyển gặt, bấy giờ mới nhìn xuống những vết đất loang lổ trên nền vải trắng:

“Tao ngã”.

“Sao ngã được?”

“Tao chạy”.

“Ngã chỗ nào?”

“Quãng cái gò đất trước nhà thằng Duyệt”.

“Trời mưa chỗ đó trơn ghê à! Tao cũng ngã một lần ở đó”.

Trong im lặng khuất lánh, câu chuyện giữa

đôi bạn nhỏ xem chừng vẫn vợ, không dâu. Tuyến và Hậu không biết nói chuyện. Như người lớn. Kể cả trong những giờ phút trước khi chia tay buồn rầu này, mà đáng lẽ, chúng có hàng nghìn lời phải nói với nhau. Mà với nhau, từ đầu, đâu cần phải nói. Mà, tao, đã yêu. Nắm tay, đã bạn. Nhường nhau một trái cam, chia nhau một miếng bánh, đã hơn anh em, gấp nghìn ruột thịt. Lời nói được thay thế bởi một hòa nhập tự nhiên mà thần thánh. Trên mọi thứ tình yêu người lớn. Duy có cái tình yêu tinh khiết của tuổi thơ không cần phải tỏ tình. Tuyến và Hậu đã thế. Tất cả, như chỗ ngồi trong cỏ, đã là chung. Cùng nín thở khi bò tới một tổ chim, cùng hồi hộp khi cái phao cần câu chọt động, lúc đỏ gay mặt đuổi theo một cánh chuồn trên những đầu rạ nắng, khi sẵn quần leo cây hái một trái chín trên cành, hòa nhập đã tận cùng bằng ngũ quan mẫn non treo căng trên hai đầu rung động. Riêng lần này, cái tin sét đánh phải nói ra. Tuyến nói nó ra, đột ngột, thẳng thốt, ngắn cộc:

“Mai tao ra tỉnh”.

Cái tin Tuyến đỗ xong bằng tiểu học, hết hè này được cha mẹ cho ra tỉnh học, Hậu đã biết. Lần trước, Tuyến đã nói. Đôi bạn đã bàng hoàng với nhau. Nhưng nghỉ hè chưa hết và tựu trường chưa đến mà. Còn những nửa tháng rong chơi. Để bắt bướm trong vườn. Hái hoa ngoài nội. Còn mấy cái tổ chim sẻ trên mái chưa thăm. Vừa mới vót xong hai cái cần câu mới. Nghỉ hè vui thành nể. Dải nắng ấy còn dài. Mai là thế nào? Cặp mắt đen láy của Hậu tròn xoe kinh ngạc.

Nhưng đúng là Tuyến phải lên đường sớm mai rồi. Người chú họ, chủ trọ mới của Tuyến, đã từ thành phố xuống tới ấp từ chiều hôm qua. Đề nghị là nên cho Tuyến đi sớm vào tuần trước tựu trường, gọi là cho quen dần với cái không khí thành phố. Cha mẹ Tuyến đồng ý. Thế là mai Tuyến đi. Thế là bữa nay là buổi chia tay.

Đôi bạn ra khỏi những thân cỏ trùm đầu. Nắng đã lên cao và bầy chim sẻ đã bay qua sông, bay vào trong xóm. Khoảng sân đất vắng tanh không một bóng người. Tuổi nhỏ không biết dạn dò. Chẳng biết thế nào. Trời đất xa rộng quá. Con đê đã là chân trời. Cây cầu đã là biên cương. Ngoài làng là thế giới. Thành phố nghìn dặm. Tụ trường sẽ cướp mất Tuyến đi. Gặp lại Hậu khó. Tuyến chỉ biết thế. Chỉ biết nắm tay Hậu thật chặt. Đôi bạn đi lững thững. Hai cái bóng nhỏ thó đổ dài trên mặt sân chơi. Đây là cái vạch vuông của bàn đào hòm. Tặng lại cho Hậu. Đây là cái vạch thẳng của đường bi lãn, đây là khoảng mòn của chỗ nhảy dây, đây là gốc cây, nơi để cặp sách, tặng lại, tặng lại cho người thân thiết nhất. Tuyến còn muốn tặng nữa. Những cái chung cho hết không gửi. Những cái gửi cho luôn không đòi. Thế giới tuổi vàng của Tuyến, tặng hết cho Hậu từ đây. Hậu thân thiết, Hậu con ông mõ trường, Hậu hay khóc, cười lúm đồng tiền, mắt tròn đen láy, hãy giữ lấy, hãy giữ lấy cái thiên đường

tuổi nhỏ. Nơi chân cầu đá cá rô từng đàn quẫy nhảy, mái hiên trường chim thường làm tổ, cái bãi hoang sau lò gạch đầy những cỏ gà, cây khế ngọt nhà ông trưởng xóm, bảng đen đồng ấu, phấn trắng nhì đồng, lớp học ngày mưa vang tiếng mưa rơi, cái trống cái thùng thùng điểm giờ vào lớp, những tập vở vỡ lòng chi chít hình vẽ, con bướm ướp vào trang sách, những đồ chơi giấu trong cặp da, và cái chỗ ẩn nấp kín khuất trong cỏ, cho hết Hậu đó.

Con nhà giàu mới ra tỉnh được. Con ông mỗ trường, đậu xong cái bằng tiểu học là thôi học ở nhà, sáng sáng dọn lớp, quét sân thay bố. Tuyến và Hậu đều còn nhỏ quá. Nhưng đôi bạn đều mang máng cảm thấy một đứt ruột lớn lao, một mất mát khủng khiếp. Mai ra tỉnh rồi. Trường làng bỏ lại. Những ngọn cỏ và cô bạn nhỏ. Và Tuyến muốn khóc òa.

Buổi sáng hôm sau đưa con gái lên chín chạy như bay trên đúng đoạn đường nhỏ mà thẳng bặt lên mười của nó đã chạy như lao buổi sáng ngày hôm trước. Vẫn buổi sáng như mọi buổi sáng thôn dã hiền hậu. Vẫn trên đầu những lá tre như những ngón tay người. Vẫn đất dưới chân, nâu đậm và đầm đầm bóng mát. Nhưng đưa con gái chạy đến nửa đường thì đứng lại. Từ một bờ đê cao, phía mặt trời lên, vọng tới chỗ dừng đứng bàng hoàng của đứa nhỏ, một tiếng còi xe. Tiếng còi lạnh lạnh vang vang rồi nhỏ dần, mất dần về một hướng thành phố hung dữ.

NGƯỜI THẦY HỌC CŨ

Y gặp lại người thầy học cũ một ngày mưa lớn. Con đê chạy dọc hữu ngạn sông Đáy chỗ đó là giữa quãng Ba Thá, Vân Đình. Đường lầy. Kẻ đi ngược, người về xuôi. Cuộc kháng chiến gian khổ thu lại trong giây phút gặp gỡ bất thành linh một nỗi tủi mừng rưng rưng và cái hình ảnh buốt lạnh của con đường dài thẳm, trùng điệp hăm hố dưới mưa bụi trắng xóa. Xa xa dấu vết những làng xóm tiêu hủy còn lại.

Hai thầy trò nắm chặt tay nhau, mưa vẫn đổ lớn – cùng chạy đến trú dưới một gốc cây. Nhiều năm tháng qua đi từ ngày bỏ trường lẫn mình vào cuộc đời, bây giờ Y đã lớn, đứng cạnh thầy cao hơn thầy hẳn một cái đầu. Thầy thì tuổi già đã làm cho thân hình nhỏ lại.

Nhưng giữa hai người vẫn không có sự thay đổi. Người thầy vẫn vững chãi và tự tin hơn. Thái độ gương mẫu và che chở bên trong cửa lớp ngày nào Y vẫn nhận được.

“Thầy ở đâu xuống?”

“Tôi ở Ba Thá xuống”.

“Thầy vẫn dạy học”.

Người thầy học cười hiền lành:

“Phải, tôi vẫn dạy học nhưng trường làng vừa bị bom đốt cháy chiều hôm qua. Hôm nay tôi phải về Ty báo cáo. Ty ở dưới Vân Đình. Tôi mất hết, chỉ chạy được những cái này.

Những cái này: một cái bị còi, mấy bộ quần áo nâu và một cái gậy trúc.

Y nhìn cái cơ nghiệp nhỏ nhoi vô nghĩa, những đồ tùy thân cuối cùng còn sót lại của một cuộc đời đạo đức và liên tưởng tới hai hình ảnh: vị chân tu của một thời đại nào đi truyền bá trong khổ hạnh những tư tưởng đẹp

cho nhân loại và hình ảnh một con đường mưa bay, buổi chiều xuống trên liên khu rộng lớn, người thầy học cũ lại một mình bước đi trên con đường đó mang trên mớ tóc bạc cái nghề đậm bạc cao quý, mang nặng nó trong đêm tối và mưa bão.

Mưa vẫn đổ lớn. Hai thầy trò đứng sát vào nhau hơn. Thầy nhìn trò, gật đầu:

“Các anh đổi thay nhiều lắm. Trưởng thành cả rồi. Nhưng mà ở đâu và bao giờ các anh vẫn nhận ra tôi, tôi vẫn nhận ra các anh. Anh thì vẫn còn nguyên vẹn cái nhìn lơ đãng ra ngoài cửa lớp những buổi trưa mùa hạ”.

Y trả lời:

“Vâng, con vẫn thế. Con vẫn nhớ con như thế”.

Giọng thầy trầm trầm trong tiếng mưa đổ rào rào:

“Chúng ta vẫn thế”.

Đôi mắt sâu của thầy nhìn xuôi theo con đường dài, qua màn mưa về tận cuối đường, xa hơn cái xa của cuối đường:

“Chiến tranh đổi thay hình thể những ngã đường trên đó chúng ta đi. Tất cả trở nên khó khăn cực nhọc và chua xót hơn cũ. Những ụ đất. Những hầm hố. Những chiếc cầu đổ. Hình như mưa bão cũng nhiều hơn”.

Và thầy thở dài:

“Chúng ta là những con người cũ đang tập đi trên những con đường mới”.

Rồi thầy quay lại hỏi:

“Còn anh, bây giờ anh làm gì?”

“Thưa thầy con đi buôn”.

“Đi buôn?”

“Con bỏ học từ sau Cách mạng tháng Tám. Thuyền hàng của con chắc bây giờ đang ngược dòng đi lên ở giữa khoảng Rót Rét. Con sẽ đón

thuyền ở vùng Bương Cấn và nếu đêm nay ngót mưa sẽ đi thẳng tới Phú Thọ”.

Người thầy “Thế à” một tiếng nhỏ rồi không nói gì nữa. Tính thầy vẫn ít nói. Mưa ào ào trên đầu. Trước mắt họ dòng sông Đáy đục đỏ chảy đi hung dữ. Bãi xa mịt mù bên kia. Người học trò đứng lùi lại phía sau và nhìn thấy sát tầm mắt, những sợi tóc bạc gió thổi lay tạt trên khuôn mặt mà trông nghiêng vẫn đứng đầy cái vẻ trầm lặng cũ, những ngày xưa nhìn xuống Y trên một nền bảng đen. Những kỷ niệm những hình ảnh của một lớp học vừa trở về lứt thướt và buốt lạnh trên khoảng đường này. Những chùm hoa mùa hạ đỏ chói chang trên góc cửa sổ, sự hé mở của những giấc mộng ban đầu nở từ những chùm hoa rực rỡ ấy, nhịp bỗng bênh đầy đưa của tâm hồn chạy đến những chân trời những thế giới hoang vu. Cánh bướm mỏng của niềm rung động mới. Những tấm kính sáng trong. Tiếng giảng bài trầm trầm đi giữa hàng ghế. Tà áo thâm và cái đỉnh mũ trắng. Những bức gạch mưa làm

mòn cạnh đi lên từng cửa lớp. Lối kiến trúc cổ kính của một mái trường xây cất trên nếp thành đồ nát cũ lượn vòng giữa những hàng cây và những ao đầm. Thành phố ở dưới với tiếng hú dài của một tiếng còi tàu kéo theo những vệt khói còn treo lâu trên nền trời. Ý niệm thứ nhất về không gian trong chuyến đi tưởng tượng. Vụ hè sắp tới thấp thoáng hình ảnh con đường mất hút dưới nắng.

o O o

Y nhớ thầy đã về sau một buổi tựu trường có nhiều thuyền chuyển. Cũng một buổi sáng mưa lớn. Có tiếng giày từ ngoài hành lang đi tới. Thầy vào, đứng lại một giây nhìn mọi người, nói: “Chào các anh”, đoạn đi thẳng lên bục cao. Giờ học thứ nhất được dành cho sự làm quen nhau. Người thầy bày tỏ nỗi vui riêng sau mười mấy năm ở rừng được đổi về một trường thành phố.

Thầy nói: “Trường cũ ở sát biên giới Hoa - Việt, học trò nửa Kinh nửa thiểu số. Trên ấy

đêm rừng dài và buổi sáng nào cũng đầy đặc sương trong lớp học vừa mở cửa. Rừng thì trùng điệp ở chung quanh. Sân trường đôi khi còn in những dấu chân thú dữ. Và rét thì rét ghê rét gớm. Các học trò chân tay cũng cóng buốt và mặt mũi xám tái lại. Phải đóng kín cửa cho hơi nóng truyền đi một lúc sau mới làm việc được”.

Hình ảnh của một lớp học biên giới được gọi lên bằng giọng nói đặc biệt trầm trầm. Cái lối kể chuyện của thầy cũng khác. Và ngay lập tức, trong số bốn mươi lăm học trò chăm chú lắng nghe, từ một chỗ ngồi tận đáy lớp nhìn lên, Y cảm thấy mẩn yêu ngay người thầy học mới. Một nỗi mẩn yêu đặc biệt chưa từng có. Tưởng như một khám phá, một đổi thay lớn.

Trong một cuộc đời học trò, từng năm học đi lên, mỗi năm lại gặp một người thầy, nhưng trong tất cả những người thầy đó, thường vẫn chỉ có một người mà về sau lúc đã già từ cửa lớp, ở mãi chỗ sâu xa cách biệt trong cuộc đời, mỗi lần nhớ lại là người học trò lại nhớ trước

nhớ ngay đến người thầy ấy. Tại sao? Có thể vì một nét mặt, một giọng nói, được khắc sâu hơn vào dĩ vãng. Có thể vì một sự bắt buộc nào đó, trù tượng và siêu hình, khiến cho tương quan tình cảm vượt khỏi mức bình thường, chứa đựng một ý nghĩa rộng lớn hơn.

Bài luận đầu tiên của Y được nhiều điểm nhất lớp. Một sự lạ. Ba hôm sau khi thầy trả bài, gọi đến tên, ngợi khen và mỉm cười bảo Y hãy đọc cho cả lớp nghe một đoạn văn hay, Y đứng dậy, tờ giấy trên tay run run và giây phút đó đã là cả một dấu son rực rỡ trong cái lịch sử học trò của Y từ trước đến nay vốn rất tầm thường tầm tối.

Y lười và lơ đãng. Trên tất cả các môn học, điểm số bao giờ cũng ở dưới cùng. Một sự đội sổ toàn diện. Suốt đời Y nhớ mãi cái giờ học lịch sử ấy của một tên học trò đội sổ ngồi tối tăm ở cuối lớp, lần đầu đứng lên ngượng ngịu, hồi hộp đọc cho cả một lớp im sững thán phục cái thành công thứ nhất của đời mình. Ngồi xuống còn cảm động.

Cả lớp không tìm hiểu được nguyên nhân sự đổi thay đột ngột này. Chính Y cũng không hiểu. Y đã viết bài luận ấy cho một người xem, nó là cái biểu tỏ cụ thể của một tình cảm chân thật và tốt đẹp gửi đến cho một người thầy đã tả được một cái trường học biên giới bằng “những dấu chân thú dữ” và “sương trắng dày đặc cửa lớp buổi sớm”.

o O o

Mưa vẫn đổ lớn.

Buổi chiều như đã muốn đến từ bãi sông bên kia. Trời thấp và xám. Con thuyền đầy hàng ngược dòng ở giữa khoảng Rót Rét bỗng bênh trong ướt lạnh còn là điểm vui ấm bé nhỏ so với tâm sự của người thầy mất trường, không biết sẽ về một nơi nào trong mưa bay.

Hai người cùng cúi đầu suy nghĩ. Thầy nói:

“Anh vừa nói hiện anh đi buôn đấy nhỉ?”

“Dạ”.

“Các anh làm thật nhiều nghề. Mỗi người một đường. Cuối tháng trước tôi có gặp một anh không rõ đã học tôi năm nào, làm khẩn hoang ở một đồn điền Nho Quan. Vùng ấy lam chướng, nước độc, rất có hại cho sức khỏe. Trông anh ta xanh yếu đáng ngại. Cứ như anh đi đây đi đó trên một con thuyền, có lẽ lại hay hơn”.

“Kể thì mấy năm nay, từ ngày ra trường con chưa từng có dịp được đi nhiều, thấy nhiều như bây giờ. Nhưng nghề buôn không phải là một chí hướng thích hợp. Nhiều lúc con vẫn cảm thấy đang làm một việc vô ích”.

Người thầy đáp:

“Tôi biết. Nhưng chúng ta bây giờ thường vẫn phải làm ngay cái việc nhìn thấy trong tầm tay với mà không có quyền từ chối, lựa chọn. Thế hệ các anh biết bao nhiêu người hiện đang đứng lạc vị trí, bần khoản tìm đường. Ở tuổi

các anh thật đau đớn. Chúng tôi thì không nói làm gì. Nhiều lúc cực nhọc vất vả, tôi vẫn thầm cảm ơn trời còn cho mình được cầm cái thước kẻ giảng bài. Tôi làm gì khác được nếu thôi dạy học?”

Thầy cười khẽ:

“Thói quen của nghề nghiệp đấy: Thấy các anh là hỏi về dự định vào đời. Không thích đi buôn, anh muốn làm gì?”

“Có một lần trong giờ luận, thầy nói đùa con có thể trở thành nhà văn, con vẫn ao ước thực hiện được câu nói đùa ấy”.

“Thế ư! Tôi không nhớ nữa, nhưng nếu có nói thì nói thực đâu phải đùa. Phải rồi, Việt văn là môn học xưa kia anh ham thích nhất”.

Giọng thầy trở nên ân cần:

“Cố gắng đi. Biết đâu chẳng một ngày tôi được đọc văn của một người học trò cũ là anh. Niềm an ủi lớn nhất của một người thầy vẫn

là được thấy người học trò cũ của mình đi vào tương lai trên lối đi đã được phác định từ trong cửa lớp”.

Mưa bỗng ngớt đi, tiếng đổ ào ạt dừng lại. Mé sông bên kia, bờ bãi mịt mù ban nãy nổi lên dần dần. Nhưng vòm trời thì vẫn thấp nặng và nghi ngút hơi nước. Trận mưa lớn vừa ngớt chỉ để sửa soạn cho một trận mưa lớn khác sắp đổ xuống.

Hai người ra khỏi gốc cây. Người thầy nhìn lên trời:

“Đã có thể đi được rồi. Tôi phải đi xuống Ty bây giờ cho kịp”.

Thầy quay lại, cánh tay gầy yếu đặt lên vai người học trò cũ:

“Lâu lắm mới gặp nhau tôi cảm ơn các anh còn nhớ đến tôi. Các anh bây giờ đã khôn lớn cả, đã tự trưởng thành trong những kinh nghiệm, tôi cũng không có điều gì phải khuyên bảo nữa. Thôi anh ở lại”.

Giây phút già từ này thật là cảm động.

“Con ân hận không được gặp thầy lâu. Con theo thuyền độ nửa tháng bán hàng xong rồi sẽ trở lại vùng này. Xin thầy địa chỉ để con được lại thăm trường mới”.

Người thầy gạt đi:

“Chính tôi hiện giờ cũng không biết rồi sẽ được thuyền chuyển đi đâu. Liên khu trong, một trường mới mở trong núi hay là nghỉ dạy vĩnh viễn không chừng. Chắc khó gặp lại, anh còn nhớ đến tôi là đủ và đừng băn khoăn về vấn đề tìm thăm tôi”.

Người thầy bước đi, cái bị cói nằm trên bờ vai gầy, gậy trúc chống xuống đường lầy. Y chạy theo thầy:

“Con đi buôn cũng không đến nổi túng thiếu lắm. Thật tình không dám nghĩ đến chuyện trả ơn, nhưng con có giúp thầy được điều gì không?”

Người thầy lắc đầu mỉm cười:

“Tôi một thân một mình cũng không cần gì. Cám ơn anh. Thôi anh trở lại”.

Y đứng sững giữa con đê nhìn theo bóng dáng cổ kính của người thầy. Cái bị cói, cái gậy trúc, những sợi tóc bạc cứ nhỏ dần mãi. Rồi những cái điểm bé nhỏ ấy nhòa đi sau màn mưa.

Y gặp lại người thầy học cũ của Y lần ấy là lần cuối cùng. Bán xong chuyển hàng, Y lên bộ về thẳng Vân Đình. Hỏi thăm Ty Học chính ở đó, Y được biết người ta đã nói với thầy là các trường bị phá hủy gần hết, phải đợi một thời gian để lập trường mới và người thầy đã bỏ đi không để lại địa chỉ.

o O o

Đến nay đã mười tám năm.

Viết văn, tôi thực hiện được cái ước vọng duy nhất của thuở nhỏ. Trong số những nguyên nhân thầm kín thúc đẩy tôi, tôi ghi nhận lời

thầy khuyên nhủ cố gắng ngày nào trên quãng đường lầy.

Sự đổi thay quyết định một đời người thường vì những nguyên nhân nhỏ. Ở đây có thể vì lời khuyên của một người tôi kính yêu.

Từ đó tôi không gặp lại thầy, cũng không trở lại một cửa lớp nào nữa. Nhưng kỷ niệm còn giữ được của buổi học ấy, nổi cảm động đứng giữa hàng ghế đọc bài luận ấy cho cả lớp nghe – nhớ lại – vẫn đưa tôi trở về được với cái thế giới học trò. Nó nằm trong chu vi một lớp học, nhưng rộng và riêng biệt đúng như một thế giới. Chùm hoa phượng, những phiến kính sáng trong, cái đỉnh mũ trắng, những ngày hè chói nắng. Câu văn đầu tay vụng dại, bỡ ngỡ. Trên tất cả, khuôn mặt trầm lặng của thầy ngó xuống như một nổi bình yên.

Bây giờ đôi khi ngừng tay trên một trang bản thảo, lúng túng trước một danh từ, một ý tưởng diễn đạt khó khăn, tôi lại thấy những hàng chữ dập dập xóa xóa trước mắt bỗng

phảng phất giống với trang giấy nháp của bài luận cũ. Hình ảnh người thầy lúc đó lại hiện lên. Tôi muốn được gặp lại, để nói, ít nhất cũng một lần, với thầy:

“Những trang giấy này có được một phần lớn nhờ thầy”.

Nhưng mà những dòng chữ tôi viết bây giờ chắc không bao giờ được biết tới những dòng mực đỏ phê điểm ấy nữa. Buổi gặp mặt cuối cùng. Con đường xa hút dưới mưa trắng. Số tuổi chất nặng lên cuộc đời đã xế chiều. Giọng nói trầm trầm ấy đã chìm lặng, tôi linh cảm như vậy. Cái gậy trúc ấy chắc đã rời khỏi cánh tay gầy yếu, rơi xuống một nơi nào đó, ở ngoài kia.

NGƯỜI ĐIÊN DƯỚI CHÂN SƯỜN TAM ĐẢO

Thế là, giữa một buổi sáng Sài Gòn rực rỡ, tin dữ mà gia đình tôi chờ đợi thấp thỏm suốt mười năm ở bên này vĩ tuyến, đã từ bên kia vĩ tuyến mười bảy bay sang. Bà ngoại tôi, người cuối cùng của dòng họ Nguyễn còn ở lại miền Bắc đã tạ thế.

Hung tin thu gom trong mấy dòng bưu thiếp lời lẽ mơ hồ, ngày giờ và chi tiết cái chết nghìn trùng cách trở không được nói đến tường tận, nhưng tôi, tôi biết bà ngoại đã nằm xuống ở đâu, cặp mắt nhân hậu một đời nhỏ lệ xót thương kẻ khác ấy đã khép lại dưới vòm trời nào, thước đất nào đã được bà lựa chọn gửi nằm xương tàn của một tuổi già cô độc.

Thửa ruộng nhỏ nằm dưới chân một sườn đồi trọc. Đất đỏ rờ rờ màu máu. Thửa ruộng có một thân cây lớn nghiêng bóng, kế liền với một con đường sỏi đá và cỏ bông hoang vu, trên đầu là những đám mây trung du và đám mây của một vòm trời trung du trắng xộp như bông nõn ấy nổi chìm ở bên này và bên kia một vùng rậm rì xanh đặc là hai sườn Tam Đảo.

Từ đỉnh núi, đổ xuống một ngọn thác trắng phau nhìn xa như một sợi chỉ bạc. Từ cuối con đường hoang, vang lên tiếng vó ngựa lộc cộc về chiều. Từ những xóm xa lọt vọng vào thị xã tiếng chày giã gạo ba trắng. Tự miền cao phả về cái hơi thở âm u của núi rừng Việt Bắc. Tự miền dưới thổi lên cái hương thơm đầm ấm của lúa mạ đồng bằng. Người ta khiêng quan tài bà từ căn nhà rêu phong cổ cũ đi ra, cách hàng nghìn cây số tôi cũng hình dung thấy rõ ràng như vậy, đám táng kéo dài trên con đường lả lay cỏ bông, chiếc quan tài in lên nền trời Tam Đảo, và nó được hạ huyết trong thửa ruộng đó, không thể trên một thức đất

Người điên dưới chân sườn Tam Đảo | **121**
nghĩa địa nào khác. Bởi vì bà tôi, nếu đã ở lại, nếu đã chối từ vượt tuyến cũng chỉ để được nằm xuống bên cạnh đứa con xấu số của bà là bác Cả Đoàn. Bác Cả được chôn ở thửa ruộng ấy, mấy giờ sau khi bác chết, cái thân thể trần truồng lồ lộ vừa đúng 17 vết đạn liên thanh.

o O o

Câu chuyện xảy ra cách đây đã mười lăm năm. Nhưng thảm kịch của người bác điên loạn, còn xảy ra lâu hơn nữa về trước, từ khi tôi còn nhỏ dại. Tôi kể lại dưới đây. Vì cái chết của người bác điên rồi là một trong những hiện tượng lạ lùng không bao giờ tôi giải thích được.

Mãi mãi tôi còn nhớ tới những chuyến về thăm quê ngoại đó, chuyến xe hàng cũ kỹ nổ máy từ tối đất nơi chân sóng rì rào của một xóm đạo vùng biển ỳ ạch chuyển mình trên những con đường liên tỉnh trải đá xanh hun hút. Những dốc đò rồi những bến phà. Dưới

vành trời hắt hiu của mùa đông miền Bắc, chiếc xe cũ kiên nhẫn nuốt dần từng cây số trắng, thả lùi những xóm làng chài lưới về sau, tiến dần vào một vùng rừng núi cần cỗi. Ngọn Tam Đảo hiện ra trong sương chiều, đỉnh núi chìm nhòe trong lớp mây xám loăng như một chiếc khăn choàng đánh đai lấy nó. Rồi là niềm vui náo nức tràn trề trong gió rừng đổ xuống khi chiếc xe trườn vào thị xã Vĩnh Yên le lói ánh đèn. Chiếc xe kéo thả mẹ con tôi xuống một căn nhà cuối tỉnh lỵ.

Cha tôi đánh điện tín từ hôm trước. Và bà tôi ngồi đó, trước thềm cửa, chờ đón chúng tôi. Bà chít khăn mỏ quạ, mặc áo bông ngắn. Mỗi năm bà mỗi già, nhưng ánh vui mừng cảm động của đôi mắt vẫn ngời lên, lấp lánh, khi tôi tự xe nhảy căng xuống, và mặc mẹ tôi quát mắng không được lồi bà như thế, tôi kéo bà sênh sệch vào nhà. Bữa cơm, tôi ngồi chồm chồm trên lòng bà, vùi quấy đủ thứ. Bà nấu chè và làm mứt dừa ngon vô cùng. Chè bà cốt, màu mật đặc quánh, mùi gừng thơm

Người điên dưới chân sườn Tam Đảo | **123**
cay phảng phất trong mùi hương gạo nếp bùi
ngậy. Dừa mật Vĩnh Yên nổi tiếng miền Bắc, bà
nấu thành một thứ mứt dẻo quyện, trong suốt,
đỏ thắm, đựng đầy trong một vỏ thủy tinh lớn.
Những ngày về thăm bà ngoại, dạ dày tôi căng
phình, đuôi mép lúc nào cũng nhuếch nhoáng
màu đường màu mật. Vui thú không bút nào tả
xiết. Thức dậy sau một đêm ngủ vùi vì chuyển
đi mệt nhọc, buổi sáng tôi chạy ra đầu nhà, và
cặp mắt của đứa nhỏ chỉ quen nhìn bãi cát và
sóng biển trong tôi đã ngó nhìn đến độ bàng
hoàng ngây ngất ngọn Tam Đảo hiện hình chất
ngất trong buổi sáng trung du yên tĩnh, ngọn
núi đứng đó, sừng sững trước mắt như một
hình ảnh thần linh hoang đường, với cả một
thế giới kỳ lạ, bí mật của nó ẩn kín ở sườn núi
bên kia.

o O o

Chính là một trong những chuyến về Vĩnh
Yên thăm ông bà ngoại mà tôi biết đến sự hiện

hữu của bác Cả Đoàn. Lần thứ nhất ngó thấy bác, tôi đứng đờ người, mặt tái nhợt vì khiếp hãi. Đang nhảy nhót chung quanh cái bể non bộ ở khoảng sân sau, tiếng gõ loong coong làm nhịp cho một giọng hát ê a lạ tai ở căn buồng sát hông nhà bếp làm tôi ngừng nhảy, tò mò tiến lại.

Qua khung cửa khép hờ, tôi nhìn thấy một người đàn ông. Râu ria và đầu tóc người ấy xồm xoàm như một con thú. Người ấy khoác một tấm bao bố trên vai, đóng khố ngồi khoanh chân trên nền đất nhóp nhúa của căn buồng không có đồ đạc gì ngoài một tấm phản mộc. Hai chân người ấy bị xích chặt. Cái xích quấn nhiều vòng chung quanh mắt cá, đầu xích cột chặt vào một cái cọc gỗ chôn nghiêng.

Cảnh tượng người đàn ông gần như lửa thể bị cùm xích đột ngột hiện ra làm tôi rợn người, nín thở, trái tim đập thình thình trong lồng ngực. Người đàn ông chưa nhìn thấy tôi. Hắn vẫn ngồi nguyên trong dáng điệu cũ, mắt nhắm nghiền, hai tay cầm hai mảnh que nhỏ

loong coong lên đít một cái ống bơ sữa bò lật úp, miệng ê a như một thầy bùa đang tụng niệm.

Hắn cứ ê a và cứ nhắm nghiền mắt mà gõ loong coong không ngừng trên nắp ống bơ như thế một hồi lâu, thần trí như đắm chìm hoàn toàn vào một thế giới mơ hồ nào đó. Tôi tròn xoe mắt, nhìn ngẩn không chớp. Tôi không biết người đàn ông cởi trần bị xích chân và đang ê a hát nhắm ấy là ai. Tại sao hắn ở trong nhà bà ngoại tôi? Tại sao hắn bị cùm xích như thế? Ông tôi, bà tôi, mẹ tôi, không một ai nói chuyện cho tôi về hắn, về sự hiện hữu của hắn trong căn nhà này, dù chỉ một lần.

Bỗng dưng, một tiếng động làm người đàn ông bừng tỉnh. Hắn mở choàng mắt, ngừng hát ngừng gõ. Thấy tôi đứng đó, hắn trợn mắt nhìn rồi thình lình hắn chỉ thẳng chiếc que vào mặt tôi, và cười nhe hàm răng trắng ớn. Tôi chỉ kịp rú lên khiếp hãi rồi quay đầu, cảm cổ chạy bay lên nhà trên.

Tôi còn nhớ khi tôi vừa thở vừa kể chuyện cho bà tôi về người đàn ông nhìn thấy dưới căn buồng hông bếp, bà tôi và mẹ tôi đã đưa mắt nhìn nhau, cái nhìn trao đổi ấy cực kỳ buồn rầu và chua xót.

Tôi níu áo bà, hỏi dồn:

“Ai thế, bà ngoại?”

Mẹ tôi trừng mắt mắng át:

“Trẻ con biết gì mà hỏi. Cấm mày không được xuống đó nữa, nghe không?”

Thấy tôi phụng phịu sắp khóc, bà ngoại kéo tôi vào lòng, vuốt tóc. Bà nói, giọng nghẹn ngào nước mắt lưng tròng:

“Cháu nó biết gì mà mắng nó! Bác Cả Đoàn đẩy cháu ạ! Mẹ bảo cháu phải nghe, cháu đừng lảng vảng xuống gần chỗ bác Cả nữa nhé!”

“Tại sao thế bà ngoại?”

Bà tôi ngập ngừng nói:

“Vì bác ấy điên”.

Mãi mấy năm về sau, khi lớn khôn hơn, tôi mới được mẹ tôi nói chuyện về bác Cả Đoàn. Bác là con trưởng và là người con trai độc nhất của ông bà tôi. Theo lời mẹ tôi thuật lại, bác thông minh và hiền từ vô cùng. Ông bà tôi cho bác ra Hà Nội học, đến khi đỗ bằng cao đẳng tiểu học, bác Cả ở luôn ngoài Hà Nội, làm thư ký cho một hãng buôn lớn, thỉnh thoảng mới về Vĩnh Yên thăm ông bà tôi, thường thường là vào cuối mùa gặt để làm giúp ông tôi sổ sách về thóc lúa thu hoạch được. Gia sản của ông tôi ước chừng vài ba chục mẫu ruộng ở các miền kế cận thị xã, những thửa ruộng nằm rải rác trong những thung lũng, những chân đồi trước mặt ngọn Tam Đảo. Đường sá miền trung du gập ghềnh núi đồi cheo leo, đó chỉ là một hệ thống thiên nhiên của những lối mòn đổ xuống thung này vắt qua lũng khác, xe cộ không thể đi tới, nên mỗi lần đi thăm ruộng ông tôi vẫn phải dùng ngựa. Ông tôi có một con ngựa hồng, khi nào không cưỡi vẫn thả rông cho ăn cỏ ở khoảng đồi thấp sau nhà.

Năm đó – năm xảy ra bất hạnh – bác Cả

từ Hà Nội về giữa lúc ông tôi bị đau nặng. Thế là bác Cả sáng sáng cưỡi ngựa đi thăm ruộng thay cha. Buổi sáng hôm đó, bác cũng cưỡi ngựa phóng nước kiệu ra khỏi nhà đi thăm mấy thửa ruộng gặt dở trong thung như thường lệ.

Đến nơi, bác thả ngựa cho ăn cỏ ở một bóng cây, chạy xuống chuyện trò vui vẻ với đám thợ gặt. Sự tình cớ tai hại là thửa ruộng ấy sát liền với thửa ruộng của một điền chủ khác, người này hôm ấy cũng cưỡi ngựa đến thăm ruộng mình và cũng thả ngựa cho ăn cỏ dưới cùng một bóng cây. Một lát sau, những tiếng hí vang lên. Tiếng móng đập loạn xạ. Hai con ngựa đá nhau dữ dội. Hoặc là bác Cả không biết khi hai con ngựa đá nhau như thế là cực kỳ nguy hiểm, hoặc là bác sợ con ngựa của ông bị thương – không biết – chỉ biết bác chạy lao tới, kéo con ngựa của ông tôi ra, và liền bị nó đá hậu một đá trúng giữa khoảng bụng dưới. Bác thét lên một tiếng đau đớn rồi ngã vật xuống, ngất đi.

Khi đám thợ gặt khiêng bác về nhà, ai cũng

tưởng bác bị ngựa đá chết. Rờ tim, còn đập thoi thóp, nhưng bác vẫn mê man không hồi tỉnh lại được. Bà ngoại tôi cuống cuống, kêu thóc thảm thiết. Phương kế nào cũng không làm bác tỉnh lại. Cho đến khi một người hàng xóm mách bà tôi cho bác uống mật gấu. Chất mật gấu có một tác dụng kích thích cực kỳ mãnh liệt. Chỉ mười lăm phút sau, bác Cả cựa mình và mở mắt.

Có điều là thương con quá độ, muốn cứu con mau chóng, bà tôi đã đổ vào miệng bác quá nhiều mật gấu. Sau tai nạn, bác khỏe mạnh như người thường. Nhưng một năm sau, chất mật gấu bắt đầu phá phách cơ thể và thần trí: bác Cả Đoàn phát điên. Bà tôi đau đớn ra tận Hà Nội đón đưa con điên loại về Vĩnh Yên, nhất định không chịu để người ta đưa bác vào nhà thương Vôi, là nhà thương người điên ở miền Bắc thời bấy giờ.

Sự buồn thảm như một đám mây đen tối đổ dồn vào mái nhà êm ấm, biến nó thành địa ngục và nhà mồ. Ông tôi giết con ngựa phản

chủ, suốt ngày ngồi lặng lẽ trên góc phản, khuôn mặt u uất rầu lạnh như chưa thôi đau đớn trước một thất đức tiền kiếp nào đó, bây giờ hiện thân thành trừng phạt mà người phải gánh chịu qua chứng điên loạn của người con. Bà tôi thì cả ngày vật vã khóc lóc. Nhà có người điên nên bạn bè thân thuộc cũng xa lánh dần dần. Sự thật là ông tôi đóng kín cửa không chịu tiếp ai, trong nỗi đau âm thầm có pha lẫn một niềm tủi hổ mà sống người để bụng, chết người mang theo, vĩnh viễn không bao giờ xóa bỏ được.

Căn nhà chứa lúa dưới hông bếp không dùng làm gì nữa – ông tôi đã bán rẻ hết ruộng đất sau tai họa – biến thành cái thế giới lưu đầy bé nhỏ cho bác Cả sống với những hình ảnh quái dị nhảy múa trước mắt, nơi sự tỉnh táo sáng suốt chỉ còn là những vùng thư thái thu hẹp như những giọt nắng thoi thóp cuối cùng của một vòm trời bão giông. Căn bệnh không thuyên giảm, ngày một trầm trọng thêm mãi cho đến khi mọi phương sách cứu chữa tuyệt vọng đều uống công.

Mấy tháng đầu, cơn điên chập chờn trong một trạng thái mất trí hiền lành. Bác Cả cười khóc rồi lăn ra ngủ. Bác ngủ suốt ngày suốt đêm, đầu ghếch lên một góc tường, tay chân co quắp, như một con chó ốm. Sau, chứng bệnh nặng dần. Cái thế giới bệnh hoạn ngọt ngạt nung nấu biến con vật hiền lành thêm thiếp thành một con thú dữ tợn, mỗi lần nổi cơn là một lần đập phá gào thét khủng khiếp. Tóc bạc mọc dài ra, râu ria xồm xoàm. Rớt rãi sùi trắng hai bên mép. Con mắt trợn trừng đỏ rực màu máu. Đêm đêm tiếng gầm rú của người điên vang động khắp khu phố, như lan xa tới vách Tam Đảo và vang trở lại, gọi trong nó cái âm thanh rùng rợn của một con hổ vằn tử thương tru rỗng từ một đáy rừng sương.

Một buổi chiều nóng nực, bác Cả phát cơn điên đã chạy lên nhà đập phá loạn xạ. Rồi vớ được một gióng cửa gỗ lim, bác thẳng cánh quất xuống đầu ông tôi máu chảy lênh láng. Từ đó, mặc dù bà tôi phản đối, ông tôi cho xích bác lại. Người điên khỏe lạ lùng. Cái dây xích lớn thế, cái cọc đóng sâu vào nền đất như thế mà

nhiều lần bác thét rồi vươn tay nhổ phăng cọc, cứ trần truồng ôm xích mà chạy túa ra đường. Bác vừa chạy vừa hò hét, cứ nhắm hướng Tam Đảo tiến vào. Phải hàng chục người trai tráng trong phố mới chế ngự được bác sau một cuộc vật lộn dữ dội.

Người độc nhất mà bác còn nể sợ là bà tôi. Đang gào thét, chửi rửa, đập phá, chỉ cần bà tôi đến ngó bác bằng cái nhìn đầm lệ và dịu dàng nói: “Cả, làm gì thế con?” là bác im ngay, bác từ từ ngồi xuống, cái nhìn nem nép cúi gằm như một đứa nhỏ phạm tội. Tình thương đó của bà tôi là dòng ánh sáng duy nhất còn chiếu soi được vào vùng tối đặc mê mẩn, là trận mưa duy nhất còn đổ xuống và thấm lắng được vào thần trí bác như một vùng đất đai khô cằn, làm nở lên những bông hoa. Nhưng tình thương đó chỉ là một liều thuốc an thần chốc lát. Căn buồng chứa thóc ngày trước ở hông bếp là một địa ngục vĩnh viễn giam cầm bác Cả tôi trong cái thế giới cô độc của kẻ mất trí, cái thế giới rùng rợn của người điên.

Từ ngày biết rõ chuyện bác Cả như thế, tôi vẫn được mẹ tôi hằng năm cho về thăm bà ngoại. Tôi sợ, nên chỉ quanh quẩn trên nhà, đôi khi lảng vảng xuống khoảng sân sau cũng chỉ dám đứng ngó bác thấp thoáng trong căn buồng mờ tối từ xa. Cho đến khi cuộc chiến tranh đột ngột bùng nổ, cắt đứt đường về thăm quê ngoại. Hai năm trôi qua như thế, rồi là một tin buồn từ ngọn Tam Đảo vượt qua nghìn trùng cách trở xuống với gia đình tôi ở dưới biển: ông ngoại tôi tạ thế. Mẹ tôi khóc ngất, thương cha chết một phần, thương người mẹ già một thân một mình lủi thủi kéo lê cái tuổi già buồn thảm dưới bóng núi xa đến mười phần.

Tôi còn nhớ năm đó là một mùa đông cực kỳ buốt lạnh. Sau một đêm bàn bạc, cha tôi bằng lòng để mẹ tôi tìm đường lên Vĩnh Yên đón bà ngoại xuống ở với gia đình tôi. Mọi đường giao thông trên bộ đã bị gián đoạn hết, phải chuyển vận bằng thuyền. Vì chuyển đi nguy hiểm gian

lao, tôi phải năn nỉ vôi vĩnh mãi mới được mẹ tôi cho phép đi theo. Ngày đi đêm nghỉ, chiếc thuyền nan ngược dòng, vượt nhánh sông này tới nhánh sông khác, len lỏi qua các mặt trận, tránh xa những vùng súng đạn, ròng rã đúng vào nửa tháng mới tới được cái bến đá hẻo lánh dưới chân ngọn Tam Đảo.

Bấy giờ, từ mạn cầu Đuống tràn ngược lên qua Hương Canh, Phúc Yên, cánh quân mở đường của Pháp đã tiến dần đến thị xã. Chúng tôi đặt chân vào căn nhà rêu phong cổ cũ đúng ngày bà ngoại tôi đang sửa soạn tản cư vào núi. Đứa trẻ đã lớn, đã biết nhận xét ở tôi, chuyển cuối cùng về thăm quê ngoại đó, thu vào tầm mắt nó những hình ảnh cực kỳ buồn thảm. Bà tôi đã già, già lắm. Bà vẫn đội cái khăn mỏ quạ, mặc cái áo bông ngắn như cũ, nhưng ánh lửa nhân hậu sưởi ấm những tháng ngày thơ dại của tôi đã tắt trong cặp mắt nhòe mờ, khuôn mặt tươi cười thuở nào chỉ còn là một vùng héo hon đầy những nếp nhăn, in hằn những đường rãnh nước mắt không thôi chảy ròng

từ ngày đưa con trai độc nhất bị ngựa đá thành điên. Cùng với tiếng súng của một thời loạn lạc âm ỉ dội tới từ đầu thị xã, buổi tối mùa đông đầy đặc khí núi thối lùa từng đợt lạnh căm căm vào căn nhà le lói ánh đèn, nơi mẹ tôi và bà tôi ngồi thao thức bên đồng hành lý gói buộc sẵn sàng trong đêm dài kinh hoàng, chờ buổi sáng tới để chạy ẩn vào hang núi. Những tiếng thở dài não nuột phát ra từ hai cái bóng âm thầm. Bỗng mẹ tôi hỏi:

“Còn bác Cả”.

“Mẹ cũng chưa biết tính sao đây, bà ngoại vừa khóc vừa nói. Nó điên loạn như thế cùm xích bao nhiêu năm rồi, bây giờ tháo xích đưa nó đi theo, biết nó chịu đi không? Nó nổi cơn lên thì làm thế nào chứ! Mà để nó ở lại thì thà mẹ ở lại đây cho lính Tây nó bắn chết còn hơn”.

“Hồi này bệnh tình anh con ra sao? Mẹ tôi hỏi”.

Bà tôi gạt nước mắt nhìn xuống phía nhà bếp:

“Mỗi ngày một nặng thêm. Trước nó còn chịu nghe mẹ, bây giờ mê loạn hoàn toàn rồi, bảo gì cũng không chịu nghe nữa”.

Tôi cứ nằm nghe tiếng đại bác ầm ì và tiếng nói chuyện rì rầm như thế rồi ngủ đi trên gối bà lúc nào không hay. Khi mẹ tôi lay vai đánh thức dậy, trời đã tảng sáng. Tiếng súng lớn vọng tới trong đêm giờ đã biến thành tiếng liên thanh tặc tặc réo réo từng hồi, thật gần, rõ mồn một, tưởng như đã nghe thấy tiếng giầy đinh, tiếng sà sọ của quân Pháp ở ngay đầu phố.

Mẹ tôi và bà đeo khăn gói lên vai hấp tấp đi xuống căn buồng bên hông nhà bếp. Phút quyết liệt đã tới. Bà tôi mở cánh cửa gỗ, mẹ tôi rón rén đi theo, cùng tiến vào chỗ bác Cả Đoàn nằm. Tôi nín thở, đứng nép sau lưng bà. Cái bao bố rách tơi tả phủ lên một thân hình gầy đét đến xương, bác Cả nằm nghiêng, quay mặt vào tường, sợi dây xích đen nháy căng thẳng từ cổ chân bác tới đầu cọc. Mùi cứt đái xông lên nồng nặc khiến tôi nôn ọe bịt vội mũi lại. Cái ống bơ và hai thanh tre, thú tiêu khiển

và cũng là bạn bè độc nhất suốt một đời của người điên – tôi nhìn thấy ở nguyên chỗ cũ, dưới chân bác. Bác nằm, nhưng không ngủ. Tiếng nôn ọe của tôi làm bác bất thần quay ra và ngồi vụt dậy. Tôi hoảng hốt không giữ được tiếng thét sợ hãi. Mọi người chờ đợi những tràng dài quát tháo nguyên rửa nổi lên. Nhưng không, bác lùi vội lại một bước như con thú dữ thu mình, tròn xoe mắt, nhìn bà tôi không chớp. Mẹ tôi gạt nước mắt đứng yên. Bà tôi ngồi xuống. Bằng một giọng nói hết sức dịu dàng, rành rọt từng tiếng một, bà tôi cắt nghĩa cho bác là quân Pháp đã tràn vào thị xã, chúng tôi phải bỏ nhà tản cư vào núi và xuống đây đem bác đi theo.

“Con bằng lòng đi theo mẹ không?”

Bác Cả nín thinh, rồi cái nhìn vụt chuyển thẳng từ bà tôi tới tôi khiến tôi thất thần lạnh toát người đi.

“Con giai em con đó, mẹ con nó lặn lội từ dưới bể lên thăm con đó”.

Bà ngoại quay lại tôi:

“Cháu chào bác Cả đi. Bác yêu cháu lắm. Cháu chào bác đi”.

Tôi nhột người, ấp úng mãi mới nói được với người điên:

“Lạy bác ạ!”

Bác vẫn nín thinh trong dáng điệu thủ thế cũ. Bà tôi ngồi xích lại gần bác, nghẹn ngào:

“Con thế này, sống cũng như chết rồi, mẹ chẳng muốn đưa con ra khỏi chỗ này làm gì, nhưng Tây nó đến, mẹ bỏ con lại không đành, con nghe lời mẹ, con đừng giận dữ, con đi theo mẹ nhé!”

Bác vẫn nín thinh và nhìn ngó trùng trùng. Bà tôi ngọt ngào dỗ:

“Bây giờ mẹ cởi xích cho con”.

Miệng nói bà tôi thò tay vào chân bác. Bác Cả rút phắt chân lại. Dây xích căng thẳng, tiếng kêu loảng xoảng trong căn buồng tối nhờ nhờ.

Nhưng tình thế nguy ngập không thể chùng chình được nữa.

“Mẹ cứ cởi xích cho con rồi con có giết chết mẹ, giết chết em, giết chết ngay lập tức, mẹ cũng đành, nhưng mẹ không thể bỏ con ở lại một mình được, mẹ phải cứu con, mẹ phải đưa con đi, mẹ con ta sống chết phải có nhau”.

Bà tôi vừa khóc sụt sướt, vừa mếu máo tra cái chìa vào ổ khóa. Rồi mẹ tôi và tôi cũng ôm mặt khóc theo. Tiếng khóc vang đầy căn buồng hòa lẫn với tiếng đạn liên thanh tặc tặc nổi dậy, mỗi phút một gần thêm mãi. Vòng xích cuối cùng đã tháo hết, bác Cả như một con thú dữ bị gông cùm bao nhiêu năm qua vừa được thả lỏng. Giây phút cực kỳ căng thẳng. Chúng tôi cứng người, chờ bác chồm dậy, hét lớn, vung xích quật xuống.

Nhưng lạ lùng, nhưng kinh ngạc xiết bao! Bác Cả từ từ đứng dậy. Và trong một dáng điệu hết sức từ tốn, đĩnh đạc, bác tiến lại trước mẹ tôi, giơ cánh tay trần khắng khiu đặt lên vai mẹ tôi, cử chỉ thân mật âu yếm của một người

anh đối với người em gái lâu ngày mới gặp:

“Cô Hai đấy ư? Bây giờ cô chú xuống làm ăn dưới biển ư? Chú ấy vẫn mạnh đấy chứ?”

Sự kinh ngạc làm mẹ tôi mãi mãi mới trả lời được hai tiếng ngắn cộc:

“Vâng ạ”.

Mà không riêng gì người, bà tôi và tôi đều cùng sững sờ trong kinh ngạc tột điểm. Bao nhiêu năm điên loạn, thốt nhiên, trong giây phút thập tử nhất sinh này, bác Cả đã tỉnh dậy, như tỉnh dậy sau một giấc ngủ bần bật, như sống lại sau một cái chết dài.

“Ông mất rồi, tôi bệnh hoạn như thế này, bà già yếu không còn ai nương tựa, chỉ còn mình cô chú. Cô chú thay tôi chăm sóc bà nhé!”

Mẹ tôi giàn giụa nước mắt gật đầu.

Bác Cả quay lại, mỉm cười tiến đến trước mặt tôi, cái bao bố kéo lê xệt trên nền đất.

“Tên cháu là gì?”

Phút đó tôi vẫn khiếp hãi, nhưng sự khiếp hãi không còn như trước nữa. Tôi nhìn cái khuôn mặt râu ria xồm xoàm, nhóp nhúa, tiêu tụy nhưng đầy những nét đẹp cân đối, tôi nhìn cái thân hình giơ xương, cái mái tóc màu tro phủ xuống kín gáy, rồi tôi nuốt nước bọt, cố gắng chế ngự sự hồi hộp, đông dặc trả lời bác:

“Thưa bác, tên cháu là Đăng”.

Bác Cả nhoẻn miệng cười, xoa đầu tôi, nhắc đi nhắc lại:

“Tốt lắm, tốt lắm, tốt lắm”.

Cuối cùng, bác quay sang bà ngoại mà nổi mừng vui xúc động mãnh liệt vừa bật thành tiếng khóc nức nở.

“Con không điên nữa đâu. Bây giờ con không điên đâu. Mẹ đừng sợ, mẹ đừng khóc nữa”.

Qua khung cửa, trời bật sáng rõ. Cùng với ngày vừa lên, tiếng giầy đinh rầm rập, tiếng xi

xồ quát tháo lạ tai của toán lính Pháp hung dữ nhất tề nổi lên ở đầu phố.

Bác Cả lắng tai nghe ngóng. Mắt bác sáng quắc. Bác nhảy vọt một bước ra sân, vợ lấy cái gióng cửa dựng ở bên thành bể non bộ, cái gậy mà trong một cơn điên ngày nào bác đã đánh ông tôi chết ngất. Theo tiếng gọi của bác chúng tôi lú lú ra khỏi nhà, lếch thếch chạy ngược về phía chân núi. Ngọn Tam Đảo mờ mờ trong sương sớm. Ra đến đầu tỉnh chúng tôi đặt chân vào con đường dẫn lên đồi còn ướt đầm sương. Chúng tôi vừa chạy vừa thở hổn hển, chân cảng run bắn muốn rú lại, muốn té quỵ, vì ở phía sau lưng những tiếng đạn, tiếng giầy, tiếng xì xồ vẫn đuổi theo rất gấp. Những đám người chạy cùng với chúng tôi khi nhìn thấy bác Cả, mình đeo khố tải, tay cầm gậy lớn, đều kêu lên thất thanh: “Người điên! Người điên!” và chạy tán loạn về phía khác. Tôi chạy tưởng chừng sắp muốn đứt hơi. Bà tôi mấy lần lão đảo chỉ muốn ngã sắp xuống. Bác Cả đi tập hậu, cứ kéo lết bết cái bao tải như thế, vừa

Người điên dưới chân sườn Tam Đảo | 143
chạy vừa ngoái cổ lại. Trên con đường vắng
tanh, lỏm chỏm, chỉ còn bốn bà cháu chúng tôi
cuống cuống, lếch thếch trước những tràng
đạn đuổi theo veo véo trên đầu.

Bỗng tiếng bác Cả cất lên:

“Chúng nó! Chúng nó!”

Chúng tôi rú lên, cùng ngoái cổ nhìn lại.
Thấp thoáng ở xa xa, đầu con đường đầu tỉnh,
những đầu lười lê nhấp nhồm, sáng loáng.
Cùng lúc đó, bà tôi kiệt sức, ngã vật xuống. Bác
Cả chạy đến, xốc bà ngoại dậy. Bà tôi vừa khóc
vừa thở:

“Thôi đành là mẹ con ta chết ở đây. Mẹ
không chạy nổi nữa, con ơi!”

Tôi thấy bác Cả đẩy bà ngoại cho mẹ tôi đỡ
lấy, bác ngẩn cổ nhìn tứ phía, rồi bác chỉ tay
cho mẹ tôi nhìn thấy một con đường nhỏ chạy
tắt xuống thung lũng um tùm.

“Cô đưa bà và cháu chạy xuống dưới kia”.

Mẹ tôi còn ngờ ngác do dự bác đã giục hối hả:

“Mau lên. Chạy xuống ẩn dưới đó đi”.

“Còn bác?”

Bác Cả lần lượt nhìn cả ba chúng tôi bằng một cái nhìn lạ lùng, một cái nhìn chứa chan, nồng nàn, như gửi vào đó tất cả những thương yêu một đời, rồi bác mỉm cười nói:

“Tôi chạy theo sau mà. Mau lên, trời ơi, mau lên”.

Mẹ tôi quăng vội khăn gói, một tay dìu bà, một tay dắt con, cầm đầu chạy xuống con đường nhỏ. Đạn nổ đình tai nhức óc. Chạy tới một vùng cỏ dại cao ngang tầm người, mẹ tôi vấp kéo theo bà tôi và tôi cùng ngã xuống.

Nhìn lên, mẹ tôi kêu lên một tiếng sợ hãi. Thì ra bác Cả không chạy theo chúng tôi, mà từ con đường cao, bác chạy sang phía bên kia, bác chạy thẳng lên đỉnh đồi.

Suốt đời, tôi còn nhớ thân đến cái cảnh tượng lạ lùng, kinh dị đó. Thân hình bác Cả nổi lên nền núi xanh thấp thoáng nắng sớm, cái khổ tải lắt phất như một cánh bướm, như không phải là bác đang chạy mà đang là là bay. Điều kỳ dị là bác chạy dềnh dàng, chuệnh choạng, chân nam đá chân xiêu, như người sau rượu. Điều kỳ dị nữa là bác vừa chạy như thế, vừa vung tít cái gậy trên đầu, vừa ngoái cổ lại, gật gù như vẫy như gọi bọn lính đuổi theo, miệng thì ca hát ê a, tiếng ca hát ê a tôi đã từng nghe thấy trong những cơn điên của bác.

Bà tôi và mẹ tôi cùng thét lên:

“Trời ơi! Lại nổi cơn điên rồi”.

Nhưng không phải thế đâu. Bác Cả không điên. Bác Cả chỉ đang cứu chúng tôi thoát khỏi ba cái chết thảm khốc. Sau này, càng nghĩ càng nhớ đến cái nhìn cuối cùng của bác, cái nhìn chan chứa yêu thương không nói, tôi càng tin là đúng, là chỉ có thể như thế, là lần duy nhất trong đời, điên đã tỉnh rồi, đã giả bộ múa hát

điên điên đại đại, để dụ quân Pháp về một hướng khác, đánh lạc đường chúng đuổi theo chúng tôi.

Và bác đã thành công, toán lính đuổi tới chỗ bà tôi ngã, đứng khựng lại trước cảnh tượng kỳ quái đang diễn ra trước mắt chúng trên ngọn đồi trọc. Tới đỉnh đồi, bác Cả quay lại, hoa chân múa tay, miệng vẫn hò hát, như thách thức đám lính đuổi theo. Một tràng đạn xé tan không khí. Từ đám cỏ hồng, tôi thấy bác Cả lão đảo, cái gậy trong tay bác hạ xuống, bác loạng choạng đi trở xuống, tay ôm ngực. Một tràng đạn thứ hai nổi lên. Bác Cả ngã vật xuống. Quân Pháp chụm đầu bàn tán, ý chừng còn thắng thốt trước sự xuất hiện quái đản của người khùng. Rồi chúng quay trở lại, kéo nhau về thị xã.

Chúng tôi thoát chết.

Khi bà tôi lên tới đỉnh đồi và nức nở quỳ xuống, bác Cả đã tắt thở từ lâu. Con mắt một nửa đời người vẫn đục màu máu điên loạn chỉ

Người điên dưới chân sườn Tam Đảo | 147
còn là một khối đồng tử bất động. Cái bao tải
phủ ngang thân thể bác như một màn vải liệm.
Chiếc gậy lớn vẫn cầm lăm lăm trong tay. Bác
Cả nằm nghiêng nghiêng, nét mặt hiền hòa, cái
nhìn ngược lên như hướng tới đỉnh núi Tam
Đảo cao ngất bây giờ đã rực rỡ dưới nắng.

Bà tôi vuốt mắt cho bác. Buổi trưa hôm đó
bà tôi xoa tóc, đi theo xác con đến tận bờ huyết
đào ngay trong thửa ruộng chân đồi, dưới
bóng cây, nơi khi xưa, bác Cả Đoàn đã bị con
ngựa hồng của ông tôi đá một phát vào bụng
dưới thành điên.

o O o

Trở về căn nhà rêu phong cũ, bà tôi quét
dọn lại căn buồng chứa lúa ngang hông nhà
bếp, dọn giường chiếu xuống đó, sống những
ngày già yếu cuối cùng của đời bà ngay trên
thước đất nơi bác Cả bị xiềng xích ngày trước.
Chỉ còn một thân một mình nhưng bà tôi nhất
định ở lại nơi này, trong căn buồng của người
con điên, và bỏ luôn ý định xuống miền biển,

sống với gia đình chúng tôi, mẹ tôi năn nỉ thế nào, khóc xin đến mấy cũng không lay chuyển được. Ngày sắp di cư vào Nam, cả thầy mẹ tôi cùng lên Vĩnh Yên, đón bà cùng đi. Nhưng bà tôi không chịu. Và bà đã ở lại. Bà bảo mẹ tôi:

“Mẹ già rồi, không đi đâu nữa. Mẹ ở lại chờ chết trong căn buồng này là nơi thằng Cả nó đã sống, đêm đêm mẹ vẫn mơ thấy nó hiện hồn về”.

Trên cái bàn thờ nhỏ của bác Cả Đoàn được thiết lập ở một góc buồng, bà tôi dựng cái gậy bác Cả còn cầm ở trong tay cho đến lúc chết. Và trên bàn thờ, dưới ánh khói hương, là cái ống bơ sắt cũ và đôi gậy tre là những dấu tích cuối cùng của một cuộc đời điên loạn.

o O o

Bây giờ bà tôi đã chết. Tấm bưng thiếp ngăn ngủi từ bên kia vĩ tuyến không nói rõ bà tôi nằm xuống ở đâu, trút hơi thở cuối cùng trên

thước đất nào. Nhưng tôi, tôi nhìn thấy rõ ràng cái chết nghìn trùng cách trở ấy. Người bà ngoại nhân hậu vì quá thương con, cho con uống quá nhiều mật gấu đến nỗi thành điên, đã khép mắt trong căn buồng ấy, nơi mãi mãi phảng phất tiếng ê a lạ tai và tiếng đũa gõ loong coong đêm ngày trên nắp cái ống bơ lật úp của người điên đã chết cho những người thân yêu được sống. Phải, bà ngoại tôi chỉ có thể chết trong căn buồng ấy. Không thể chỗ khác. Và người ta cũng chỉ có thể chôn cất bà ở chỗ ấy, cho người mẹ già được ngủ giấc ngủ nghìn đời với người con điên trong thửa ruộng dưới chân đồi nhìn lên một sườn Tam Đảo. Không thể ở chỗ khác.

Có một điều là: sau bao nhiêu năm, tôi vẫn ngạc nhiên và vẫn tự hỏi về cái hiện tượng lạ lùng là sự thức tỉnh sáng suốt cuối cùng và đột ngột của bác Cả Đoàn. Tiếng súng đạn đình tai nhức óc đã làm bác chợt tỉnh cơn điên loạn triền miên? Hay là vì những giọt nước mắt hãi hùng của chúng tôi trong buổi sáng thập tử

nhất sinh đó? Hay vì tôi, vì cái khuôn mặt thơ dại của đứa cháu vô tội? Không biết. Có thể là vì những nguyên nhân huyền bí, siêu hình nào đó đã cấu tạo thành linh hồn và sự thật dị thường không khám phá nổi, niềm bí mật nghìn đời ẩn giấu của thế giới người điên.

Chỉ biết rằng, buổi sáng hôm đó, trước cái chết đến gần, bác Cả Đoàn đã tỉnh dậy. Và nhờ sự sáng suốt độc nhất, chốc lát, của cuộc đời điên loạn ấy mà tôi còn được sống đến ngày nay.

NHỮNG TẤM HÌNH CỦA CHỊ THỜI

Tiếng chuông vang lên, âm thanh mang hình ảnh một đường chỉ thẳng vút truyền đi, thật sâu và thật xa vào một phía bên trong thăm thẳm, ở đó là một sự im lặng nằm giữa một lắng đọng đầy. Tiếng chuông vang lên, chìm dần rồi mất hẳn. Chuông ở quá cao trên thành cửa. Nhị phải kiễng chân, đứng riêng trên ngón, căng rướn cái Thân thể chuột nhắt của Nhị lên, mới chạm được tới cái nút bấm bằng một đầu ngón tay. Cánh cửa vẫn đóng kín. Bên trong lặng tờ, không một tiếng động. Sự im lặng kéo dài. Và ở Nhị, là khởi sự một trạng thái bối bối lúng túng. Không biết làm gì hơn là đợi chờ, Nhị đặt cái va ly xuống bực thềm căn nhà đóng kín, quay lại, nhìn con

phố xa lạ mới đến, mới nhìn thấy lần thứ nhất trong đời.

Buổi chiều. Trời tháng Chín thấp và xám. Những ngày nghỉ hè đã chấm dứt. Những chùm phượng vĩ chói chang đã nở, đã kết thành một cái mái thiên nhiên rực rỡ cho những ngày làm một cánh bướm đồng, rong chơi thỏa thích trong thế giới tuổi vàng, và một chuyến xe đò đã chở Nhị xa dần những bóng tre những con đường ấu thơ, đặc sương mù, Nhị bỏ lại một chân trời, xếp vào đáy cặp những kỷ niệm hồng, rồi một chiếc xe kéo ọc ạch, long gầy đã chở Nhị tới giữa lòng con phố này, thả Nhị xuống trước căn nhà xa lạ thù nghịch. Con phố thật cũ kỹ thật khuất tịch, đầy đặc những ổ gà, những khoảng trống. Trước mắt Nhị, một dãy nhà chạy dài một tầng. Đó là những căn nhà bà già, kê vai lên những ngôi nhà ông lão. Những bờ tường ọp ẹp, xiêu đổ, nghiêng nghiêng, nâng đội nặng nhọc lặc lè trên đầu trên cổ chúng những hàng mái cong trũng. Trĩu nặng trên những hàng mái sâu thẳm cúi đầu ấy là những

viên ngói rêu xanh phủ kín, viên nào viên đó như sẵn sàng rớt xuống, tan vỡ thành muôn nghìn mảnh nhỏ xuống mặt đường. Buổi chiều nhá nhem phủ kín lên cái cảnh tượng hắt hiu một lớp khói chập chờn loãng nhạt. Mùa thu bén tới rồi. Nhị rùng mình. Trong không khí, là những luồng hơi lạnh tràn chiếm dần cùng bóng tối.

“Ai đó?”

Tiếng hỏi bất chợt nổi lên ở phía sau lưng làm Nhị giật bắn người quay lại. Bằng một phản ứng thảng thốt, mất tự nhiên, Nhị cầm vội lấy chiếc va ly. Đưa nhỏ quê mùa, mới ra tỉnh lần đầu mím miệng, nín thở. Trái tim nhỏ bé đập mạnh như muốn vỡ tan lồng ngực.

Người vừa mở cửa nhìn ra, vừa lên tiếng hỏi là một người đàn bà.

Tròng mắt thỏ non của Nhị là thứ tròng mắt chưa biết phân định những tuổi người. Một trái na mới mở mắt trong vườn sau một trận mưa đêm, với một trái na ủ nóng đã chín

mềm trong một áo lá khoai, một con chim già mở đã nhọn hoắt, một đài hoa mới hàm tiếu mơn mớn và một đài hoa đã rục rở mãn khai, Nhị phân biệt được. Phát triển được cái già của một ngọn cỏ. Cái non của một búp lá. Nhưng người, Nhị chịu. Chỉ biết cái khuôn mặt vừa hiện hình sau khung cửa mở hé là một khuôn mặt đàn bà. Thực ra đó chỉ là một thiếu nữ. Cô tên là Châm. Cô lớn hơn Nhị nhiều. Nhưng họ hàng có những thứ bậc trên dưới kỳ cục ngộ nghĩnh. Châm phải gọi Nhị bằng chú. Xưng cháu. Nhị đâu biết thế. Mặt đỏ gay, lười lười riu, Nhị lắp bắp:

“Thưa bà...”

Chùng như người con gái đưa tay lên che miệng cười. Nhị đã lúng túng, càng lúng túng thêm. Cuối cùng Nhị cũng nói được:

“Đây có phải là bà phán Tuyên không ạ!”

Người con gái nhìn Nhị dăm dăm. Chợt nàng hỏi:

“Chú phải là chú Nhị không?”

Nhị sững người. Dân thành phố thần thánh thật. Biết ngay Nhị là Nhị, mặc dù chưa hề gặp. Nhị tròn mắt, gật. Người con gái cười thành tiếng, bước ra, xách lấy va ly, rất thân mật và tự nhiên kéo thốc Nhị vào trong nhà, để Nhị đứng đó. Rồi vừa chạy vào trong nhà trong vừa la lớn:

“Mẹ ơi! Chú Nhị đã lên. Chú Nhị đã tới”.

Phía bên trong ngôi nhà tối thăm đã lảng đãng bóng tối và sương mù của buổi chiều tĩnh lặng, một tiếng dép lẹp kẹp bước xuống từ một cầu thang khuất. Nhị đứng chờ mất chừng vài phút nữa. Rồi bà phán Tuyên từ nhà trong lững thững đi ra. Bà phán Tuyên thì Nhị đã thấy mặt. Còn nhớ. Bà đã xuống chơi dưới ấp với cha mẹ nhiều lần, mỗi lần xuống ấp, bà đem theo biếu cha mẹ những thứ đồ ăn chỉ có trên thành phố. Như chuối ngự, cốm Vòng, bánh trái. Nhiều lần vào mùa hè, bà còn khệ nệ đem theo cả mấy ký nước đá lạnh buốt ủ

trong mặt cửa cho khỏi tan. Bà ở chơi dưới ắp một vài ngày, khi về, mẹ làm quà cho bà những thứ thịt cá, rau cỏ tươi tốt mà bà nói với mẹ là không thể có được ngon lành và tươi, mới như thế ở những chợ búa phường phố.

Chính một phần vì bà phán Tuyên mà cha mẹ cho Nhị lên tỉnh trọ học sớm hơn một năm. Cha mẹ định thế nào cũng cho Nhị già từ những chân tre cũ, những nhánh lúa vàng, những con đường đất cỏ non xanh ngắt hai bờ mùa xuân, để ra tỉnh học. Nhưng là năm sau kia. Sợ Nhị còn nhỏ quá. Năm đó Nhị mới mười một tuổi mà. Đi đâu xa còn nắm chặt lấy tà áo mẹ. Nhưng bà phán đã thuyết phục được cha mẹ cho Nhị lên đường sớm hơn đúng một năm học. Nhà con cũng là nhà ông bà. Con sẽ xin chăm sóc chú Nhị cẩn thận. Thăng Chuẩn thăng Tài nhà con cũng bằng trạc tuổi chú ấy. Mấy chú cháu chơi với nhau, đi học cùng một trường, tiện lắm. Trẻ con bây giờ cũng phải cho xa nhà dần đi thì vừa. Cho nó bạo dạn mới được. Đại khái bà phán đã nói như thế. Cuối

cùng cha mẹ Nhị đã nghe theo. Và buổi chiều tháng Chín năm đó, với Nhị, đã khởi sự những tháng ngày trọ học.



So với lần gặp trước ở dưới ấp, lần gặp tuy đã nhạt nhòa, nhưng hình ảnh người chị họ còn phảng phất trong trí nhớ, bà phán Tuyên đã thay đổi nhiều. Một thay đổi héo hắt. Làm bằng lo âu, bệnh tật và phiền muộn. Bà không cười nữa. Trán đầy những nếp nhăn. Mái tóc, Nhị nhớ chải chuốt và đen nhánh trong vành khăn nhung đã điểm những sợi bạc. Mới tháng Chín, heo may đầu mùa chỉ mới thả vào không khí một thoáng lạnh dịu dàng mà bà phán đã mặc một chiếc áo len dày, hàng khuy cài hết tới cổ. Cặp mắt bà mỗi mệ. Cái nhìn đầy đau buồn. Bà còn thúng thảng ho. Cái nhìn đầy đau buồn. Bà xoa đầu Nhị: “Chú đã lên đó à! Tốt lắm. Ở đây ăn học với các cháu”. Bà chỉ tay giới thiệu: “Đây là Châm. Nó là cháu của

chú đấy”. Bà cho Nhị biết là cha mẹ dưới ấp đã đánh điện tín lên báo tin Nhị tới từ chiều hôm trước. Bà bảo Nhị đi rửa mặt, thay áo, chờ ông phán đi làm ở sở về rồi ăn cơm. Đoạn, bỏ Nhị đứng lại dưới nhà, bà ôm ngực, ho mấy tiếng rũ rượi, một nhọc quay gót đi lên cầu thang.

Không bao giờ Nhị quên được buổi chiều đầu tiên ra tỉnh và xa nhà ấy. Cái thân thể chuột nhắt, cái tâm hồn trong vắt như một dòng suối, mỏng manh như một đài hoa, cái tuổi mười một ở đồng ở nội như nằm trên cái nôi êm ái nhất của một ấu thời bằng ngọc, chiều phùng phố thứ nhất ấy, thấy đã bờ ngõ, đã ngẩn ngơ với một trạng thái rời dứt bàng hoàng rộng lớn. Người lớn đã nhắc bổng Nhị từ một thế giới, ném Nhị lạc lõng sững sờ vào một thế giới khác, hoàn toàn xa lạ, hoàn toàn chưa quen. Ngôi nhà dưới ấp thênh thang gió thổi tràn đầy Nhị không nhìn thấy nữa. Đã xa, những bờ mái buổi sáng, mặt trời óng ánh trên từng phiến ngói. Chim sẻ nâu từng đàn bay lượn nhảy múa dưới nắng, hoa hoàng lan

dịu dàng tinh khiết tỏa hương trên những đầu cành, lá tre nghìn ngón tay phất phất trên con đường nhỏ tới trường, và dòng sông nhỏ hiền như một dải lụa, là tấm gương trong vắt và an lành nhất phản chiếu những ảnh hình đôn hậu của vòm trời ấu thơ. Đã mất cái âm thanh quen thuộc bạn hữu của gà vịt những ban mai thôn dã lìa chuồng, Nhị chạy vòng giữa chúng, ném thóc ăn thành một trận mưa hoa. Đã khuất bờ đê ấy là hướng mặt trời lên, cây cầu ấy là hướng lặn mặt trời, cái ngõ ruối đầy đặc bóng mát sau ngôi chùa mái cổ cong vút là nơi Nhị thường tìm đến những buổi trưa hè. Không còn nữa, cái ánh trắng rằm trên sân gạch thềm thang, cái ánh trắng đuổi theo bóng Nhị chạy, tới giấc ngủ còn đậu xuống hiền hòa trên mái tóc. Suốt dọc đường, Nhị đã nhớ. Chiếc xe đồ càn đưa Nhị xa nhà bao nhiêu muôn nghìn nỗi nhớ, bấy nhiêu, càng lớn. Thằng Ấu, thằng Thóc, thằng Phiên, con Phượng đang làm gì? Nhị nhớ chúng. Nhị xa lũ bạn để chỏm và Nhị nhớ bạn, ghê gớm, trên từng số đường. Nhà thằng Ấu có một cây khế. Thật ngọt. Cả

làng chả có nhà ai có được một cây khế ngọt như thế. Cắn một miếng, nước khế ứa ra, đầy lưỡi, đầy miệng, vị khế ngọt như đường phèn. Thăng Ấu là bạn thân nhất của Nhị. Từ đồng ấu tới dự bị. Từ dự bị tới sơ đẳng. Đi đâu cũng là Nhị, Ấu khoác tay, kề vai, cặp chân thỏ non song song với cặp chân chim sẻ. Cây khế nhà Ấu, mùa nào Nhị cũng được ăn ít nhất là hàng chục trái. Hôm được tin Nhị ra tỉnh học, Ấu thủ hai trái khế chín vàng trong vạt áo, luồn qua ba thửa vườn, chạy hết một lối xóm, đem tặng cho Nhị. Ấu đen nhẻm. Ngổ nghịch. Mắt trắng dã như mắt rắn ráo. Người làng đồn cha Ấu ngày xưa đi ăn cướp bị ông quan huyện đeo bài ngà đem lính từ trên huyện về bắt được. Cha Ấu phá rào, băng qua ao trốn. Nhưng lính bắn theo trúng chân, ngã quỵ. Rồi bị cùm tay, giải đi. Và chết trong nhà ngục. Cha nào con ấy. Ấu rắn đầu, trán gồ thành bướu, nổi tiếng gan lì nhất lớp. Thầy Chủ dữ đòn là thế, một buổi gọi Ấu là con thằng tướng cướp, bắt Ấu nằm sấp, đánh đủ mười roi mây tóe máu. Ấu quần người như con giun mà chịu đòn anh

hùng, không bật một tiếng kêu một tiếng khóc nào. Nhị chứng kiến trận đòn, mỗi lần nhớ lại còn xám xanh mặt mũi. Cha tướng cướp chẳng thấy đâu, chỉ thấy con chí hiếu. Ấu thương mẹ lạ thường là thương. Mẹ Ấu ở một túp lều nhỏ, bán hàng ở cái quán nước lộ thiên gần cây đa đầu làng. Sáng sáng, Ấu đội hàng ra quán cho mẹ rồi mới đến trường. Mỗi lần làm gì không nên không phải, mẹ mắng, Ấu khoanh tay trước ngực, cúi đầu, đứng im phăng phắc. Ấu khỏe như trâu lăn, đánh lộn một cây, mình mẩy thâm tím, thân thể đau như cũng chỉ nghiêng rãnh, chứ không bao giờ khóc. Vậy mà hôm tiễn Nhị và tặng bạn hai trái khế cuối cùng chấm dứt cho một tuổi hồng đoàn viên, Ấu đã chảy nước mắt.

Riêng với Ấu, Nhị đã có không biết bao nhiêu là kỷ niệm. Ngăn ký ức nào đọng cho đủ. Cặp học trò nào chất cho vừa. Còn thằng Thóc nữa. Cho nó thân thứ nhì đi. Thân sau Ấu thân thiết nhất. Thóc học giỏi quá thể. Óc nó chứa đựng đầy chữ. Chữ vào trong đầu Thóc,

chữ ở lại, hóa thành những bài học thuộc lòng đọc bằng bằng một hơi, thành những bài toán làm không bao giờ sai một con số nhỏ, thành những lần lên bảng, cái giọng Thóc sang sảng, thước kẻ trên tay, giờ địa dư vừa nói vừa chỉ bản đồ, không sai tên một dòng sông, không lầm tên một triền núi. Bọm và thánh thật chứ. Không bọm sao Thóc đứng đầu lớp ba năm tiểu học liền. Không thánh sao thầy cũng phải chịu. Thầy bắt mọi người bắt chước Thóc, cũng phải học giỏi như Thóc. Nhị muốn mà không được. Theo kịp Thóc là cái chuyện dứt hơi. Học như Thóc, một hơi thôi, đã hoa mắt chóng mặt. Trước ngày Nhị lên đường, Thóc rủ Nhị ra chợ. Đãi Nhị một bữa bún riêu no căng bụng. Thóc bảo: “Mày muốn lấy gì tao cho”. Thóc có nhiều cái Nhị thích lắm. Thóc có con chim vành khuyên nhốt trong một cái lồng sơn son, cái hộp bút chì đủ mười hai màu, một cuốn sách đóng gáy da đầy những con bướm ép đủ kiểu đủ cỡ, một cuốn truyện thần tiên là phần thưởng nhất lớp của Thóc, Nhị nhớ đâu như chỉ mượn xem qua được có một lần.

Lại còn thằng Phiệt nữa. Nó chẳng thân lắm nhưng nhiều buổi sáng Chủ nhật, chính Nhị đã phải làm thân với Phiệt. Chả là Nhị mê đi câu cá mà nhà Phiệt lại có một cái ao nhiều cá nhất làng. Cái ao cá nhà Phiệt là nổi mê đắm tận cùng và lớn nhất của Nhị đó. Nghĩ đến đã đành, đêm còn mơ thấy mặt ao với những bầy cá đầy đặc quẫy nhẩy hoa mắt cùng khắp cõi mộng. Cái ao ở phía sau nhà ba phía là bụi tre um tùm vây bọc. Chỉ có một phía vào được thì ông Xã, cha Phiệt, đã ngồi đó, ở một đầu thềm, suốt ngày suốt buổi.

Một lần, Nhị đánh bạo vác cần câu đi vào, nhưng không thoát. Ông Xã thủng thẳng hỏi: “Cậu Nhị đi đâu đấy”. Nhị đáp: “Cháu vào tìm Phiệt”. Trẻ con không đánh lừa nổi người già. Ông lão quái ác, vẫn cái giọng thủng thẳng tiếng một: “Tìm ai thì tìm, tha hồ, nhưng không có được tìm bắt cá của tôi đâu đấy nhá”. Ông lão giữ cá thật còn cẩn mật hơn ông thần tóc đỏ giữ của, Nhị đã xem trong một truyện thần tiên. Lần đó, Nhị cụt hứng đành vác cần

câu lưỡi thú đi trở ra. Kẻ mách Nhị câu trộm được những con cái nghìn vàng của ông Xã lại chính là Phiệt. Thấy Nhị mê quá, Phiệt mách nước cho Nhị đánh lừa bố. Mày làm một cái cần câu ngắn thôi, giấu vào trong vạt áo. Bố tao có hỏi, khai là vào vườn sau tìm cỏ gà. Tới ao, hãy giở cần câu ra. Ngồi câu ở gốc cây sung ấy. Chỗ ấy um tùm, kín khuất, thầy tao không thấy được. Câu được cá cứ để ở gốc sung, tao lấy tao mang ra cống cho. Suốt một vụ hè, Nhị đã làm theo kế hoạch của Phiệt. Và quả nhiên tuần nào cũng câu trộm được hàng chục con cá chép của ông Xã. Bây giờ thì hết rồi. Hết những con tép, con giun làm mồi. Hết những con bống trứng vàng phình bụng, những con rô đen nhầy, những con rói mắt đỏ, những con trê trơn nhầy, những con chép nặng trĩu làm cong vút cái cần câu nhỏ, hết chỗ ẩn náu um tùm kín khuất sau gốc sung vươn mình ra mặt nước ao kia.

Giã từ. Từ giã. Lên đường. Bỏ lại. Con Phượng, mắt tròn như hòn bi, đen láy, cười đầy,

rồi khóc đấy, hay đòi Nhị cho đi theo những cuộc phiêu lưu sảng khoái mê ngất qua những bờ bụi, nó cùng luồn những hàng rào, cũng lách qua những chân tre, cũng nhảy qua những lòng rạch, vừa đi theo Nhị vừa sợ, nhưng sợ mà đòi đi, lần nào Nhị không chịu, cô bạn Nhị giậm chân bành bạch, dọa khóc, dọa hét, Nhị muốn kêu trời nhưng rồi lại nắm lấy cái cổ tay bụ bẫm có ngón của Phượng, dắt bạn chạy lao và giữa cái xanh lam đầy đặc bóng mát thênh thang vui thú tràn đầy của cái thiên đường bao giờ cùng dành cho Nhị những khám phá kỳ thú. Con Phượng phút này làm gì? Tao xa rồi, Phượng! Ai đưa mày đi bắt những con bướm buổi trưa say nắng, những ngọn cỏ gà, những con chuồn kim, và đêm tối, những con đom đóm lập lòe, và ngày mưa, ai nữa, cùng người bạn nhỏ, vui thú thả theo con lạch tràn bờ những con thuyền giấy? Giã từ. Từ giã. Bỏ lại. Chia tay. Xa bạn. Lên đường. Những hình ảnh số đường. Và bây giờ là một đường phố xa lạ, chẳng có bướm vàng chẳng có bạn cũ. Những chùm hoa phượng đỏ chói của tuổi

nhỏ bông hoa đã nở. Đã rụng. Một năm học mới bắt đầu. Một năm học phùng phố đầy vẻ xa lạ thù nghịch. Thù nghịch ngay từ căn phố Nhị vừa đặt chân tới. Thù nghịch ngay từ ngôi nhà ở đó những ngày trọ học của Nhị đã bắt đầu với Nhị bằng cái cảm giác rùng rợn của một kiếp lưu đày.

o O o

Đó là một ngôi nhà kiểu cổ. Như tất cả những ngôi nhà cùng một kiểu, nằm thiếu nảo thành một hàng dài xiêu đổ, tối tăm trong lòng con phố khuất tịch. Mãi về sau, mẹ kể chuyện, Nhị mới biết là tới kỳ Nhị đến trọ học, người chị họ – bà phán Tuyên – gặp phải một bất hạnh lớn. Gia đình bà phán trước đó sống sung túc, phong lưu. Căn nhà sáng chiều vang động tiếng cười tiếng nói. Ông phán đi làm. Ba phán buôn bán thêm. Công việc làm ăn phát đạt, thì đột nhiên bà phán bị một người bạn lừa đảo. Người bạn gái phản phúc lá mặt lá trái đã dụ

dỗ ngon ngọt thế nào không biết, chỉ biết bà phán đã đưa hết tiền bạc dần vốn cho ả, và một buổi, ả đã bỏ đi mất tích. Thế là một phút trắng tay. Để trừng phạt vợ về cái tội nhẹ dạ tin người, ông phán bắt bà phán ở nhà. Một cuộc sống khắc khổ bắt đầu từ đó. Tiền lương trích ra một nửa để trả nợ, một nửa giao cho chị Châm, người con gái lớn. Khoản tiền quá ít, tằn tiện thế nào cũng không đủ chi tiêu. Căn nhà từ bất hạnh đột ngột, đắm chìm trong một bầu không khí u uất. Bà phán đau buồn, sinh bệnh, nằm suốt ngày trên gác tối. Những tiếng cười mất biến trên những khuôn mặt trầm tư, khép kín. Chỉ còn những cặp mắt ngó xuống, và những giọt lệ thầm và những tiếng thở dài.

Ngay từ buổi chiều mới đến, cái không khí lạnh buốt, thiêm thiếp của ngôi nhà không hạnh phúc đã là một đội đập bâng hoàng vào trí óc non nớt của Nhị. Tối xuống. Bật đèn lên. Ánh đèn cũng vàng vọt, cũng buồn rầu. Ông phán từ sở về. Mệt nhọc, cau có. Ông hỏi thăm

Nhị một vài câu qua loa. Mấy thằng nhỏ con ông từ bên kia bàn ăn ném cho Nhị những cái nhìn gờm gờm thiếu thiện cảm. Chị Châm xem chừng có cảm tình với Nhị hơn. Nhưng người con gái lớn của cái ngoài sa sút không thể là một thiếu nữ tươi tắn, mà đã sớm những lo buồn không tên, những ưu tư nhiều mặt. Bữa cơm thứ nhất đánh dấu cho chuỗi ngày tháng trọ học, Nhị nhớ chẳng vui gì. Mọi người cắm đầu ăn. Rồi đèn tắt đi. Tất cả cùng lên lầu.

Nhị ra ngồi một mình ở ngoài thêm cửa. Tầng dưới của căn nhà tối om sau lưng. Trước mắt Nhị, con phố nhỏ nằm dài dưới những ánh điện đường nhợt nhạt. Một vài bóng người di động, lặng lẽ, dưới những mái hiên thấp. Thỉnh thoảng, ánh đèn lắc lư của một xe hàng rong chậm chạp lăn qua. Tiếng rao hàng cất lên, khàn khàn, mỗi một. Những âm thanh rời rạc ấy mất hút vào im lặng với ánh lửa lay tạt nhỏ dần về một cuối phố. Đêm tháng Chín lạnh. Tiếng hanh nỏ của một phiến lá rụng trên một lòng mái cong trũng. Lòng phố ướt át

dần. Sương chập chờn, xanh biếc. Nhị chống tay dưới cằm, nhìn con phố xa lạ, lại nhớ đến những đêm trắng sáng ở làng. Nhà Nhị ở sát gần một bờ sông. Đêm trắng, mọi người từ trong làng ra tắm giặt thật khuya trên những bến đá. Những bầy trẻ nhỏ cùng tuổi Nhị bơi lội, vùng vẫy trên mặt nước óng ánh những gợn vàng. Giã từ ánh trăng cũ. Trăng ấu thơ ơi, từ biệt từ đây. Nhị chìm đắm trong một dòng hồi tưởng miên man như thế, cho đến khi Nhị nhìn thấy ở một căn nhà đối diện, một cánh cửa mở ra, một ánh đèn bật sáng và một bóng người vượt đường đi sang.

Cái bóng nhằm đúng chỗ Nhị ngồi đi thẳng tới. Nhị hoang mang chưa biết nên ngồi im đó hay đứng lên, cái bóng đã sát tới gần, và đứng lại trước mặt. Một tiếng nói dịu dàng, dịu dàng và êm ái lạ thường:

“Tài đây hả?”

Nhị ngơ ngác:

“Tài nào ạ?”

Cái bóng cúi xuống nhìn soi vào mặt Nhị. Và Nhị nhìn thấy khuôn mặt người đàn bà của ngôi nhà đối diện. Cùng một tầm thước với chị Châm nhưng người đàn bà mảnh khảnh hơn. Trên khuôn mặt trái xoan của nàng, một đôi mắt sâu thẳm đen láy. Khuôn mặt đó, mà sau này, lúc nào Nhị cũng như cảm thấy phảng phất một nỗi buồn ẩn giấu, đẹp lạ thường. Cũng đẹp dịu dàng, và hiền hậu như cái tiếng nói ngọt ngào Nhị vừa nghe thấy. Một tiếng cười khúc khích:

“Chết! Lầm rồi. Chị lại tưởng cậu Tài, em chị Châm. Chị Châm đâu?”

“Ở trong nhà ạ!”

“Em là ai?”

Không chờ Nhị trả lời, người đàn bà đặt bàn tay nàng lên mái tóc Nhị, một bàn tay mềm mại và ấm áp:

“Em là cậu học trò ở dưới ấp mới lên trọ học đấy hả?”

“Dạ!”

“Buổi sáng chị Châm có sang nhà nói chuyện. Ngồi ở đây làm gì một mình thế?”

“Em xem phố”.

Lại tiếng cười thân mật, khúc khích:

“Xem phố? Cái con phố này xấu và cổ nhất. Có gì đáng xem đâu. Sương xuống rồi đấy. Đừng ngồi ở thềm cửa này nữa. Lạnh lắm. Sáng mai tha hồ xem. Nhà chị ở bên kia đường. Chỗ khung cửa có đèn sáng ấy, em nhìn thấy không?”

Nhị gật đầu. Người đàn bà xoa đầu Nhị, đứng thẳng người lên:

“Mà tên em là gì?”

“Nhị, Nhị ạ!”

“Nhị? Được lắm. Ở đây đi học rồi lúc nào buồn, Chủ nhật ngày nghỉ chẳng hạn, sang chơi với chị nhé. Chị mời em ăn bánh. Thích

ăn bánh, cứ sang, tha hồ ăn. Thôi đứng lên. Vào tìm chị Châm bảo hộ chị là chị Thờì cần gặp”.

o O o

Bao nhiêu năm về sau, mỗi lần hoa phượng nở, mỗi năm tháng Chín về cho tựu trường tới, cậu học trò nhà quê đã quen lắm với những ánh điện đường thành phố, lại đến với những cửa trường khác, lại có những người bạn mới, lại xa thêm mãi ngôi nhà trọ và lòng phố cũ, những vòm trời tỉnh lẻ lấy dấu đã nhạt nhòa trong trí nhớ vẫn đắm thắm một hình ảnh một khuôn mặt. Đó là cái hình ảnh dịu dàng, cái khuôn mặt đôn hậu của chị Thờì. Giọng nói ngọt ngào của chị. Ánh mắt nhân từ, bàn tay ấm áp của chị. Giữa chú nhỏ và người con gái lớn tuổi, một sợi dây bằng hữu đã được nối kết, sợi dây ấy đã không đứt rời mà còn buộc, thật chặt, những kỷ niệm của Nhị về chị Thờì thành một khối tình cảm trân trọng, cái khối

tình cảm đó nguyên vẹn trong hồi tưởng Nhị, là cái phần gìn giữ cảm động và trau chuốt nhất của những ngày trọ học đầu tiên.

Nhị đang nhớ lại chị Thời đây. Nhớ lại cái thế giới thu nhỏ của chị, lặng lẽ như một dòng sông trong đồng chảy âm thầm giữa những đồi cỏ hèn mọn. Đến cái dáng đi của chị, bóng hình, không tiếng động, trong ngôi nhà cũ, ở đó, cho một cuộc đời thiếu nữ, những xuân hồng đã biệt tích, đã đi qua. Đến cái khoảng sân sau, cái khoảng sân rêu phong lủi thui giữa bốn vì tường cao vút, ở đó như chuỗi ngày tháng mưa phùn của chị Thời, không một tia nắng chiếu tới và lọt xuống, cho dù là vào những buổi sáng mùa hạ rất đẹp trời. Đến khuôn mặt chị, hiền hậu, buồn rầu, che giấu một tâm sự riêng tây không tỏ lộ. Đến ánh mắt chị u uẩn. Và những tiếng thở dài nhẹ như một hơi gió thoảng, đôi khi Nhị bắt gặp, nhưng bây giờ Nhị còn nhỏ quá, chưa hiểu được nguyên nhân.

Những ngày trọ học đầu tiên lạc lõng và bơ vơ trôi qua. Con phố khuất tịch của tỉnh lẻ không bao giờ có được cái sáng hồng, cái nháy nhót, cái tươi vui phơi phới của một con đường đông dưới ấp. Nhưng Nhị cũng quen dần với nó. Không thể làm khác. Có điều là cái gia đình tắm đấm trong bầu không khí phiền muộn của người chị họ sa sút thì Nhị không tài nào tìm được một hòa nhập tốt đẹp. Bà phán vẫn nằm trên căn gác tối thẫm. Với chiếc áo len khuy cài tới cổ, tròng mắt trũng và những tiếng ho thúng thảng mỗi khi trời trở lạnh. Ông phán, chiều chiều từ sở về, vẫn cái điệu mệt mỏi, cau có. Nhà không nuôi người ở, chị Châm đầu tắt mặt tối suốt ngày dưới bếp. Và thằng Chuẩn, thằng Tài thì không phải là thằng Ấu, thằng Thóc. Chúng không chịu kết bạn với Nhị. Nhiều lần, chị Châm mắng: “Sao chúng mày không chịu chơi với chú Nhị?”. Hai thằng oắt đưa mắt nhìn nhau, tiếp tục những cuộc chơi riêng. Chúng chê Nhị ngổ nghể. Cười Nhị

nhà quê. Chế giễu Nhị đủ điều. Chú mà phải làm thân với cháu mới ngật chứ. Vậy mà mọi đề nghị giao hảo và sống chung hòa bình nào của nhị cũng bị hai cái đối phương chuột nhất đồng tuổi từ chối. Một từ chối quyết liệt, tàn nhẫn. Một lần bà phán cho tiền ba chú cháu dắt nhau đi coi chiếu bóng. Phim Ba chàng ngự lâm pháo thủ. Phim có đánh kiếm như chớp, phi ngựa như bay, Nhị mê quá thể là mê. Thế mà vừa chạy vào nhà trong lấy cái mũ trắng chạy ra, hai tên pháo thủ khốn nạn đã lên đi mất hút, và pháo thủ Nhị đành ở nhà. Chiều về, hai thằng cháu cô hồn kể chuyện đấu kiếm bô bô, Nhị tức đến muốn phát khóc. Nhưng chúng khỏe hơn, lại bênh nhau chăm chập, Nhị không làm gì chúng được. Cái quyển sách đầy những con bướm ép, tặng vật của Thóc ngày đôi bạn chia tay và Nhị lên đường, chúng cũng ăn cắp mất. Đòi, chúng bảo thích lấy, chán chơi, xé, đốt đi rồi. Ngang ngược, láo lếu, và mất dạy đến thế là cùng. Thành ra tiếng là sống chung dưới một mái nhà, học cùng một lớp, về chung một lối, mà giữa mấy thằng cháu và ông chú

nhỏ thó, không hề có cái tình bằng hữu tưởng là tự nhiên và dễ dàng phải có, là cái tình bằng hữu của tuổi nhỏ.

Mà Nhị cũng cóc cần. Nhị đã có một người bạn mới. Thân thiết. Đôn hậu. Tử tế. Người đó là chị Thời. Ngày nào Nhị cũng sang chơi bên nhà chị. Ít nhất là một lần. Chiều thứ Bảy, ở cả buổi. Chủ nhật, ở cả ngày. Hồi đầu Nhị còn sợ bà phán không bằng lòng. Chị Thời bảo cứ yên tâm, để chị nói với bà phán. Và chị nói. Và bà phán cũng chỉ phản đối lấy lệ. Lâu dần, gần như là Nhị chuyển dần đời sống của Nhị sang nhà chị, thực hiện một cuộc di cư ngắn sang qua một lòng đường.

Nhà chị Thời cũng là một ngôi nhà kiểu cổ với những hàng cột lớn, những bờ mái cong trũng, những bức tường rêu phong như những căn nhà cùng phố. Nhưng nó lớn rộng mênh mông. Và thật sạch sẽ, thật yên tĩnh. Chị Thời có hai người anh trai. Họ đã lớn, lấy vợ, cùng đi lập nghiệp ở phương xa, thỉnh thoảng lắm mới trở về vào những ngày giỗ tết. Ngôi nhà

thênh thang chỉ có chị Thời sống với người mẹ già. Bà lão đã bảy mươi. Mái tóc bạc trắng. Phong cách thoát tục. Bà cũng hiền hậu, cũng dịu dàng như người con gái. Đôi khi đi qua căn buồng nhỏ kế liền khoảng sân trong, Nhị ngó vào, thấy bà lão ngồi đó, trước một bàn thờ Phật. Chuỗi tràng hạt lần chậm từng hạt trên những ngón tay gầy. Ánh nến lung linh. Hương trầm thơm ngát. Bà lão ngồi tụng kinh hàng giờ, tiếng mõ làm nhịp cho những lời tụng niệm trầm tiếng. Ngoại trừ căn buồng nhỏ ấy, tất cả ngôi nhà trở thành cái thế giới riêng của Nhị. Chị Trầm mến Nhị, khen Nhị hiền lành, ngoan ngoãn, để cho Nhị hoàn toàn tự do. Trưa, bên này mát hơn bên nhà bà phán, Nhị sang đây mà ngủ. Chiều đi học về, chị mới làm xong mẻ bánh quế đó, nhớ sang mà ăn. Chỉ còn bảo quần áo Nhị có đứt khuy, mang sang, chị khâu vá lại cho. Và những bài toán khó, cầm vở sang, chị giải nghĩa cho cách tìm đáp số. Nhị yêu nhất những buổi trưa mùa hè nằm ngủ thiếp đi trên cái ghế ngựa gỗ lim mát lạnh như da người dưới mái nhà đầm đẫm bóng mát

của người chị nhân hậu. Ngôi nhà như được che phủ dưới những tàn lá đầy đặc. Không khí ngưng đọng. Phảng phất ở những xóc góc, một thứ bóng tối thân mật. Và trên một nền đá hoa sạch bóng như gương, tròn mắt ngà ngà sắp rơi chìm vào giấc ngủ thơ ngây của Nhị chập chờn cái hình bóng di động uyển chuyển đó của chị Thời, cái hình bóng bao nhiêu buổi trưa hè xưa đã làm cho Nhị yên tâm và sung sướng.

Sau này, nhớ lại, Nhị mới nhận thức được chị Thời đúng là một điển hình tốt đẹp nhất của người con gái công dung ngôn hạnh, cái khuôn mặt điểm lệ của tâm hồn và đức tính tổng hợp này, bây giờ, Nhị chỉ mới thấy được ngời ca mờ hồ trong những bài luân lý. Chị Thời giỏi thật. Như Thóc của ba năm tiểu học đứng đầu cả lớp, chị Thời trên mọi mặt của gia chánh và nội trợ đều vượt rất xa, chị Châm, chị Hiền, chị Thảo là mấy người bạn gái cùng phố. Thêu thùa, làm bếp, may vá, ở chị Thời thạo đều là một nghệ thuật tinh diệu. Bây giờ, Nhị

đâu có biết. Chỉ nghe thấy chị Châm, chị Hiền, mọi người đều tấm tắc như thế. Người ta còn nói khác nữa. Về chị. Là khéo léo, nết na, công dung thể kia, ngôn hạnh nhường ấy, mà chị Thời, không hiểu bởi một trớ trêu quái gì nào của cảnh ngộ và định mệnh lại không có được cho đời chị một xuân hồng.

Những người thiếu nữ cùng tuổi lần lượt lên xe hoa về nhà chồng, riêng chị Thời vẫn ở lại với cái thế giới lặng lẽ. Hết một mùa mưa. Qua một mùa nắng. Hết một năm này sang một năm khác. Hồi Nhị mới đến ở khu phố, ngôi nhà chị Thời mỗi buổi sáng Chủ nhật là nơi họp mặt của những người bạn chị. Đám bạn gái làm bánh, thêu thùa, đùa cợt với nhau. Căn nhà vang động tiếng cười tiếng nói. Rồi Nhị thấy những khuôn mặt bằng hữu ấy thưa vắng dần. Vào mỗi mùa xuân lại có những đoàn người đầu đội quả song, thắt khăn lưng đỏ đi vào trong phố. Họ đi, nghiêm chỉnh, thành một hàng dài. Họ khiêng những mâm đồng, chất cao có ngọn những chồng bánh bọc giấy

kim tuyến, bọc giấy hồng điều đỏ chói. Trẻ con hàng phố đổ ra xem, vỗ tay reo hò: đám cưới, đám cưới. Ít ngày sau, một đoàn xe hòm sơn đen vào theo, cũng nối hàng như đoàn người. Trong khói pháo khét lẹt, trong tiếng pháo ném sự kinh động bàng hoàng vào lòng phố tĩnh mịch là những khuôn mặt hân hoan. Và sau những ngày vui đó, lại mất đi một chị Hiền, chị Lua. Nhị ở trọ nhà bà phán cả thấy bốn năm. Những người bạn của chị Thời lần lượt lên xe hoa. Đến năm thứ tư, bà phán cũng gả chồng cho chị Châm. Tiệc cưới linh đình có được nhờ ở bàn tay nội trợ tuyệt vời của chị Thời một phần lớn. Chị sang làm giúp gần hết mọi việc. Phút chia tay với bạn, chị Thời từ chối không chịu làm phù dâu – đôi bạn ôm lấy nhau khóc. Đám cưới là vui mà, người lớn bảo thế, sao hai chị lại khóc, Nhị không tài nào hiểu được. Buổi chiều, lòng con phố cổ trở lại quạnh hiu như cũ. Ngôi nhà bà phán vắng tanh buồn rầu. Nhị lại chạy sang nhà chị Thời. Chị không thấy Nhị tới. Chị ngồi đó, bóng tối của buổi chiều phủ dần trên mái tóc, cúi đầu xuống, bất động,

Những tấm hình của chị Thời | **181**
đắm chìm, lại lòng tay đưa lên, bưng lấy mặt.
Chưa bao giờ Nhị thấy chị Thời buồn như buổi
chiều hôm ấy.

Chị kéo Nhị lại gần:

“Chị Châm xa chị em chúng mình rồi”.

Nhị nói, ngớ ngẩn:

“Lấy chồng thì phải xa”.

“Em nói đúng lắm”.

Nhị nghiêng đầu ngẫm nghĩ rồi hỏi chị đột
ngột:

“Còn chị, sao chị không đi lấy chồng?”

Một nụ cười buồn rầu:

“Không ai lấy chị hết”.

Nhị không chịu tin như thế. Lại thơ ngây
hỏi:

“Sao người ta lấy các chị ấy?”

“Các chị ấy may mắn hơn chị nhiều”.

Rồi như không muốn kéo dài câu chuyện, không muốn đề cập tới chút nào, chị Thời ngăn lại, chị bảo Nhị còn nhỏ, không nên biết đến chuyện người lớn. Và đứng lên lấy bánh cho Nhị ăn. Điều khác thường là buổi chiều hôm đó, chị Thời còn cho Nhị vào thăm căn buồng riêng của chị. Đó là một căn buồng nhỏ, cũng giống như căn buồng của chị Châm. Nhưng đèn vừa bật sáng, Nhị thoát bước vào, đã đứng ngăn người ra. Căn buồng có sự lạ lùng này là trên những vì tường của nó, đều có những tấm hình treo kín khắp. Phải, những tấm hình. Điều làm cho Nhị ngạc nhiên hơn, là những tấm hình đó không phải là hình chị Châm, chị Lựa, mà là những tấm hình tài tử. Những tấm hình tài tử màn bạc. Những tấm hình tài tử chiếu bóng. Chúng thật nhiều. Hàng mấy chục cái, lớn nhỏ đủ cỡ, tấm nào tấm nấy đều được trang trọng lồng kính, và treo dính ngay ngắn lên tường bằng những cái khung da thật đẹp. Và điều ngạc nhiên cuối cùng cho cái khối óc

ngây thơ của Nhị: những tấm hình tài tử đó toàn là những tấm hình đàn ông, chứ tuyệt nhiên không có hình của một nữ tài tử nào.

Trọ học ở tỉnh tới năm thứ tư là năm đó, Nhị đã biết đến cái thú màn bạc. Mê xi nê. Mê lắm. Mê như điệu đồ vậy. Nhưng một cái vé xi nê “đi tuần” bấy giờ với Nhị đã là một chi khoản thật lớn so với nền tài chính eo hẹp của một cậu học trò trọ học. Cha cho có một đồng. Phải tiêu đủ một tháng. Thế đã là nhiều lắm. Nhiều thế chẳng thấm gì. Thằng bò khô, thằng bánh tôm, anh kẹo kéo với cái vòng quay số có cắm một lá cờ nhỏ xíu ở giữa, chú Tàu sục tắc với hai thanh tre va đập lách tách, ông lão sê cầu với những móng tay cáu ghét và cái đèn bão rập rình ánh lửa, đã chia nhau gần hết đồng bạc của Nhị. Lại còn những hòn bi ve. Lại còn những con cù sừng nữa. Chưa giữa tháng, Nhị đã là chú học trò vô sản chính cống. May mà có chị Thời. Chị cho tiền Nhị đi xem xi nê ít nhất một tuần cũng được một lần.

Nhìn thấy những tấm hình tài tử treo kín

khấp ba vì tường phòng ngủ của chị, Nhị sáng mắt ra, như bắt được của. Nhận diện được tức thì đám tài tử là ai. Kia là Robert Taylor, tóc đen như mun, mái tóc lượn sóng. Kia là Tyronne Power, mặc như kiểu hiệp sĩ thế kỷ mười chín, mắt sáng gương, hàm răng trắng bóng, nụ cười mê hoặc. Kia nữa là Clark Gable, với đường ria chải chuốt. Kia nữa là Franchot Tone, kia nữa là Douglas Fairbank Jr. Có thể nói là tất cả những ngôi sao, những thần tượng, những khuôn mặt mà sau này Nhị được nghe nói như những ước mơ một thời đắm thắm nhất của đàn bà, đều có mặt trong căn buồng riêng của chị Thời. Sưu tập về những tấm hình tài tử này, với Nhị hồi đó, và sau này lớn khôn cũng vậy. Ngoài những tấm hình treo trên tường, chị Thời còn có hàng chục tập album nữa chứ. Riêng Robert Taylor thôi, con số hình đã tới hàng trăm. Những tập album dán hình tài tử của chị Thời cũng là những tập album tuyệt đẹp. Chữ mạ vàng và bì thì bọc gấm hết. Gấm màu huyết dụ. Gấm màu vàng điệp. Gấm màu xanh nước biển. Và gấm màu bạc, đài các,

ống ánh.

Thật là một khám phá. Một khám phá kinh ngạc. Cái điều cuối cùng làm Nhị ngạc nhiên hơn nữa là chị Thời rất ít có khi đi xem chớp bóng. Đâu như một năm chỉ một vài lần. Vào những dịp lễ tết. Và phải là một phim đặc biệt lắm. Thế thì chị có hàng mấy trăm tấm hình tài tử treo dính kín khắp trước tầm mắt, đầy đặc trong căn buồng riêng của chị như thế để làm gì? Nhị hỏi:

“Chị thích xi nê lắm hả?”

“Vừa thôi”.

Thích vừa thôi. Chỉ thích, chỉ mê những tấm hình. Lại là một bí mật ở ngoài tầm hiểu biết thơ dại của Nhị.

“Thích để làm gì?”

“Chẳng để làm gì hết”.

Và chị Thời xoa đầu Nhị, giọng chị bất chợt trang nghiêm, mơ màng, như nói với một

người lớn:

“Một người đàn bà như chị chỉ còn những tấm hình này”.

“Em không hiểu”.

“Lớn lên, rồi em sẽ hiểu. Thôi đi ra”.

o O o

Giã từ lòng phố cũ, những bờ mái cong trĩu mang cái linh hồn hắt hiu phai tàn của nhiều mùa lá rụng, giã từ vòm trời tỉnh nhỏ khuất lùi sau những mưa phùn và sương mù quá khứ, sóng đời từng lớp dồn đẩy chú nhỏ đến những bến bờ khác, sáng tươi hơn. Không bao giờ Nhị còn có dịp trở lại nơi chốn đánh dấu cho bốn năm bờ ngõ dưới những ánh điện đường phường phố. Châm đi lấy chồng. Ông phán phải đổi lên mạn ngược, mang theo gia đình theo. Một cuối năm nào đó, giữa chiến tranh kín trùm, Nhị được tin bà phán tạ thế. Con phố cũ, cái thế giới lặng lẽ khuất tịch, vòm trời tỉnh lẻ buồn rầu, với Nhị là đã chặt đứt

mọi liên lạc. Lắm lúc muốn tưởng nhớ lại, Nhị cũng chỉ còn thấy thấp thoáng hiện lên trong một hồi tưởng trùng, nhòa, ít nhiều ảnh hình lãng đãng. Nhưng chị Thời thì Nhị không quên được. Người thiếu nữ xấu số vì lỡ hết mọi chuyến xe hoa chạy qua cái ga sâu không bao giờ được thấy đỏ chói một trận mưa hoa là cái màu hồng pháo cưới lại chính là một mặt trời của kỷ niệm, đóa mặt trời dịu dàng ấy còn sáng chói mãi mãi trong trí nhớ. Nhị vẫn ước mong được gặp lại chị Thời, ít nhất cũng một lần. Nhưng người ta nói gia đình chị cũng không còn ở địa chỉ cũ. Cái số chị Thời lận đận, trôi dạt. Nhớ đến chị Thời, Nhị lại nhớ đến ngôi nhà ngày xưa. Khoảng sân sau rêu phong. Cái bể non bộ và những chậu cây cảnh. Người mẹ già, bàn thờ Phật. Hương trầm thơm và ánh nến lung linh. Những buổi trưa mùa hè, bóng tối làm thành bóng mát, khuôn mặt dịu dàng của chị Thời ở đó, nghiêng xuống giấc ngủ thơ ngây của đứa nhỏ xa nhà. Và tiếng nói của chị, êm ái. Và những tấm hình của chị. “Chị chỉ còn những tấm hình ấy. Để sống. Lớn lên, sau này

em sẽ hiểu”. Nhị đã lớn. Nhị đã hiểu. Những tấm hình tài tử ấy là tổng hợp cho một khuôn mặt đàn ông mơ tưởng không bao giờ trở thành sự thật cho đời chị. Nàng công chúa buồn vẫn ở trên cái tháp lạnh và cô đơn của tòa lâu đài kia. Những mùa xuân đã tới. Rồi qua. Hoa nở trong nội. Bướm bay trên đồng. Những chiếc xe hoa. Màu hồng của pháo cưới. Nhưng với chị Thời, không một chàng hiệp sĩ nào tới trước cửa lâu đài với con ngựa trắng. Và nàng công chúa phiền muộn vẫn sống với giấc mơ không bao giờ thành tựu của mình. Rồi những tấm hình cũng phải úa một ngày. Chị Thời ở đâu bây giờ? Dạt tới một bến bờ nào? Nhị hỏi thăm chị đó. Chúc chị may mắn. Chúc chị sung sướng. Chúc chị thế nào rồi cũng có một mùa xuân, dẫu chỉ là một mùa xuân thật muộn.

NHỮNG VÌ SAO THỨ NHẤT

Năm mươi bảy tuổi, tôi đã sống rất nhiều với những vì sao. Tôi đã gọi chúng là những vì sao của Diệu. Tại sao và tại sao bây giờ tôi nhắc lại những vì sao cũ, tôi sẽ nói ở dưới. Đạo ấy, chúng tôi ở phố Hiến. Căn nhà lá của cụ lý Bần – người chủ trọ – khoảng vườn nhỏ cạnh bờ ao biến thành một đài thiên văn nhỏ, đêm nào chúng tôi cũng ra ngồi ở đó, tâm hồn thơ dại mở những lối đi lên những đỉnh trời. Tập thơ đầu tiên của tôi với bài đề tựa của Diệu – không bao giờ được in ra – lấy tên là Phương Sao. Những vần thơ thứ nhất viết vào những giờ phút thao thức dưới ngọn đèn nhỏ, trong đêm tĩnh lẻ không cùng, trang giấy trắng muốt là một khoảng không gian rộng bằng thế giới của những vì sao. Thường thường tận

khuya chúng tôi mới từ ngoài vườn trở vào nhà. Đêm lạnh buốt. Liếp mỏng. Hoa lá ngoài vườn thơm một hương thơm quái đản. Những ngọn cỏ tối chân bờ ao thân mật gần gũi như những linh hồn người. Không khí liêu trai xuất ra từ những gốc rêu đất ẩm lạnh. Những vì sao tưởng như còn đi xuống nói chuyện vũ trụ và đời hành tinh lạnh lùng với những khoảng tuyết băng ngời ngời trên cao.

Tuổi mê sao, coi trăng là bạn và đường đi là con sông Ngân Hà lấp lánh, ánh sáng mơ màng choán ngập tâm tưởng tôi, trên những trang sách tôi, vào tận giấc ngủ. Trường chúng tôi ở Hà Nội dọn về sau mấy trận oanh tạc kho đạn Nhật Bản ở Gia Lâm, bấy giờ là vào khoảng cuối năm 1944. Nền trời đã thấm màu của một thời chiến đã bén lửa có bóng những chiếc pháo đài bay hai thân từ duyên hải tiến vào không phận thành phố phòng thủ. Trái bom dữ dội làm phát hỏa cả một góc cổng thành Cửa Bắc. Hai hôm sau chúng tôi đóng cửa trường ra bến Phà Đen.

Tôi gặp Diệu lần đầu tiên trên chuyến tàu đêm rời Hà Nội lúc hai giờ sáng. Nếu Diệu còn sống, tôi cũng vẫn nhớ được trọn đời chuyến tàu đêm ấy. Nước chảy bỗng bênh. Bóng tối dằng dằng. Tiếng còi rời bến nước nở. Diệu chết, chuyến tàu, tiếng còi, bóng tối sống lại trong tôi thành những hình ảnh vĩnh cửu của tuổi mười bảy. Đêm nay tưởng nhớ lại những vì sao cũ tôi đi lại trong tưởng tượng một chuyến tàu trong đêm Hồng Hà. Tôi đã mất Diệu, xa Hồng Hà và những vì sao cũ.

Vậy là buổi chiều ấy, một chuyến tàu đã rời Hà Nội. Còi hú dài đập vào những bãi vắng không nhìn thấy. Tiếng nước nở là những âm thanh vĩnh biệt. Nhịp đẩy đưa bỗng bênh của nước chảy dưới gầm cầu. Nước chảy xuôi, bánh lái chân vịt quay trở lại. Tôi đón nhận ấn tượng thứ nhất về thời gian trong chuyến đi lần đầu. Tôi nhớ lại từng chi tiết. Tàu đi đã lâu. Những ánh nến được đồng loạt đốt lên. Chúng tôi là bốn trăm người không ngủ. Tiếng nói chuyện thì thầm từ đầu đến cuối mũi tàu. Đêm mùa

đông vài bạt phủ kín tứ phía. Từ buồng máy hơi than lửa bốc lên ngọt ngọt. Tôi không ngủ được cũng không xem được cuốn tiểu thuyết mang theo và cũng không góp chuyện được với lũ bạn hữu. Sau cùng tôi đứng dậy lách khỏi đám thân thể nằm ngổn ngang vén bạt đi ra, lần về phía mũi tàu.

Tôi trông thấy Diệu lần thứ nhất. Anh ngồi quay lưng lại trên đồng dây sắt. Lúc đó tôi chưa biết Diệu là ai nhưng một cảm giác thân thuộc đã vụt đến. Sự gần gũi của hai người cùng có một cái gì giống nhau trong một giờ phút đặc biệt vì nếu không có Diệu ngồi đó tôi cũng sẽ đến ngồi trên đồng dây xích sắt và cũng quay lưng trở lại. Tôi đứng lại, không động, tay vịn vào thành sắt vây quanh đai tàu. Về sau, có một lần tôi cũng trông thấy một người ngồi như thế, trong một sân ga nhỏ đêm mưa phùn, chờ một chuyến tàu chưa đến, như một cái bóng một pho tượng đắm chìm trong im lặng. Tôi yêu những con người với những bóng hình thành tượng như vậy. Sự suy nghĩ

triền miên lúc đó như đẩy ra khỏi hiện tại có giới hạn đến một thế giới nào chỉ có mình với mình không một liên lạc một vương bản với chung quanh. Rodin lúc nặn tượng người suy tưởng chắc cũng có những phút tách rời như thế để sáng tạo trong những hình nét điêu khắc thần kỳ một con người đối diện với thế giới nội tâm của mình. Phút ấy tôi chắc Diêu cũng chưa lắng được hẳn vào suy tưởng. Bờ vai bờ lưng kia còn như bị đè nặng dưới một tâm sự: Hà Nội. Tôi cứ đứng yên lặng mà nhìn Diêu, thấy rằng một tiếng động nhỏ lúc đó cũng không thể tha thứ. Bóng Diêu in lên mặt sông đêm khuya thoáng gợn những bọt nước trắng như những sợi chỉ đứt. Tôi nghĩ đến một cái gì tương phản. Bên trong, bốn trăm gã học trò tản cư chụm đầu trên những trang tiểu thuyết, thì thầm nói chuyện hoặc đã ngủ say sưa mê mết. Và bên ngoài, một người ngồi nhìn đêm, nhìn thời gian, ngồi trong một thế giới. Tôi thấy Diêu lạ lắm. Lúc đó tôi không còn nghĩ Diêu là một gã học trò nữa. Tôi vừa ngạc nhiên vừa kính trọng. Sau cùng, tôi tiến lại

gần. Bước chân tôi vướng vào một cái gì, làm thành tiếng động và Diệu quay lại. Anh nhìn tôi thản nhiên, nhưng hai con mắt sáng lên như hai vì sao nhỏ. Tôi lặng lẽ ngồi xuống bên cạnh, trên đồng dây xích sắt đã lạnh buốt. Còn tàu vẫn chuyển đi. Một lát sau tôi đoán vào lúc tàu về qua vùng Bát Tràng, Gồm gì đó thì tôi đã được biết ít nhiều về Diệu. Tên anh, quê ở Sơn Tây và mới xin nhập học được nửa tháng thì trường phải chuyển chuyển. Thảo nào cùng trường mà chúng tôi chưa quen nhau. Tôi hỏi Diệu:

“Ngồi ngoài này lạnh lắm. Anh không buồn ngủ sao”.

“Không, Diệu cười. Ngày nhỏ đi thuyền trên sông Đáy tôi vẫn thức suốt đêm cho đến lúc ghé bến. Tôi thích nhìn sao”.

Yên lặng một lúc, Diệu nói tiếp:

“Không gì đẹp bằng những vì sao”.

Câu chuyện giữa chúng tôi thỉnh thoảng

lại bị cắt đứt bằng những im lặng dài. Chúng tôi cùng nhìn xuống khoảng tối của sông dưới mũi tàu. Một lát, nhìn lên, tôi bắt đầu thấy những vì sao là đẹp. Nhìn sang Diệu, tinh tú đọng trong mắt anh và tôi không biết anh đang nghĩ đến điều gì. Người anh gầy, nhỏ. Anh mặc một chiếc áo dài đen rộng lưng thùng. Thôi nhìn sao, Diệu lại kể chuyện Sơn Tây cho tôi nghe. Thành đá cổ cũ hoang vắng, hào sâu cỏ lấp kín, buổi trưa tỉnh lẻ nắng mệt mỏi ngủ giữa những bóng bàng cao vút, tiếng bánh xe ngựa lăn vòng quanh cửa Tiền cửa Hậu và buổi chiều gió sông Hồng thổi vào thành phố với những chuyến xe hàng nặng nề từ mạn Trung Hà vào đỗ trong bến. Tôi hơi buồn cười về lối thuật chuyện của Diệu lúc đó. Sau này tôi mới khám phá thấy những tiếng xe cửa Tiền cửa Hậu ấy, những rãnh hào cỏ hoang ấy là những trang tiểu thuyết đẹp nhất tôi đã đọc được ở Diệu.

Đêm theo trường về phố Hiến sao cũng sáng và cũng nhiều lạ lùng. Sông Ngân Hà vắt

qua chạm vào lòng sông cắt thành một ngã tư hào quang. Con tàu đi lâu vẫn không hết ngã tư ánh sáng. Một lúc nào đó Diệu chỉ tay bảo tôi:

“Chỗ kia sao xúm xít dễ đến hàng triệu”.

Quả thật chưa bao giờ tôi lại có cảm tưởng sao nhiều đến như thế. Về sau, đêm nào tôi cũng gặp những vì sao nhưng tôi chỉ gần chúng nhất, thấy chúng đẹp nhất riêng trong đêm đi tàu và gặp Diệu. Nền trời đen thẫm ở trên, con sông ở dưới sâu hút, tàu chuyển mình giữa hai màn sao, một của trời và một của nước. Chúng tôi ngồi ở giữa. Sương xuống càng nhiều, đêm càng lạnh, sao càng sáng rực rỡ. Vẻ đẹp của tinh tú đêm ấy nằm trong tâm tưởng người. Nhìn lên, vẽ những con đường tưởng tượng đến một hành tinh xa lạ hoặc là dạo những bước chân tưởng tượng giữa hai bờ sông Ngân, cảm xúc tôi đêm đó không phải thuộc về một ý niệm khoa học. Vũ trụ chỉ là một cảnh tượng đẹp lãng mạn, tôi không phân tích nổi với những vì sao bí mật quyến rũ. Con tàu vẫn

đi. Tôi đã thức với Diệu như thế, nói chuyện thì ít ngắm sao thì nhiều, cho đến khi tàu cập bến Hưng Yên. Ánh sáng của lửa bến khác hẳn, đục, buồn và tầm thường. Rồi con đường lên thành phố hiện ra tăm tối qua những bãi ngô. Đất bồi ven sông rộng mênh mông. Đoàn học trò kéo dài. Diệu lùi xuống cuối đoàn đi bên cạnh tôi và câu chuyện về những vì sao vẫn chưa dứt. Tôi gọi chuyện. Diệu lại kể cho tôi nghe những đêm ở Sơn Tây, anh đứng ngắm sao hiện lên trên cổng thành. Anh nhớ có một vì sao lớn đêm nào cũng mọc rất muộn ở góc thành cửa Hậu, anh đã chờ đón như chờ một người bạn, ở một chỗ nhất định. Mấy năm sau anh không nhìn thấy vì sao ở chỗ cũ và khoảng trời thiếu vắng một điểm sáng như một sự thương nhớ đen. Tôi nghe chuyện càng thấy Diệu kỳ lạ.

Trời sáng mờ mờ khi chúng tôi đặt chân vào phố Hiến. Nền trời hồng hồng không còn một vì sao nhưng mà những vì sao đêm qua đã làm chúng tôi thân nhau. Tình bằng hữu giữa tôi và Diệu sau này vẫn có cái ánh sáng lạnh và

hình ảnh thương nhớ của những vì sao đêm thứ nhất.

Nỗi buồn của Diệu thường trực. Trong suốt mười bốn tháng – thời gian lưu trú ở phố Hiến – không bao giờ tôi thấy Diệu vui. Trường học mới rất thích hợp với Diệu. Đó là một tu viện ba tầng màu xám đứng sừng sững giữa một bãi cỏ rộng sau chợ cách xa thị xã bằng một con đường đất đỏ lúc nào cũng lầy lội. Phía sau trường, thật xa, một con đê chạy dài, bóng những cây nhãn cao đều nhau kéo đi với những khoảng cách đều đặn. Tôi không quên được những đêm sao ở phố Hiến, cũng không quên được những bờ đê phố Hiến. Cỏ xanh mướt, lúc nào cũng tươi nồn, từ mặt đê thoai thoải đổ xuống chân đê, chỗ nằm lý tưởng cho chúng tôi những buổi trưa đến đó chia nhau mỗi người một gốc nhãn, nằm nhìn bầu trời biếc giữa những khoảng lá trống động nắng. Thật là những cánh lá thon mình thuyền của Huy Cận. Chúng đi vào tâm hồn Diệu u ẩn hoang vu mà tôi đã muốn so sánh với một

tháp Chàm của Chế Lan Viên khi tâm hồn tôi mới chỉ có được cái thơ đại bổ ngữ của một vần thơ Nguyễn Nhược Pháp. Trong lãng mạn của tuổi thơ đã có tượng trưng của hồn. Tác dụng từ con người từ nếp sống của Diệu gửi tới chúng tôi, sắc thái sâu đậm nhất là bao giờ ở Diệu cũng như mở ra một cửa ngõ của suy tưởng chúng tôi theo đó đi vào những thế giới ảo tưởng vừa đẹp và vừa buồn. Đẹp vì nhiều ánh sáng. Buồn vì ít tiếng động. Ánh sáng của những vì sao, trong sự im lặng của đêm của vũ trụ. Nhiều khi nằm ở chân đê – chọn những góc khuất vắng, tôi đã mất hẳn ý niệm về thời gian, đến lúc rũ áo ngồi đây, buổi chiều đã xuống từ bao giờ mà không hay biết. Nắng xé thoi thóp trên mái tu viện. Những bờ ruộng kéo dài và trời sâu hơn. Một buổi chiều, Diệu đã chỉ cho tôi một dải nắng sắp tàn trên mặt cỏ. Và nói:

“Một đời được nhìn nắng đẹp vài lần thế này cũng đủ”.

Tôi không hiểu chữ “cũng đủ” của Diệu. Có

lẽ bởi một linh tính nào đã báo trước cho Diệu, anh nằm xuống sớm, để những dải nắng chiều trở nên quý báu vì vĩnh viễn con người anh không nhìn thấy nữa, không lâu gì. Bấy giờ tôi mới thấy Diệu có lý và hiểu thấu đáo ý nghĩa hai chữ cũng đủ của anh. Hàng nghìn hàng vạn con người sống lâu gấp ba bốn lần cuộc đời ngắn ngủi của Diệu, chưa từng bao giờ ý thức và xúc cảm được về cái đẹp của một dải nắng, một vì sao. Họ chỉ biết là có nắng đấy có sao đấy, nhưng không biết thế nào là đẹp, và bởi vậy trời đất thiên nhiên chỉ là những đối tượng thờ ơ của một cái nhìn khách quan, vô nghĩa và ở ngoài. Điều càng làm cho tôi quý mến Diệu lúc sống, và sau cái chết của Diệu, thương xót anh mãi mãi, là bản chất buồn, nhưng sức sống của Diệu thật mãnh liệt. Chỉ như một cái bóng đi vào và ra khỏi rất thoág rất mau giữa cuộc đời như là một cái bóng đựng một lượng sống chan hòa phát triển. Ở chỗ: Diệu chẳng những đã thao thức tìm kiếm một lối đi vào sâu trong sự vật, anh còn gửi cho sự vật lòng yêu mến chân thành. Thái độ này gắn Diệu vào với sự

vật làm một. Những vì sao với anh là một. Dải nắng chiều bờ cỏ xanh với anh là một. Lúc anh là một thân cây. Lúc anh là một vì sao.

Sống với Diệu một thời gian, tôi đã viết những vần thơ thứ nhất. Tự nhiên, dễ dàng như gã học trò làm bài giữa trời đất. Cái gì thúc đẩy tôi? Có phải là trong lớp học thiên nhiên tôi ngồi chung ghế với Diệu? Tập thơ Phương Sao không bao giờ được in ra – tôi coi như là một phúng viếng gửi cho người bạn đã khuất – tôi đã đánh rơi xuống dòng sông Mã trước bến đò Lèn một buổi chiều có phi cơ oanh tạc vụt đến. Những dòng thơ mơ hồ không nhớ được nữa, nhưng mà những xúc cảm ghi nhận trong đó tôi nhớ chính là sự tiếp xúc đầu tiên của tôi với giấy mực với thiên nhiên qua con người Diệu. Ví như những âm thanh tôi nghe được qua hồn Diệu là tiếng vang núi. Bây giờ thì những xúc cảm tôi đã có thể tiếp nhận thẳng ở sự vật nhưng Diệu vẫn cứ còn nguyên vẹn là một sự thiếu vắng những lúc tôi chợt đứng sững một mình giữa một cảnh tượng

đẹp làm mình ngây ngất. Diệu mang hình ảnh một ý niệm tổng hợp. Nếu mà người đàn bà thứ nhất vẫn gửi lại cảm xúc qua những người đàn bà khác tôi gặp nhiều về sau, thì Diệu cũng là cái đẹp đầu tiên ấn tượng tôi vẫn luôn luôn gặp lại trong những cái đẹp tôi đón nhận được bây giờ và mai sau. Trên nền trời của riêng tôi, những vì sao vẫn thay phiên nhau mọc lên trong ánh sáng tinh tú muôn vạn. Nhưng Diệu thì vẫn là vì sao thứ nhất.

Diệu chết năm 19 tuổi. Không phải ở Sơn Tây, cũng không phải ở phố Hiến mà trong cái ngõ hẻm số 5 cuối đường Khâm Thiên ngoài Hà Nội. Cách mạng tháng Tám bùng nổ. Chúng tôi bỏ trường, người về Hà Nội người về quê. Bẵng đi khá lâu tôi không gặp Diệu. Đến lúc lên Hà Nội mới biết tin Diệu đã mất. Tôi hỏi thăm và tìm đến chỗ Diệu ở. Lúc bây giờ vào buổi trưa. Qua một phố lớn, ngõ hẹp mất hút giữa hai bờ tường xám. Tôi đã đứng lại rất lâu giữa lòng ngõ, nhìn lên khoảng trời cao. Một khoảng trời thành phố bé nhỏ lạ lùng. Tôi nghĩ

đến những ngày cuối cùng của Diệu, ở ngõ hẻm, với một vài vì sao hiếm hoi họa hoằn mới hiện ra giữa hai chiều tường. Tôi gõ vào một tấm cửa đóng kín. Một bà cụ già ra mở cửa. Bà ngó tôi chăm chú. Sau khi tôi tự giới thiệu, bà gật đầu nói:

“Phải, cháu nó mất đã hai tháng. Bị bệnh đau phổi đấy ông ạ! Theo lời cháu dặn tôi chôn cất cháu ở một nghĩa địa ngoại ô. Cháu có gửi tôi một lá thư dặn giao lại cho ông”.

Tôi nghĩ thầm: Một vì sao đã tắt ở đây. Tôi theo bà cụ vào nhà. Căn buồng tối mờ mờ. Tường mái long lở cũ kỹ. Mấy chiếc bàn ghế đứng im lặng trên nền đất tối và lạnh. Tôi đứng rất lâu, cả người tê đi trong sự đợi chờ tiếp nhận lại một cái gì. Một cái gì của Diệu, một hình ảnh, một màu sắc quen thuộc. Cảm giác đau đớn rức buốt nổi lên trong tôi. Căn phòng không để lại một dấu tích nhỏ bé nào có thể chứng minh với tôi Diệu đã về sống và đã chết ở đây. Có thể nào được không? Nếu để tìm đến cái chết Diệu có thể về đây để chết, nhưng chỗ

này anh không thể sống được, ở đây chẳng khác gì một tu viện bưng bít như một hầm kín. Căn nhà lạnh thiếu ánh sáng, bóng tối đọng lại trong mắt. Tôi nhớ cùng một lúc đến những đêm sao lấp lánh muôn triệu những bờ đê cỏ mượt những phiến da trời xanh trên đỉnh cây cái thế giới tâm hồn của Diệu ở ngoài kia, bên ngoài thành phố bên ngoài ngoại ô, bên trên mặt đường bên trên mái nhà, chỗ những khoảng rộng mà tầm mắt không bị thu hút, cái nhìn không bị giới hạn, ở đó con người thấy mình nhỏ như một hạt cát và cũng lớn như vũ trụ, bởi sống và ý thức được đầy đủ thế nào là cái đẹp của khoảng cao rộng, bên trong và bên ngoài mình.

Bà cụ mở một ngăn tủ trao cho tôi lá thư. Trang giấy ngắn cũng không có gì quan trọng. Diệu chỉ vắn tắt viết cho tôi, anh biết anh sắp mất và hy vọng tôi sẽ ra thăm chỗ anh nằm ở ngoài trời, một mình. Tôi gấp thư lại. Hỏi chuyện bà lão già về những phút cuối cùng của Diệu, bà cho biết Diệu thao thức ít ngủ. Và

trong tuần lễ sau cùng, luôn luôn đòi ra nằm gần cửa sổ. Diệu muốn thu vào trong đôi mắt hấp hối những vì sao một đời? Nhưng ngỗ thì hẹp tường thì cao anh chỉ thể đoán thấy mà không nhìn thấy. Tôi nghĩ vậy. Nếu được lựa chọn, chắc Diệu đã muốn được nhắm mắt ở một mũi tàu trong chuyến đi đêm trên sông, hoặc trên một bờ đê cao, giữa những khoảng rộng. Trong một đêm rất nhiều sao sáng.

o O o

Nhiều năm qua đi. Phố Hiến cổ cũ, Sơn Tây đẹp buồn, những bờ đê cỏ mướt, không có bước chân tôi trở lại thăm viếng, vì xa cách và thiếu cơ hội. Tôi cũng đi nữa những chuyến tàu đêm trên Hồng Hà. Nhưng trước khi dời Hà Nội vào Nam, tôi có đến thăm mộ Diệu. Chia tay với người chết vậy mà cũng rưng rưng đau đón như với người còn sống. Bà cụ già đã làm theo ý muốn cuối cùng của đứa cháu ngoại mất sớm. Mộ Diệu đặt trên một thửa ruộng

cao. Trước mộ là đất trải đi mênh mông, và trời xanh không vương khuất. Chiều đến thăm mộ bạn, tôi đã ngồi xuống bên cạnh nắm đất. Cỏ úa màu nắng chiều. Tôi quay lưng với Diêu trở lại thành phố. Cuộc sống của người ở đây ngắn ngủi vụt đi như một hành tinh lạc đường. Nhưng đẹp và trọn vẹn. Bây giờ Diêu, có thể hoàn toàn theo dõi những vì sao của anh. Nếu cõi chết là hình ảnh của đêm thì những vì sao đã thuộc của riêng anh. Tôi trở lại thành phố trên những con đường đã chạng vạng bóng tối. Đầu óc tôi váng vất một nhịp đẩy đưa bồng bênh. Thời gian. Bánh xe lăn. Đôi cánh trắng muốt. Ý nghĩa trường tồn của một cái gì không vĩnh cửu. Và người bạn, như một vì sao, còn sáng mãi trong tôi.

o O o

Tôi sẽ không bao giờ nói trở lại những vì sao của Diêu – có những cái đẹp, đẹp đến nỗi người ta chỉ muốn giữ một mình và khô-

ng muốn nhắc nhở tới – nếu tôi không tình cờ đọc một đoạn văn của một người bạn trong cuốn sách anh vừa tặng tôi chiều nay. Đoạn văn nói rằng thái độ trở về với dĩ vãng là một triệu chứng tâm hồn yếu đuối. Nhưng mà dĩ vãng nào? Đoạn văn không làm tôi để ý nếu người viết không đả động tới những vì sao: “Những vì sao đã tắt đêm qua như những sự gục ngã tối tăm. Con người phải đi trên đường đi của mặt trời”. Tôi lấy bút chì gạch dưới câu văn. Tự nhiên tôi nhớ đến Diêu, đến những vì sao cũ. Tôi mặc áo ra khỏi nhà. Qua những dãy phố chật hẹp, chồng xếp lên nhau ở trung tâm thành phố, tôi đi dần ra mạn bờ sông. Phố thưa dần. Mái nhà bờ tường cái nọ cách xa cái kia hơn. Những hàng cây những bóng điện thấp xuống. Rồi thì là sự hiển hiện cao vút đột ngột của vòm trời. Vẫn là một vòm trời thành phố nhưng một cảm giác rộng rãi đã trải ra trước mắt tôi nhìn lên. Tôi dừng bước trước bờ sông. Tôi ngồi trên một chiếc ghế đá. Đã lâu lắm, qua rất nhiều năm nhiều tháng ngày, những vì sao mới lại trở về qua ấn tượng thứ

nhất. Chúng đang đi xuống tôi. Nhấp nháy, linh động như những tiếng nhắc nhở thầm. Tôi sống lại với Diệu. Tuổi mười bảy tập Phương Sao với những vần thơ không bao giờ được in ra. Giá trị của những sự kiện đã tàn hủy những ý nghĩa còn tồn tại. Cái đẹp khởi từ nguồn gốc cũ vẫn như một dòng ánh sáng thiết yếu cho đời người hôm nay. Tôi sống hôm nay, cũng không tách biệt được với những cái gì đã chết những người đã chết, với lịch sử với tâm hồn người đời đời. Nhát dao chặt đứt mình mấy quá khứ thì thi thể của hiện tại cũng rách nát đau đớn. Ba phần thời gian chỉ là một. Tôi nghĩ miên man như vậy. Chung quanh tôi là thành phố, dòng nước chảy, những hàng cây, những mái nhà, vòm trời cao, đáy nước sao. Chúng tổng hợp lại thành một thực thể tổng hợp. Tôi không thấy một khởi điểm riêng lẻ nào. Những vần thơ tôi sẽ viết và sẽ được in ra sẽ còn cái hơi thở của tập thơ buổi đầu. Làm cái việc ôn lại đời mình qua những điều chắt gạn ở cuộc sống một người đã khuất, tôi muốn tự đặt cho mình một thái độ. Con người phải đi trên

đường mặt trời hướng vào tương lai. Nhưng quá khứ đã làm tôi lớn lên. Tôi tưởng rằng nếu tôi có hàng ngàn năm để làm cái việc thu lượm những cái đẹp, những vì sao từ quá khứ gửi tới thì cái việc thu lượm đó sẽ không bao giờ hết. Và tôi đi đến một kết luận: Cái đẹp nào cũng chứa đựng một hình ảnh của quá khứ.

o O o

Cho tới lúc tôi rời bỏ chiếc ghế đá theo đường cũ trở về nhà thì đêm đã khuya. Gió mát rượi thổi qua thành phố ngủ yên. Trời đất bây giờ như đã hòa mình hẳn vào với những lòng đường. Bóng lá bóng nước. Những vì sao ở cùng với những hàng cây, những bờ tường, những biển số trong một khung cảnh gần gũi thân mật. Tôi đi giữa sự gần gũi thân mật này. Tôi tự bằng lòng tôi. Tôi thấy tôi bớt lẻ loi. Chợt nghĩ đến một cuốn phim xem đã lâu. Chuyện thuật lại những ngày trở về buồn rầu của một người quân nhân sau trận đánh nhau

lớn, những đợt trọng pháo sấm sét dữ dội đã làm y mất trí nhớ. Y không nhận được gì nữa. Y không biết mình là ai, ở đâu. Người vợ chưa cưới ngày xưa chỉ là một trong muôn nghìn người đàn bà xa lạ. Gian phòng cũ, chỗ ngồi cạnh lò sưởi buổi chiều, chỗ ngồi buổi sáng ở ngoài vườn, những hàng cây những bờ thềm, tất cả những những hình ảnh quen thuộc ấy đều không giúp y nhận lại được nhà cửa quê hương, những người yêu dấu, mặc dù ở đó y đã sống những ngày thần tiên và thơ mộng. Y như giống người đến từ một hành tinh khác. Y đã mất quá khứ, như một thân cây mất rễ. Những ngày tháng về trước đã nhạt nhòa dấu tích, ấn tượng xa xưa chỉ là một vực đen sâu không cùng. Y sống cũng như chết. Y chết giữa cuộc sống. Tôi không muốn làm người quân nhân trở về sau cơn mê hoảng ấy, mất quá khứ, khiến cho hiện tại chỉ còn là một nghĩa địa một sa mạc và đời sống là một cực hình. Tôi muốn nhớ lại, luôn luôn được nhớ lại. Tôi nghĩ đến một thành phố hủy phá. Nhà đổ cây sập. Gạch đá ngổn ngang. Tôi trông thấy cái cảnh tượng

hoang tàn đó những bầy thợ thuyền đang xây dựng lại nhà ở và đường đi. Tôi cũng trông thấy những đoàn người lang thang lần mò từ đồng gạch này sang đồng gạch khác trong một thái độ lăm lì đầy ý nghĩa, tìm kiếm lại những dấu tích cũ. Một tấm ảnh. Một chiếc khăn quàng. Một chiếc giày cũ. Họ muốn nhớ lại. Họ không muốn mất quá khứ. Vì họ còn muốn sống. Vì họ biết rằng những bông hoa rực rỡ nhất của sự sống không thể nở được, không bao giờ nở được, trên khoảng đất héo hon và giá buốt là sự lạnh lùng thần nhiên và sự lãng quên nhau.